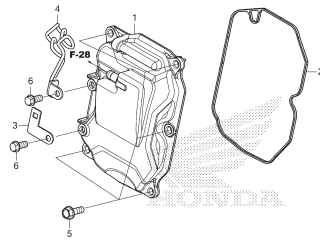


NHÓM PHỤ TÙNG VỀ ĐỘNG CƠ

E-2

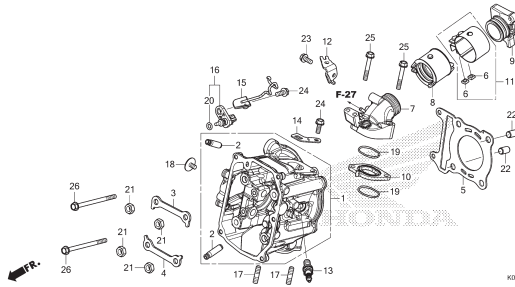
ÓP ĐẦU QUY LÁT



KORBE000

E-3

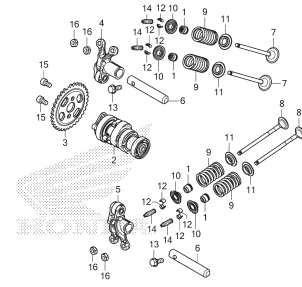
ĐẦU QUY LÁT



KORBE000

E-4

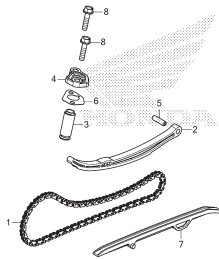
TRỤC CAM/XU PÁP



KORBE000

E-5

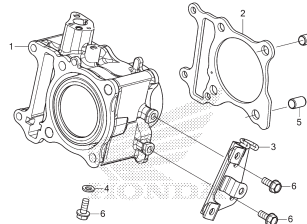
XÍCH CAM/TĂNG XÍCH CAM



KORBE000

E-6

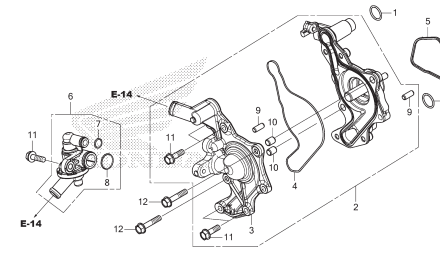
XY LANH



KORBE000

E-9

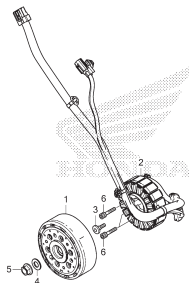
BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT



KORBE000

E-10

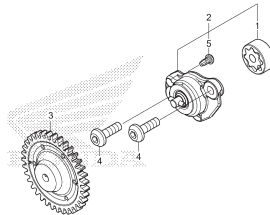
ĐỀ A.C.G.



KORBE1000

E-11

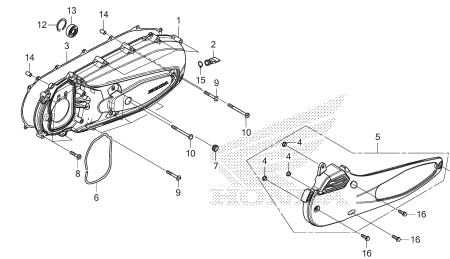
BƠM DẦU



KORBE1100

E-13

ÓP CẠNH TRÁI



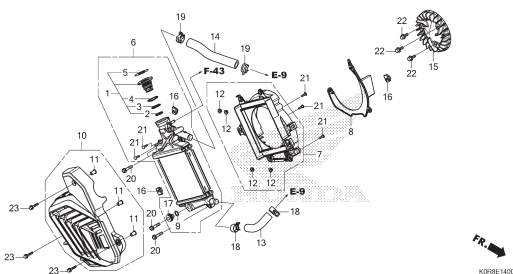
KORBE1300

2

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ ĐỘNG CƠ

E-14

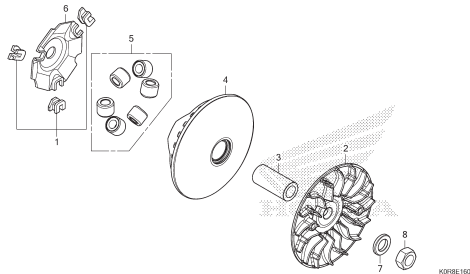
KẾT TẢN NHIỆT



KORBE1400

E-16

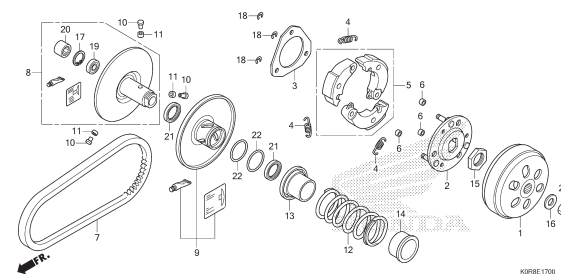
MẶT DẪN ĐỘNG



KORBE1600

E-17

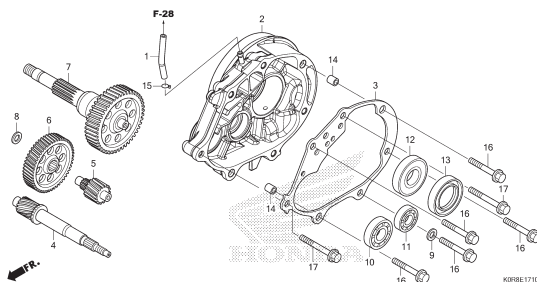
MẶT BỊ ĐỘNG



KORBE1700

E-17-10

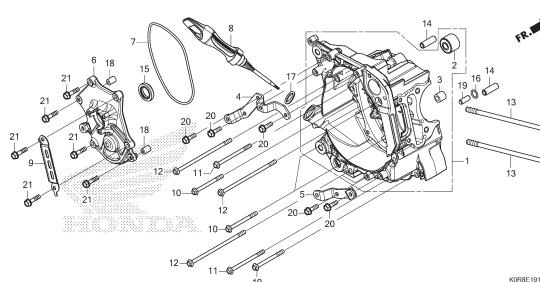
BỘ TRUYỀN ĐỘNG



KORBE1710

E-19-10

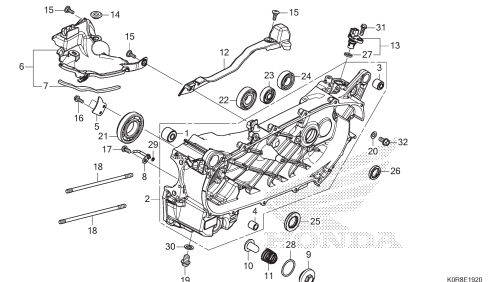
VÁCH MÁY PHẢI



KORBE1910

E-19-20

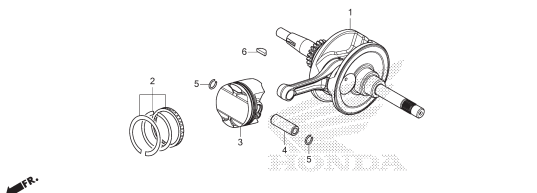
VÁCH MÁY TRÁI



KORBE1920

E-20

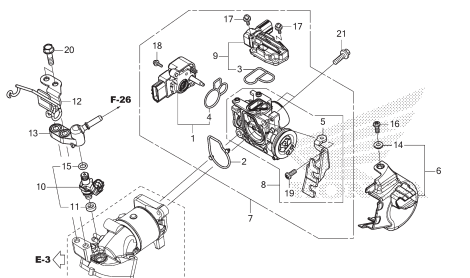
TRỤC CƠ/PISTON



KORBE2000

E-22

BỘ HỘNG GÀ/KIM PHUN XĂNG



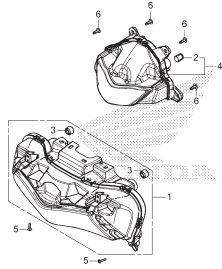
KORBE2200

2

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

F-1

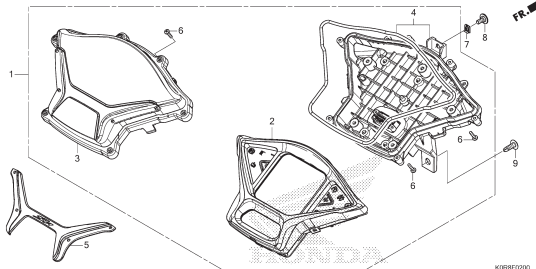
ĐÈN PHA



KORBF0100

F-2

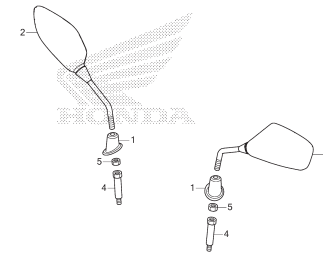
ĐỒNG HỒ



KORBF0200

F-3

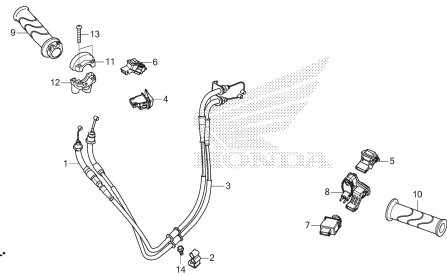
GIỜNG



KORBF0300

F-4

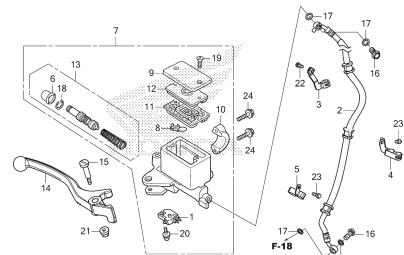
CÔNG TẮC/DÂY



KORBF0400

F-5

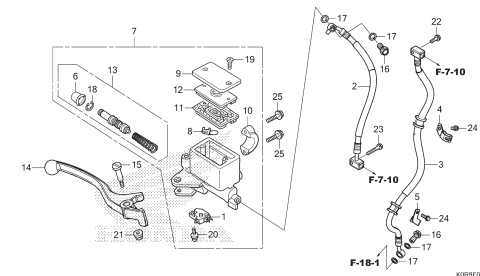
XY LẠNH CHÍNH PHANH TRƯỚC
(SH125D/SH150D)



KORBF0500

F-5-1

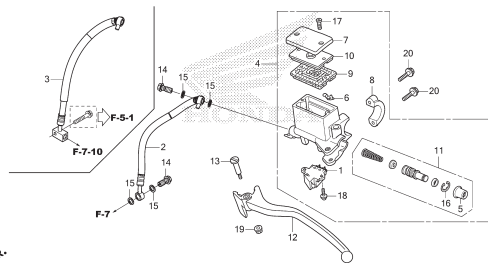
XY LẠNH CHÍNH PHANH TRƯỚC
(SH125AD/SH150AD)



KORBF0501

F-6

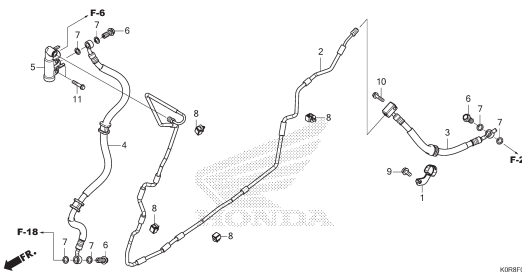
XI LẠNH CHÍNH PHANH SAU



KORBF0600

F-7

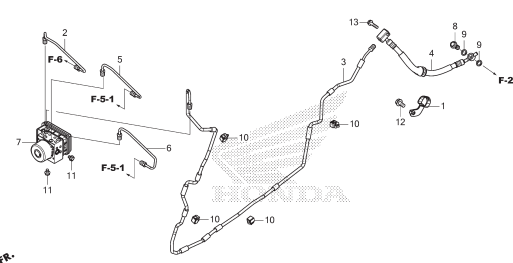
ỐNG DẦU PHANH SAU/ỐNG PHANH



KORBF0700

F-7-10

BỘ ĐIỀU BIẾN ABS



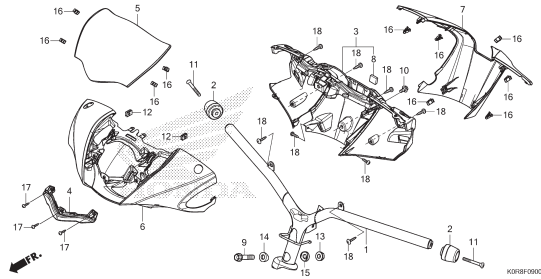
KORBF0710

3

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

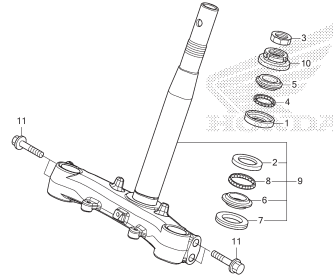
F-9

ỚP TAY LÁI/CỔ LÁI



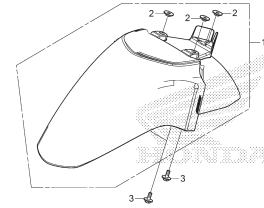
F-10

CỔ LÁI



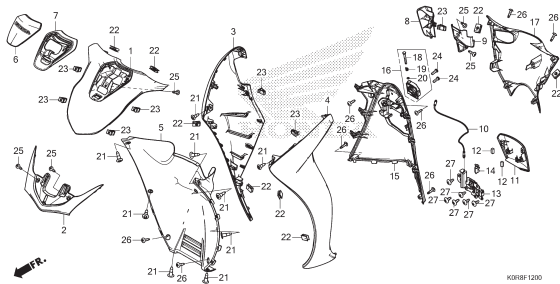
F-11

CHẮN BÙN TRƯỚC



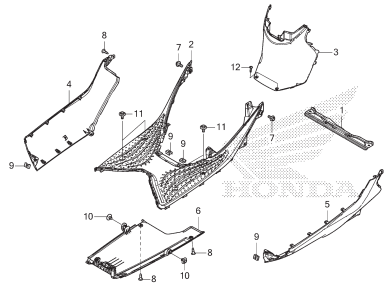
F-12

ỚP TRƯỚC



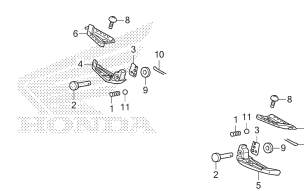
F-14

SÀN ĐỂ CHÂN



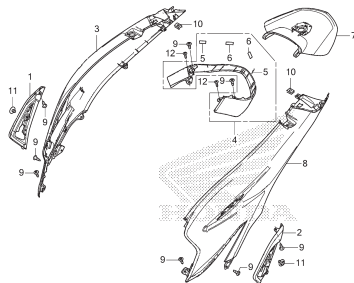
F-14-10

GÁC CHÂN SAU



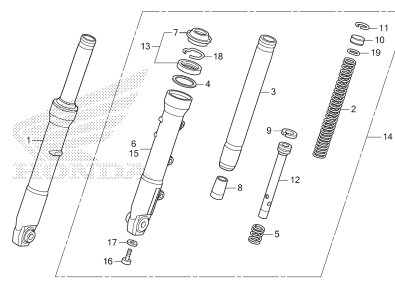
F-15

ỚP THÂN



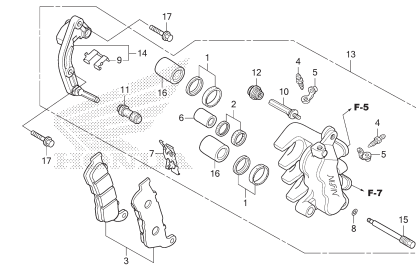
F-17

GIĂM XÓC TRƯỚC



F-18

NGĂM PHANH TRƯỚC
(SH125D/SH150D)

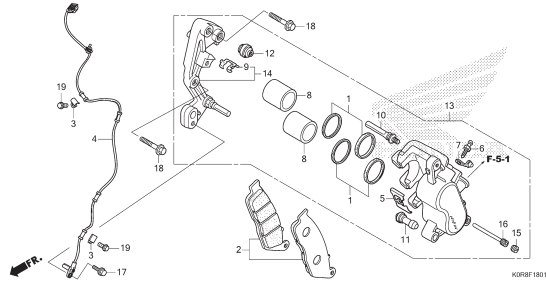


3

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

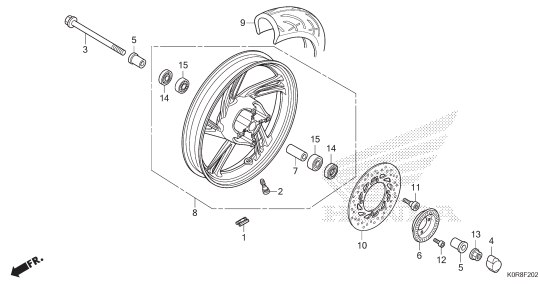
F-18-1

NGÀM PHANH TRƯỚC
(SH125AD/SH150AD)



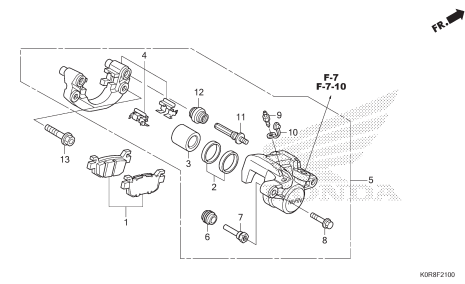
F-20-20

BÁNH TRƯỚC



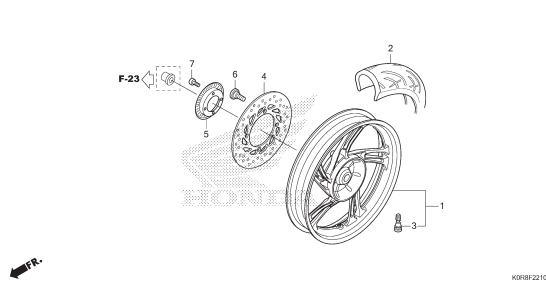
F-21

NGÀM PHANH SAU



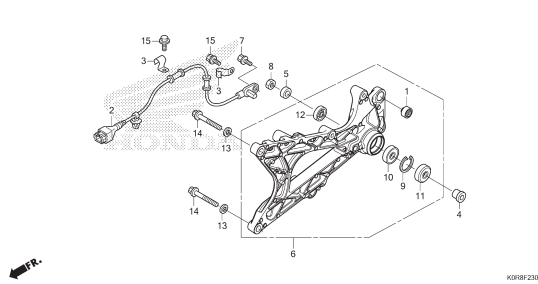
F-22-10

BÁNH SAU



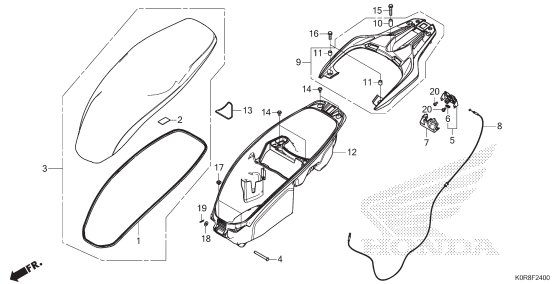
F-23

CÀNG SAU



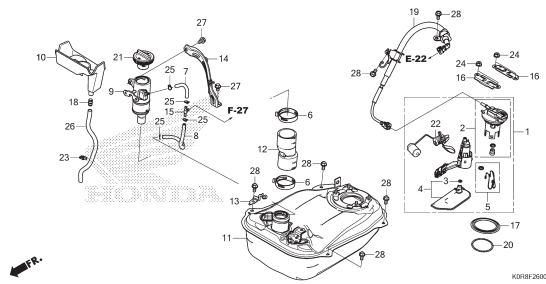
F-24

YÊN XE/HỘP ĐỰNG ĐỒ



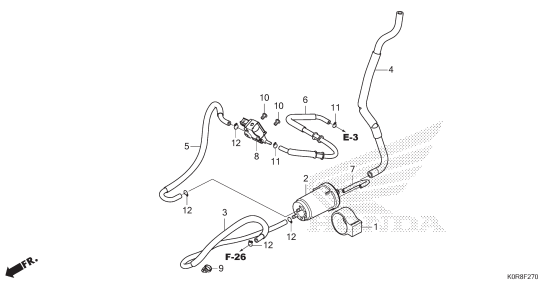
F-26

BÌNH XĂNG



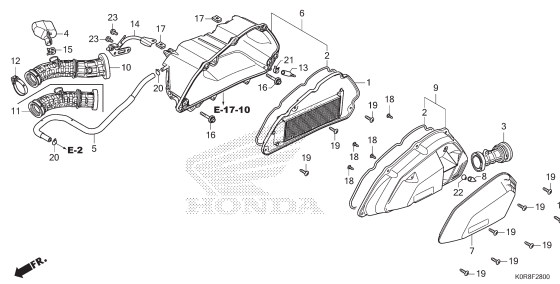
F-27

HỘP LỌC KHÍ BÌNH XĂNG



F-28

LỘC GIÓ

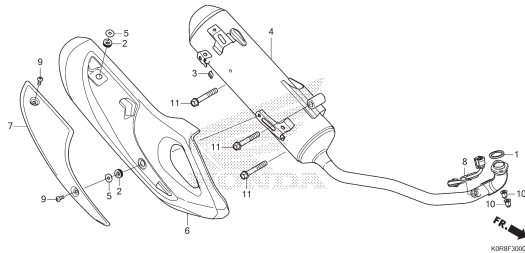


3

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

F-30

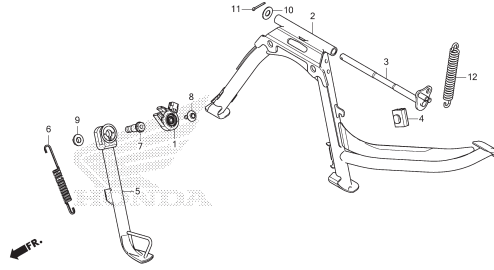
ỐNG XÃ



KORBF3000

F-35

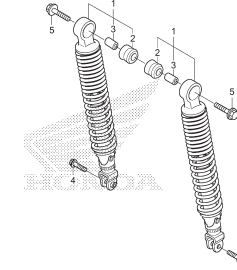
CHÂN CHỖNG



KORBF3500

F-36

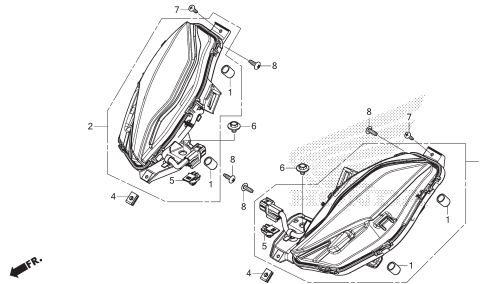
GIẢM XÓC SAU



KORBF3600

F-37-10

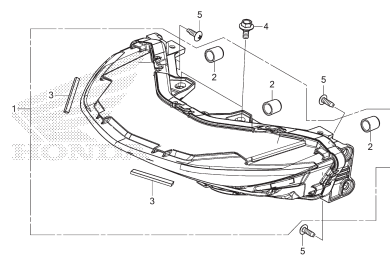
ĐÈN BÁO RẼ TRƯỚC



KORBF3710

F-38-10

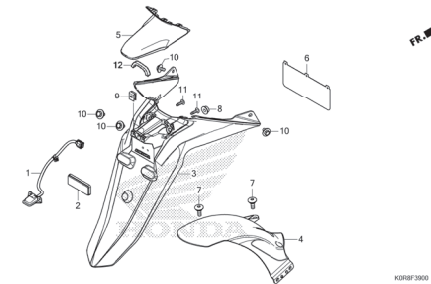
CỤM ĐÈN HẬU



KORBF3810

F-39

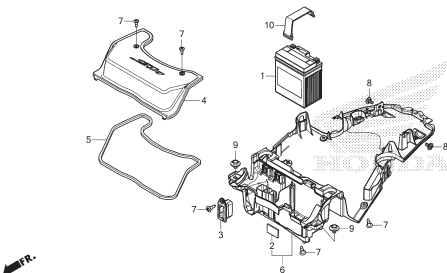
CHẮN BÙN SAU/ĐÈN SOI BIỂN SỐ



KORBF3900

F-40

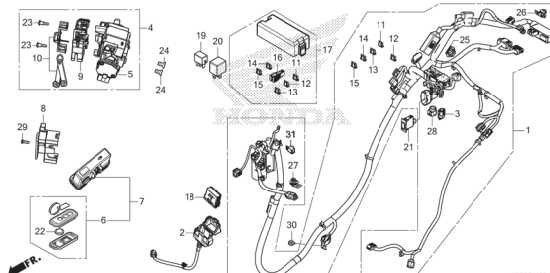
BÌNH ĐIỆN



KORBF4000

F-41

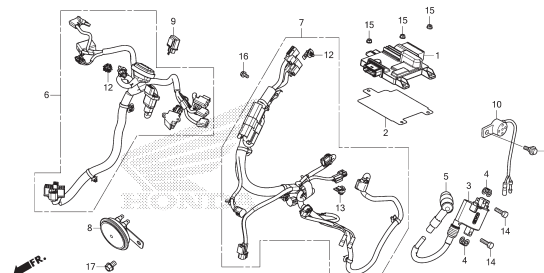
BÓ DÂY



KORBF4100

F-41-10

BÓ DÂY PHỤ/CUỘN ĐÁNH LỬA

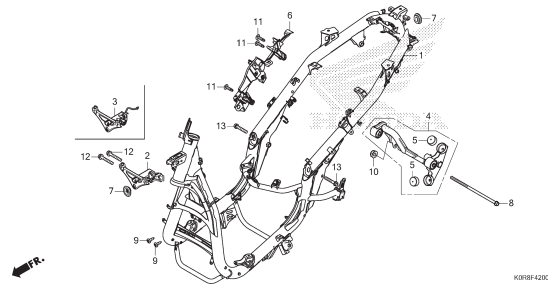


KORBF4110

NHÓM PHỤ TÙNG VỀ KHUNG

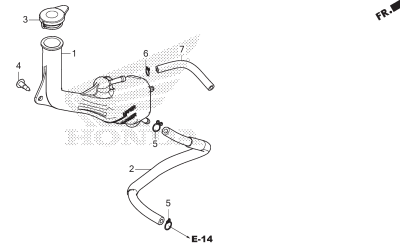
F-42

KHUNG XE



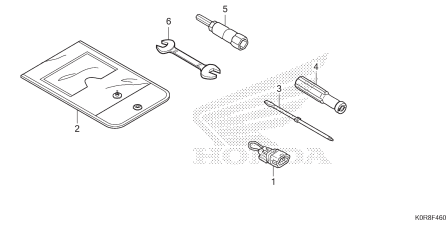
F-43

BÌNH DỰ TRỮ



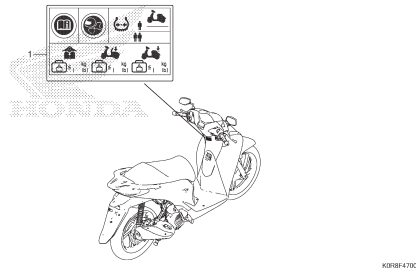
F-46

DỤNG CỤ



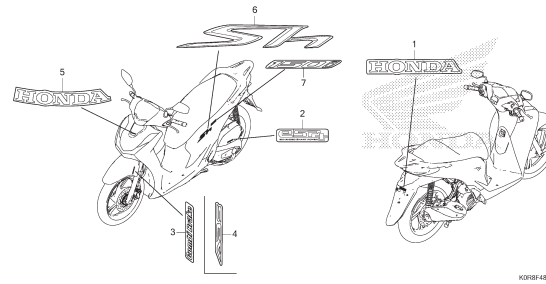
F-47

NHÃN CẢNH BÁO



F-48

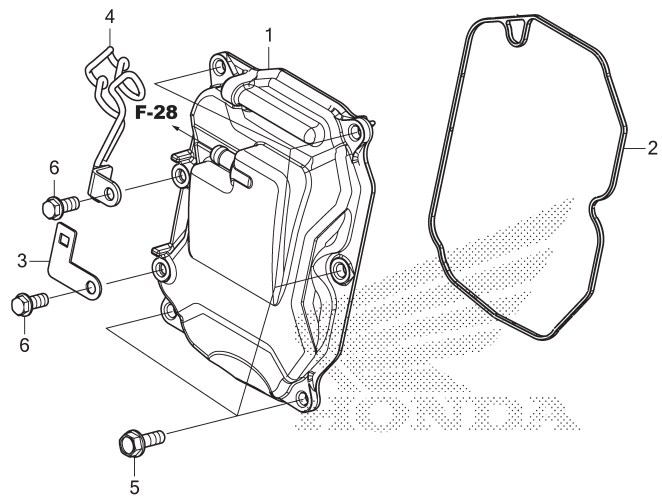
TEM



3

E-2

ÓP ĐẦU QUY LÁT



KOR8E0200

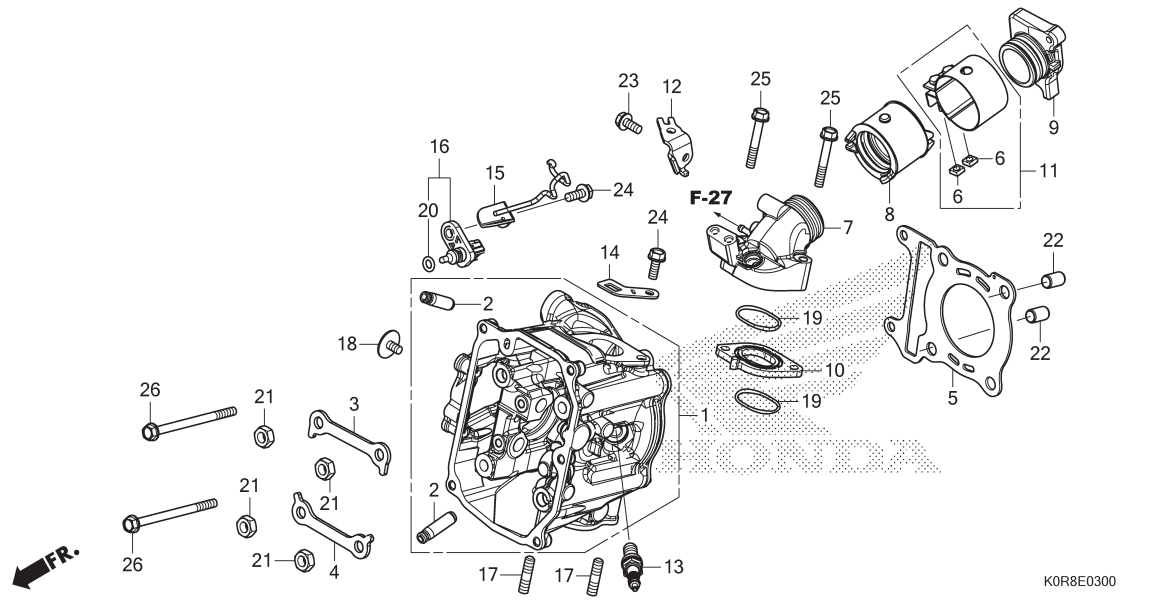
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1111C4	ÓP ĐẦU QUY LÁT	0,3
2	1111D2	GIOĂNG ÓP ĐẦU QUY LÁT	0,3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	12300-KOR-V00	COVER ASSY., CYLINDER HEAD ..	1	1	1	1		CỤM ÓP ĐẦU QUY LÁT
2	12391-KOR-V01	GASKET, CYLINDER HEAD COVER ..	1	1	1	1		GIOĂNG ÓP ĐẦU QUY LÁT
3	36536-KOR-V00	STAY, OXYGEN SENSOR	1	1	1	1		GIÁ GIỮ CẢM BIẾN OXY
4	36537-KOR-V00	STAY, OXYGEN SENSOR & BREATHER TUBE	1	1	1	1		GIÁ GIỮ CẢM BIẾN OXY & ỐNG THÔNG HƠI
5	95701-06018-00	BOLT, FLANGE, 6X18	5	5	5	5		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X18
6	96001-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14

2

E-3

ĐẦU QUY LÁT



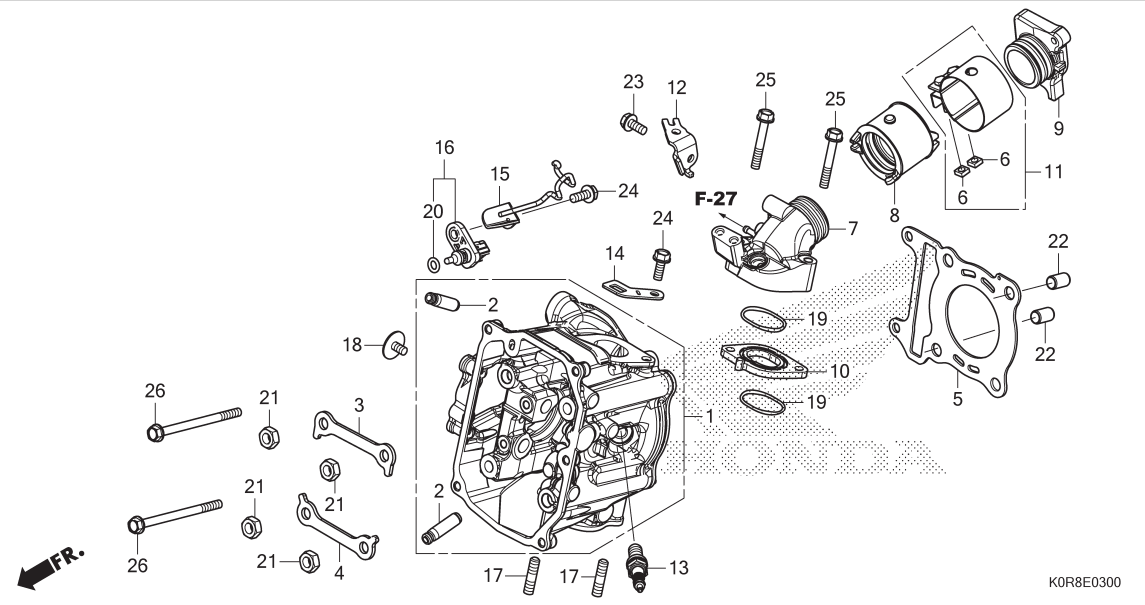
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	111106	ĐẦU QUY LÁT.....	5,0
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
		.BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	
2	1111L9	DẪN HƯỚNG XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC).....	4,7
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
		.BAO GỒM: Doa xu páp	
		.BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	
	1111L9A	.Thay bộ sung toàn bộ dẫn hướng xu páp hút.....	0,3
	1111M0	DẪN HƯỚNG XU PÁP XẢ (MỘT CHIẾC).....	4,7
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
		.BAO GỒM: Doa xu páp	
		.BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp.....	
	1111M0A	.Thay bộ sung toàn bộ dẫn hướng xu páp xả.....	0,3
	1111M9	DẪN HƯỚNG XU PÁP: ĐÔI VỚI 1 XE.....	5,6
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
		.BAO GỒM: Doa xu páp	



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	12200-K0R-V00	HEAD COMP., CYLINDER	1	1	-	-		CỤM ĐẦU QUY LÁT
	12200-K0S-V00	-	-	1	1		
2	12205-KYJ-305	GUIDE, EX. VALVE(O.S.)	4	4	4	4		DẪN HƯỚNG XU PÁP XẢ (O.S.)
3	12212-K0R-V00	PLATE, CYLINDER HEAD IN.	1	1	1	1		ĐĨA HÚT ĐẦU QUY LÁT
4	12213-K0R-V00	PLATE, CYLINDER HEAD EX.	1	1	1	1		ĐĨA XẢ ĐẦU QUY LÁT
5	12252-K0R-305	GASKET, CYLINDER HEAD(O.S.) ..	(1)	(1)	-	-		GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT (O.S.)
	12251-K0R-V01	GASKET, CYLINDER HEAD	1	1	-	-		GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT
	12251-K0S-V01	-	-	1	1		
6	16222-MV4-300	NUT, SQUARE, 5MM	2	2	2	2		ĐAI ỐC VUÔNG 5MM
7	17110-K0R-V00	PIPE COMP., IN.	1	1	-	-		CỤM ỐNG NẠP
	17110-K0S-V00	-	-	1	1		
8	17112-K0R-V00	INSULATOR, THROTTLE BODY	1	1	1	1		CÁCH NHIỆT HỌNG GA
9	17115-K0R-V00	PIPE B, INLET	1	1	1	1		ỐNG NẠP B
10	17119-K0R-V00	INSULATOR, IN. PIPE	1	1	1	1		CÁCH NHIỆT ỐNG HÚT
11	17255-K0R-V00	BAND, INSULATOR	1	1	1	1		ĐAI VÍT ĐỆM CÁCH NHIỆT
12	17533-K0R-V00	STAY COMP., HOSE CLAMPER	1	1	1	1		CỤM GIÁ GIỮ KẸP ỐNG
13	31917-K0R-V01	PLUG, SPARK(LMAR8L-9)(NGK) ..	1	1	1	1		BUGI (LMAR8L-9) (NGK)
14	32962-K0R-V00	STAY, HARNESS CLIP & ENGINE EARTH	1	1	1	1		GIÁ GIỮ KẸP BÓ DÂY & DÂY MÁT ĐỘNG CƠ
15	32964-K0R-V00	STAY, WATER TEMPERATURE SENSOR	1	1	1	1		GIÁ GIỮ CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LÀM MÁT
16	37870-K0R-V01	SENSOR ASSY., WATER TEMPERATURE	1	1	1	1		CỤM CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LÀM MÁT
17	90004-KGF-910	BOLT, STUD, 7X17	2	2	2	2		GU ĐỒNG 7X17
18	90022-K40-F00	BOLT-WASHER, 6X12	1	1	1	1		BU LÔNG ĐỆM 6X12
19	91302-K40-F00	O-RING, IN. PIPE	2	2	2	2		VÒNG O ỐNG HÚT
20	91304-K0R-V00	O-RING, 6.3X2.5	1	1	1	1		PHỚT O 6,3X2,5

E-3

ĐẦU QUY LÁT

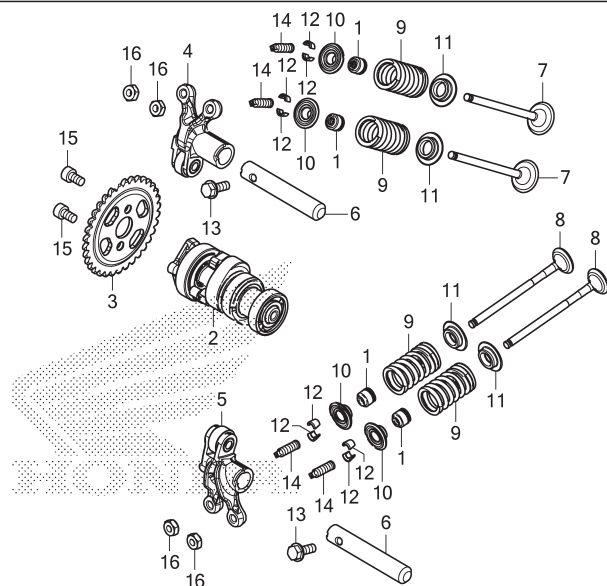


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
+ 2		.BAO GỒM: Điều chỉnh và rà xu páp	
5	111115	GIOĂNG ĐẦU QUY LÁT	3,6
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
7		(10,19)	
	111107	CÔ HÚT.....	0,9
8	311131	ĐỆM CÁCH NHIỆT BỘ HỢNG GA/CHẾ HÒA KHÍ ..	0,8
9	1111BA	CÔ HÚT (A).....	0,8
13	614130	BUGI.....	0,3
16		(20)	
	6171A9	CẨM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LẠM MÁT.....	0,8

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
21	94030-08280	NUT, HEX., 8MM	4	4	4	4		ĐAI ỐC LỤC GIÁC 8MM
22	94301-10160	DOWEL PIN, 10X16	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ 10X16
23	95701-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14	1	1	1	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14
24	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16
25	95701-06040-00	BOLT, FLANGE, 6X40	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X40
26	95701-06090-00	BOLT, FLANGE, 6X90	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X90

E-4

TRỤC CAM/XU PÁP



KOR8E0400

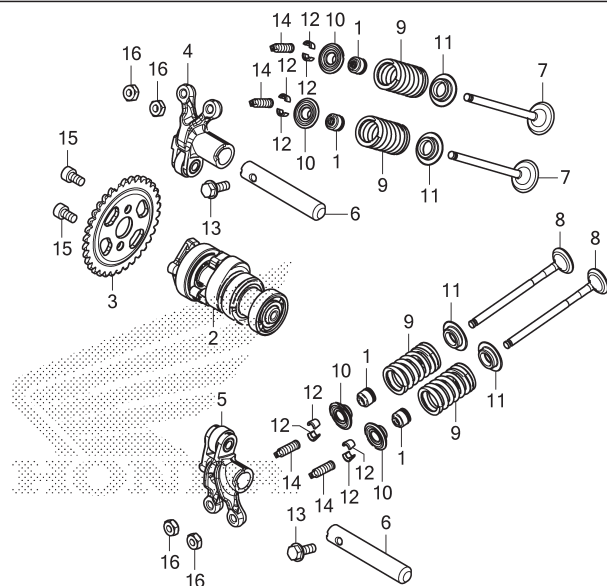
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	111118	TRỤC CAMBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	3,7
3	1111Q4	NHÔNG CAMBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3,2
4	1111K8	CỖ MỎ XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC)BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	3,5
5	1111K9	CỖ MỎ XU PÁP XẢ (MỘT CHIẾC)BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	3,5
	1111L8	CỖ MỎ XU PÁP :ĐỐI VỚI 1 XEBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ .BAO GỒM: Điều chỉnh xu páp	3,6
7	1111N0	XU PÁP HÚT (MỘT CHIẾC)BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4,2
+			

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	12209-MLO-722	SEAL, VALVE STEM (ARAI)	4	4	4	4	PHÓT THÂN XU PÁP (ARAI)	
2	14100-KOR-V00	CAMSHAFT COMP.	1	1	-	-	CỤM TRỤC CAM	
	14100-KOS-V00	-	-	1	1		
3	14321-KOR-V00	SPROCKET, CAM (34T)	1	1	1	1	NHÔNG CAM (34 RĂNG)	
4	14430-KOR-V00	ARM COMP., IN. VALVE ROCKER -	1	1	1	1	CỤM CỖ MỎ XU PÁP HÚT	
5	14440-KOR-V00	ARM COMP., EX. VALVE ROCKER -	1	1	1	1	CỤM CỖ MỎ XU PÁP XẢ	
6	14451-KOR-V00	SHAFT, ROCKER ARM	2	2	2	2	TRỤC CỖ MỎ	
7	14711-K40-F00	VALVE, IN.	2	2	2	2	XU PÁP HÚT	
8	14721-K40-F00	VALVE, EX.	2	2	2	2	XU PÁP XẢ	
9	14751-KOR-V00	SPRING, VALVE	4	4	4	4	LÒ XO XU PÁP	
10	14772-MGE-000	RETAINER, EX. VALVE SPRING ..	4	4	4	4	KẸP GIỮ LÒ XO XU PÁP XẢ	
11	14776-KOR-V00	SEAT, EX. VALVE SPRING	4	4	4	4	ĐÉ LÒ XO XU PÁP XẢ	
	14776-MGE-000	4	4	4	4		
12	14781-MJE-D00	COTTER, VALVE	8	8	8	8	MÓNG CHẶN XU PÁP	
	14781-MLO-720	8	8	8	8		
13	90009-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 5X14	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 5X14	
14	90012-KWB-600	SCREW, TAPPET ADJUSTING	4	4	4	4	VÍT ĐIỀU CHỈNH XU PÁP	
15	90083-K40-F00	BOLT, SOCKET KNOCK, 5MM	2	2	2	2	BU LÔNG NÚM GIÁC CHÌM 5MM	
16	90206-001-000	NUT, TAPPET ADJUSTING	4	4	4	4	ỐC ĐIỀU CHỈNH XU PÁP	



E-4

TRỤC CAM/XU PÁP



FR.

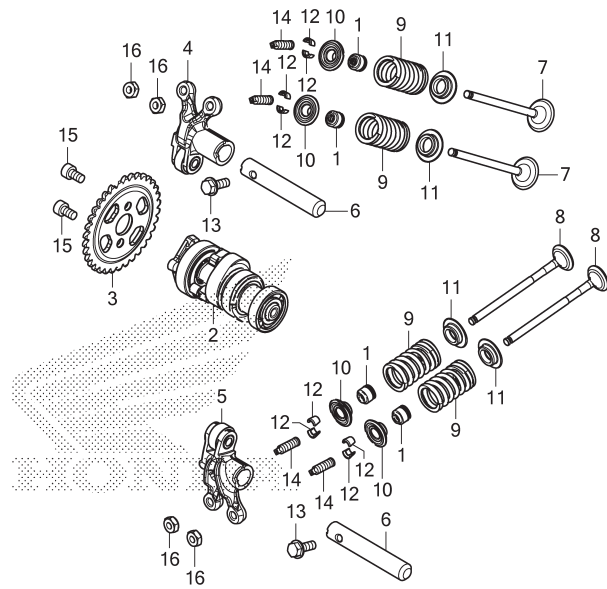
K0R8E0400

STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
+ 7		.BAO GỒM: Rà xu páp	
	1111N0A	.Thay bổ sung toàn bộ dẫn hướng xu páp hút.....	0,2
8	1111N1	XU PÁP XẢ (MỘT CHIÉC).....	4,2
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
		.BAO GỒM: Rà xu páp	
	1111N1A	.Thay bổ sung toàn bộ xu páp xả.....	0,2
	1111P0	XU PÁP: ĐỐI VỚI 1 XE.....	4,8
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
		.BAO GỒM: Rà xu páp	
9		(1,10,11,12)	
	1111P2	LÒ XO VÀ/HOẶC PHỚT THÂN XU PÁP HÚT (MỘT CHIÉC).....	4,0
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
	1111P2A	.Thay bổ sung toàn bộ lò xo hút.....	0,1
	1111P3	LÒ XO VÀ/HOẶC PHỚT THÂN XU PÁP XẢ (MỘT CHIÉC).....	4,0
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
	1111P3A	.Thay bổ sung toàn bộ lò xo xả.....	0,1
	1111Q2	LÒ XO XU PÁP VÀ/HOẶC PHỚT THÂN XU PÁP :ĐỐI VỚI 1 XE.....	4,3



E-4

TRỤC CAM/XU PÁP



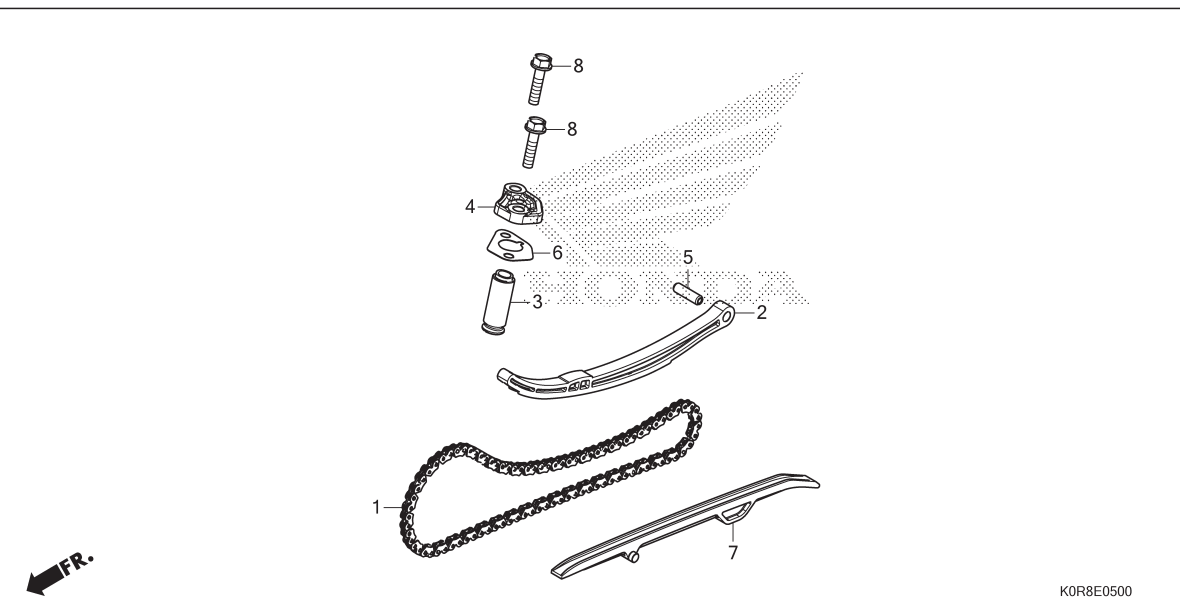
K0R8E0400

STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
+ 9		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	



E-5

XÍCH CAM/TĂNG XÍCH CAM

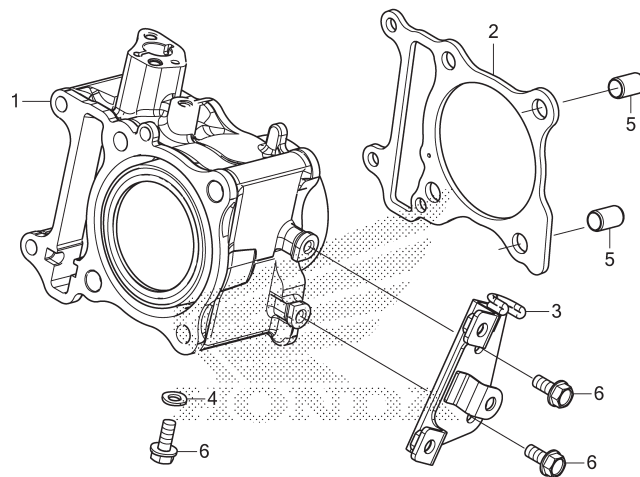


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	110140	XÍCH CAM.....	4,1
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
2	111130	TĂNG XÍCH CAM.....	4,1
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
3		(4,6)	
	111133	BỘ NÂNG CÂN CĂNG.....	0,8
7	111139	DẪN HƯỚNG XÍCH CAM.....	3,6
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	14401-K29-V82	CHAIN, CAM(92L) (DAIDO)	1	1	1	1		XÍCH CAM (92 MẮT) (DAIDO)
2	14511-KOR-V00	SHOE, CAM CHAIN TENSIONER ...	1	1	1	1		GUỐC TĂNG XÍCH CAM
3	14520-KOR-V01	LIFTER ASSY., TENSIONER	1	1	1	1		CỤM NÂNG CÂN TĂNG XÍCH CAM
4	14521-KOR-V00	CAP, TENSIONER LIFTER	1	1	1	1		NÁP CÂN NÂNG
5	14531-KZR-600	PIVOT, CAM CHAIN TENSIONER ..	1	1	1	1		TRỤC TĂNG XÍCH CAM
6	14560-KOR-V01	GASKET, TENSIONER LIFTER	1	1	1	1		GIOĂNG CÂN NÂNG
7	14611-K40-F00	GUIDE, CAM CHAIN	1	1	1	1		DẪN HƯỚNG XÍCH CAM
8	95701-06022-00	BOLT, FLANGE, 6X22	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22

E-6

XY LANH



KOR8E0600

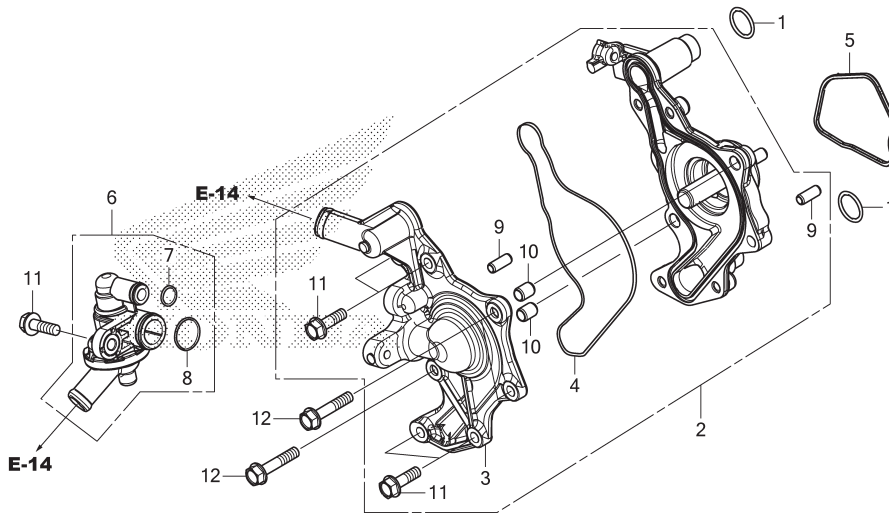
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1111A5	XY LANH..... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4,0
2	111102	GIOĂNG XY LANH..... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	3,9
3	6141C2	GIÁ GIỮ CUỘN ĐÁNH LỬA.....	0,5



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	12100-KOR-V00	CYLINDER COMP.	1	1	-	-		CỤM XY LANH
	12100-KOS-V00	-	-	1	1		
2	12191-KOR-V01	GASKET, CYLINDER	1	1	1	1		GIOĂNG XY LANH
3	30515-KOR-V00	STAY COMP., IGNITION COIL ...	1	1	1	1		CỤM GIÁ GIỮ CUỘN ĐÁNH LỬA
4	90463-ML7-000	WASHER, SEALING, 6.5MM	1	1	1	1		ĐỆM KÍN, 6,5MM
5	94301-10160	DOWEL PIN, 10X16	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ 10X16
6	95701-06014-00	BOLT, FLANGE, 6X14	3	3	3	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X14

E-9

BƠM DUNG DỊCH LÀM MÁT

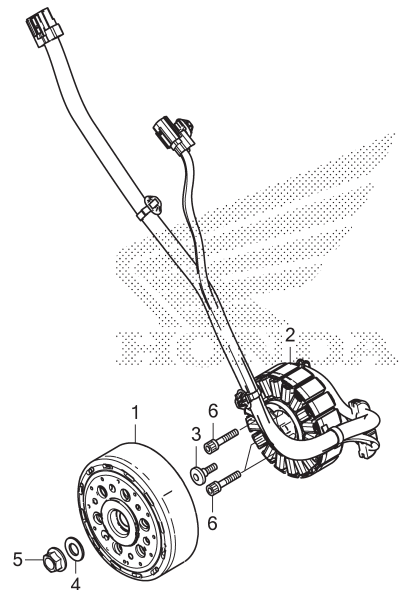


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	114103	CỤM BƠM NƯỚC LÀM MÁTBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	2,8
3	1141B0	ÓP BƠM NƯỚCBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	2,8
4	1141B1	GIOĂNG ÓP BƠM NƯỚC LÀM MÁTBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	2,8
5	1141P3	(1) GIOĂNG BƠM NƯỚCBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	2,7
6	114116	BỘ ỔN NHIỆT	0,8

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	12207-KWN-900	O-RING, 15.4X2	2	2	2	2		PHỚT O 15,4X2
2	19200-KOR-V00	PUMP ASSY., WATER	1	1	1	1		CỤM BƠM NƯỚC LÀM MÁT
3	19221-KOR-V00	COVER, WATER PUMP	1	1	1	1		ÓP BƠM NƯỚC
4	19226-KOR-V00	GASKET, WATER PUMP COVER	1	1	1	1		GIOĂNG ÓP BƠM NƯỚC LÀM MÁT
5	19227-KOR-V01	GASKET, WATER PUMP BODY	1	1	1	1		GIOĂNG THÂN BƠM NƯỚC LÀM MÁT
6	19300-KOR-V02	THERMOSTAT ASSY.	1	1	1	1		CỤM BỘ ỔN NHIỆT
7	19309-KOR-V02	O-RING	1	1	1	1		PHỚT O
8	19310-K35-V01	O-RING	1	1	1	1		PHỚT O
9	90702-MG8-000	DOWEL PIN, 6X15	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ 6X15
10	94301-08100	DOWEL PIN, 8X10	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ 8X10
11	95701-06020-00	BOLT, FLANGE, 6X20	5	5	5	5		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X20
12	95701-06030-00	BOLT, FLANGE, 6X30	3	3	3	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X30

E-10

ĐỀ A.C.G.



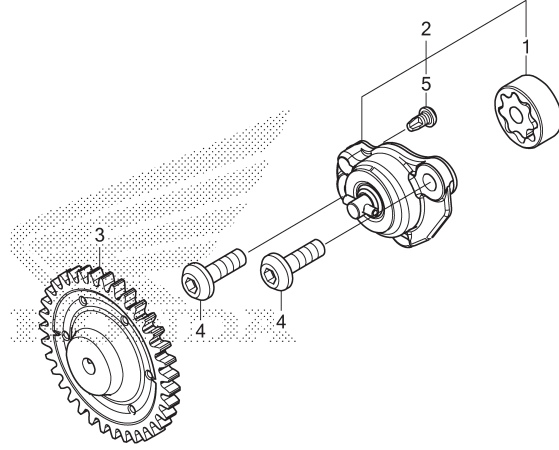
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	613105	RÔ TO HOẶC VÔ LĂNG ĐIỆN	0,7
2	6131A3	STATO	1,7

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	31210-K96-V01	FLYWHEEL COMP.	1	1	-	-		CỤM VÔ LĂNG ĐIỆN
	31210-K97-T01	-	-	1	1		
2	31220-KOR-V01	STATOR COMP.	1	1	-	-		CỤM STATO
	31220-KOS-V01	-	-	1	1		
3	90001-KWR-000	BOLT, SOCKET, 6X18	1	1	1	1		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
4	90439-KWZ-900	WASHER, 12X24X2.3	1	1	1	1		VÒNG ĐỆM 12X24X2,3
5	94050-12000	NUT, FLANGE, 12MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC MẶT BÍCH 12MM
6	96700-06025-00	BOLT, SOCKET, 6X25	3	3	3	3		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X25



E-11

BƠM DẦU



FR. →

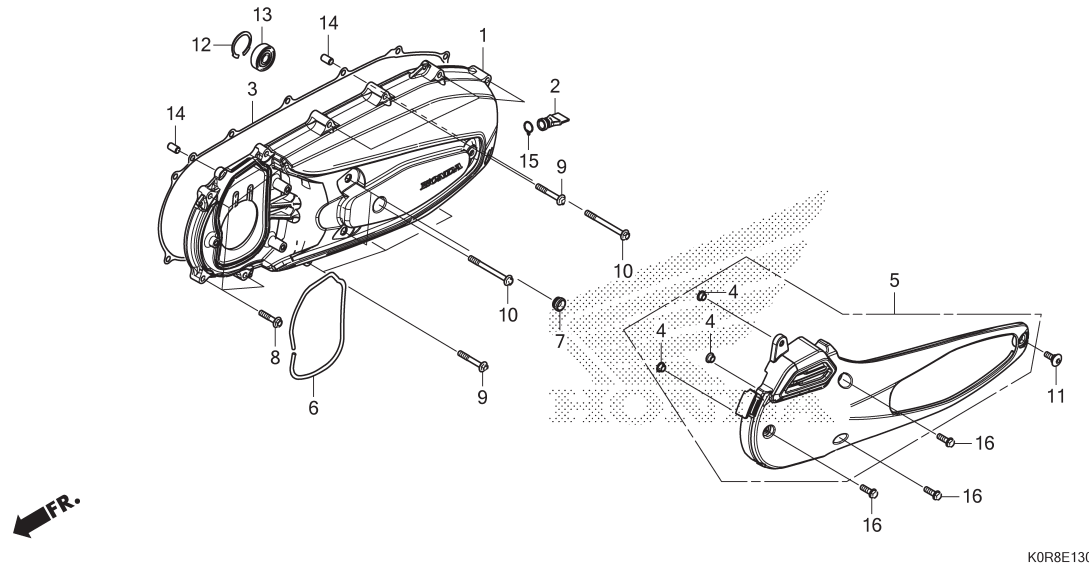
KOR8E1100

STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2		(1)	
	113105	CỤM BƠM DẦU.....	1,8
3	1131C4	BÁNH RĂNG BƠM DẦU BỊ ĐỘNG.....	1,7

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	15021-KOR-V00	ROTOR SET, OIL PUMP	1	1	1	1		BỘ RÔ TO BƠM DẦU
2	15100-KOR-V00	PUMP ASSY., OIL	1	1	1	1		CỤM BƠM DẦU
3	15133-KOR-D00	GEAR, OIL PUMP DRIVEN(35T) ..	1	1	1	1		BÁNH RĂNG BƠM DẦU BỊ ĐỘNG (35 RĂNG)
4	90003-KOR-V00	BOLT, SPECIAL, 6X19	2	2	2	2		BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6X19
5	93901-34120	SCREW, TAPPING, 4X8	1	1	1	1		VÍT TỰ REN 4X8

E-13

ÓP CẠNH TRÁI



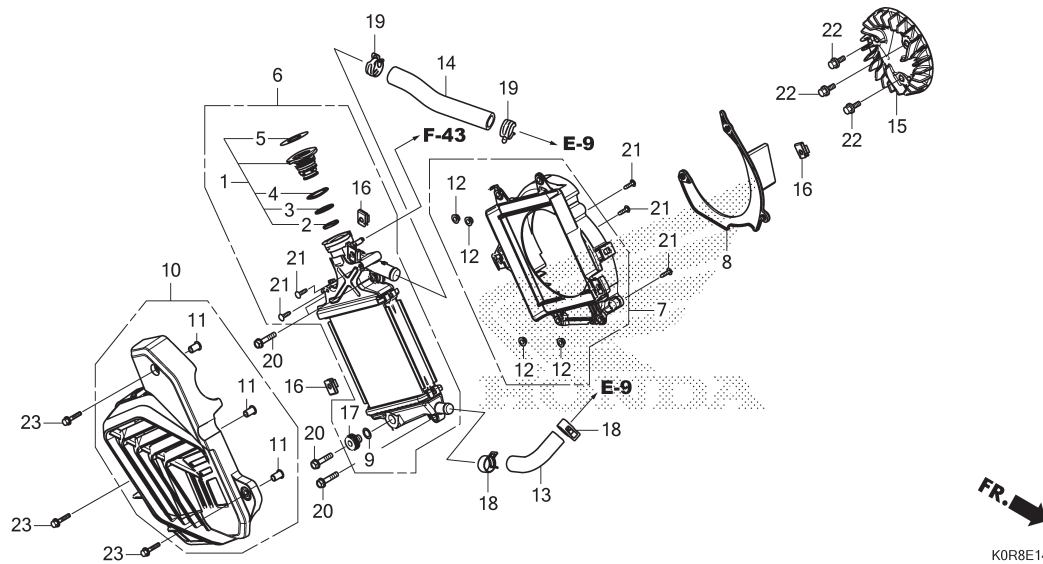
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1101A6	ÓP VÁCH MÁY TRÁI	0.6
3	1101A3	GIOĂNG ÓP VÁCH MÁY: TRÁI	0.4
5	1101H4	(6) ỐNG ÓP DÂY CU ROA.....	0.2
13	2101H8	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG :BÊN ÓP TRÁI.....	0.6

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	11341-KOR-V00	COVER, L. SIDE	1	1	1	1		ÓP BÊN TRÁI
2	11343-KVG-900	TUBE, DRAIN	1	1	1	1		ỐNG XẢ
3	11395-KOR-V01	GASKET, L. COVER	1	1	1	1		GIOĂNG ÓP TRÁI
4	19416-KEY-900	COLLAR	3	3	3	3		BẠC LÓT
5	19640-KOR-V00	DUCT COMP., L. COVER	1	1	1	1		CỤM ỐNG ÓP TRÁI
6	19649-KOR-V00	SEAL, L. COVER DUCT	1	1	1	1		PHỐT ỐNG ÓP TRÁI
7	83501-MG7-000	GROMMET, SIDE COVER	2	2	2	2		VÒNG ĐỆM ÓP CẠNH
8	90004-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 6X28(LNSH)	4	4	4	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X28 (LNSH)
9	90005-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 6X40(LNSH)	7	7	7	7		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X40 (LNSH)
10	90006-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 6X65(LNSH)	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X65 (LNSH)
11	90101-K29-900	BOLT, SOCKET, 6X18	1	1	1	1		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
12	90652-KVB-900	CIRCLIP, INTERNAL, 32MM	1	1	1	1		PHE CÀI TRONG 32MM
13	91005-KVB-900	BEARING COMP.(6002UU)(NTN) ..	1	1	1	1		CỤM VÒNG BI (6002UU) (NTN)
14	94301-08140	DOWEL PIN, 8X14	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ 8X14
15	95002-80000	CLIP, TUBE(C12)	1	1	1	1		KẸP ỐNG (C12)
16	96001-06018-07	BOLT, FLANGE, 6X18	3	3	3	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X18

2

E-14

KẾT TẢN NHIỆT



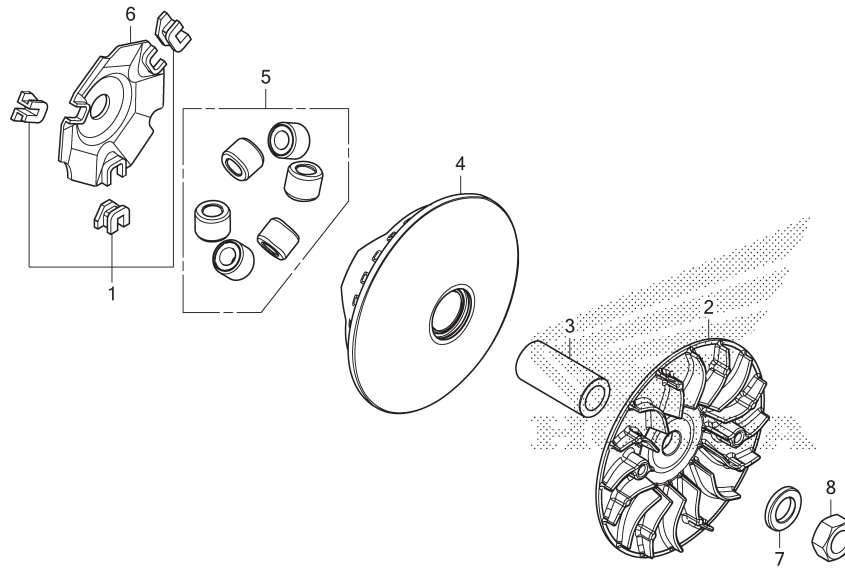
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	(2,3,4)		
1	1151B8	NẬP CHỤP TẢN NHIỆT	0,3
6	1151C3	KẾT TẢN NHIỆT.....	0,6
7	1151N2	ĐÉ KẾT TẢN NHIỆT.....	0,6
10	115115	ÓP KẾT TẢN NHIỆT	0,3
13	114130	ÔNG NƯỚC A.....	0,7
14	114131	ÔNG NƯỚC B	0,8
15	1151A6	QUẠT LÀM MÁT.....	0,7



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	19037-K27-V51	CAP COMP., RADIATOR	1	1	1	1	CỤM NẬP TẢN NHIỆT	
2	19049-K27-V51	O-RING A	1	1	1	1	PHỐT O A	
3	19051-K27-V51	O-RING B	1	1	1	1	PHỐT O B	
4	19052-K27-V51	O-RING C	1	1	1	1	PHỐT O C	
5	19055-K27-V51	LABEL, RADIATOR CAP	1	1	1	1	NHẤN NẬP CHỤP TẢN NHIỆT	
6	19100-KOR-V00	RADIATOR ASSY.	1	1	1	1	CỤM KẾT TẢN NHIỆT	
7	19105-KOR-V00	BASE COMP., RADIATOR	1	1	1	1	ĐÉ KẾT TẢN NHIỆT	
8	19106-KOR-V00	PLATE, RADIATOR BASE	1	1	1	1	TÁM BỆ KẾT TẢN NHIỆT	
9	19109-GET-003	SEAL, DRAIN	1	1	1	1	PHỐT XÁ	
10	19150-KOR-V00	COVER COMP., RADIATOR	1	1	1	1	CỤM ÓP KẾT TẢN NHIỆT	
11	19416-K01-900	COLLAR	3	3	3	3	BẠC LÓT	
12	19416-KEY-900	COLLAR	4	4	4	4	BẠC LÓT	
13	19501-KOR-V00	HOSE A, WATER	1	1	1	1	ÔNG NƯỚC A	
14	19502-KOR-V00	HOSE B, WATER	1	1	1	1	ÔNG NƯỚC B	
15	19510-K97-T00	FAN COMP., COOLING	1	1	1	1	CỤM QUẠT LÀM MÁT	
16	84601-HA7-670	NUT, FENDER SETTING	3	3	3	3	ĐẠI ỐC ĐỊNH VỊ CHẶN BÙN	
17	90103-GET-003	BOLT, DRAIN	1	1	1	1	BU LÔNG XÁ	
18	90602-K27-V01	CLAMP, HOSE (D20)	2	2	2	2	KẸP ÓNG (D20)	
19	90701-KWN-901	CLAMP, WATER HOSE, 24MM	2	2	2	2	KẸP ÓNG NƯỚC 24MM	
20	93401-06030-08	BOLT-WASHER, 6X30	4	4	4	4	BU LÔNG CÓ ĐỆM 6X30	
21	93903-24480	SCREW, TAPPING, 4X16	5	5	5	5	VÍT TỰ REN 4X16	
22	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16	3	3	3	3	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16	
23	96001-06025-07	BOLT, FLANGE, 6X25	3	3	3	3	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25	

E-16

MẶT DẪN ĐỘNG



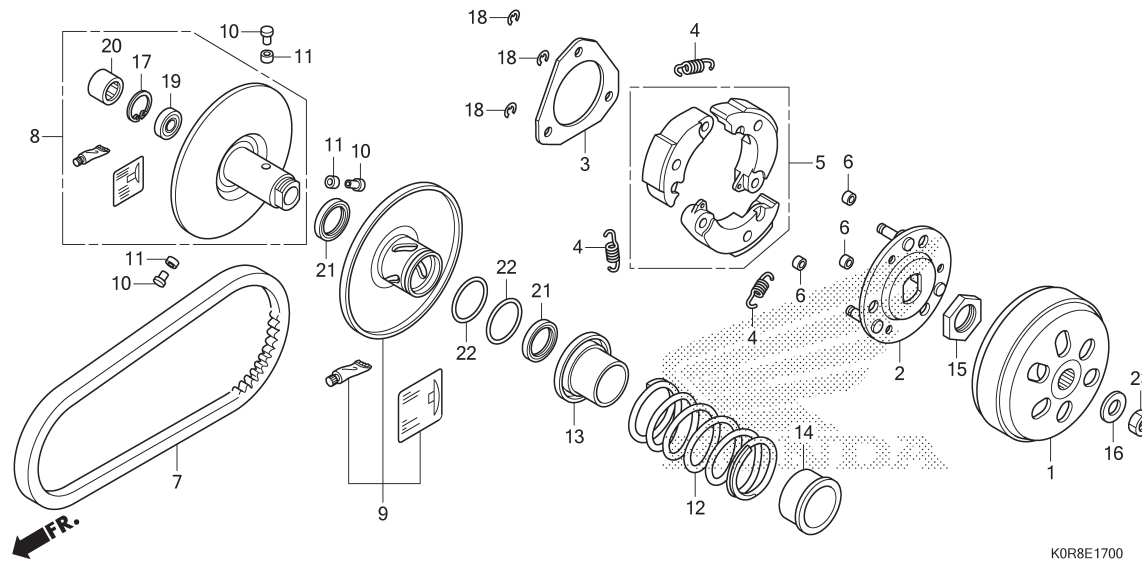
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	2111A0	MẶT DẪN ĐỘNG	0,6
4	2111A1	MẶT DẪN ĐỘNG DI ĐỘNG	0,6
5		(1,6)	
	2111A4	ĐÔI TRỌNG CON LĂN	0,6

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	22011-KWN-900	PIECE SET, SLIDE	1	1	1	1	CỤM MIẾNG TRƯỢT	
2	22102-KOR-V00	FACE, DRIVE	1	1	1	1	MẶT DẪN ĐỘNG	
3	22105-KOR-V00	BOSS, DRIVE FACE	1	1	1	1	VÁU LÔI MÁ TÍNH PULY CHỦ ĐỘNG	
4	22110-KOR-V00	FACE COMP., MOVABLE DRIVE ...	1	1	1	1	CỤM MẶT DẪN ĐỘNG DI ĐỘNG	
5	22123-KOR-V00	ROLLER SET, WEIGHT	1	1	-	-	ĐÔI TRỌNG CỤM CON LĂN	
	22123-KOS-V00	-	-	1	1		
6	22131-K40-F00	PLATE, RAMP	1	1	1	1	GIÁ BỊ VĂNG	
7	90401-K48-A00	WASHER, 15X25.8X4	1	1	1	1	VÒNG ĐỆM, 15X25,8X4	
8	94030-14200	NUT, HEX., 14MM	1	1	1	1	ĐAI ỐC LỤC GIÁC 14MM	



E-17

MẶT BỊ ĐỘNG

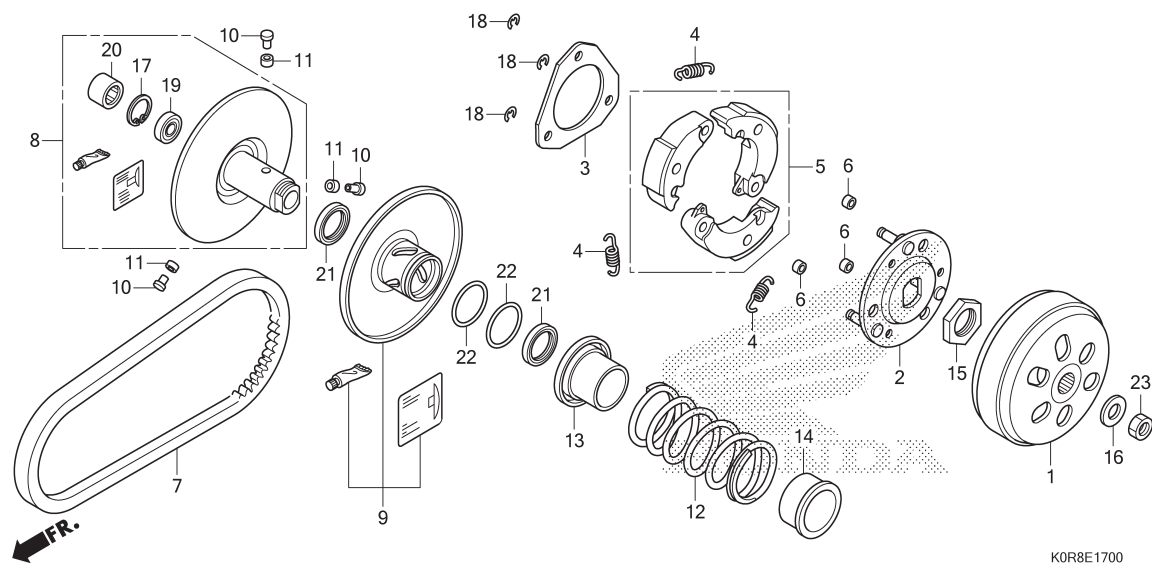


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	2121A0	LY HỢP NGOÀI.....	0,5
5		(2,4)	
	2121A6	CỤM GUỐC VẮNG LY HỢP.....	1,0
7	2111B2	DÂY CU ROA DẪN ĐỘNG.....	0,6
8		(10,11,13)	
	2111A2	MẶT BỊ ĐỘNG.....	0,9
9		(21,22)	
	2111A3	MẶT BỊ ĐỘNG DI ĐỘNG.....	1,0
12	2111A7	LÒ XO MẶT BỊ ĐỘNG.....	0,8
20		(19)	
	2111A8	VÒNG BI MẶT BỊ ĐỘNG.....	1,1
	2111A8A	.Thay thế bổ sung 1 vòng bi.....	0,1

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	22100-KWN-900	OUTER COMP., CLUTCH	1	1	1	1	CỤM VỎ LY HỢP	
2	22350-GFM-900	PLATE COMP., DRIVE	1	1	1	1	CỤM ĐĨA TRUYỀN ĐỘNG	
	22350-K97-T01	1	1	1	1		
	22350-KVB-900	1	1	1	1		
3	22361-K29-V81	PLATE, CLUTCH SIDE	1	1	1	1	ĐĨA BÊN LY HỢP	
4	22401-KGG-910	SPRING, CLUTCH	3	3	3	3	LÒ XO LY HỢP	
5	22535-K0R-V00	WEIGHT SET, CLUTCH	1	1	-	-	CỤM GUỐC VẮNG LY HỢP	
	22535-K12-V00	-	-	1	1		
6	22804-148-000	RUBBER, CLUTCH DAMPER	3	3	3	3	CAO SU GIẢM CHẤN LY HỢP	
7	23100-K0R-V01	BELT, DRIVE	1	1	-	-	DÂY CU ROA DẪN ĐỘNG	
	23100-K0S-V01	-	-	1	1		
8	23205-K0R-V00	FACE SET, DRIVEN	1	1	1	1	CỤM MẶT BỊ ĐỘNG	
9	23224-K0R-V00	FACE SET, MOVABLE DRIVEN	1	1	-	-	CỤM MÁ ĐỘNG PULY BỊ ĐỘNG DI ĐỘNG	
	23224-K0S-V00	-	-	1	1		
10	23225-KSY-900	PIN, ROLLER GUIDE	3	3	3	3	CHÓT DẪN HƯỚNG CON LĂN	
11	23226-KVB-900	ROLLER, GUIDE	3	3	3	3	CON LĂN DẪN HƯỚNG	
12	23233-KZY-902	SPRING, DRIVEN FACE	1	1	1	1	LÒ XO MẶT BỊ ĐỘNG	
13	23237-K40-F00	COLLAR, SEAL	1	1	1	1	BẠC LÓT PHỐT	
14	23238-KWN-900	COLLAR, SPRING	1	1	1	1	BẠC LÓT LÒ XO	
15	90202-KN7-670	NUT, SPECIAL, 28MM	1	1	1	1	ĐAI ỐC ĐẶC BIỆT 28MM	
16	90441-GY6-940	WASHER, 12.2X29X2.5	1	1	1	1	VÒNG ĐỆM 12,2X29X2,5	
17	90603-KSV-J10	CIRCLIP, INTERNAL, 28MM	1	1	1	1	PHE CÀI TRONG 28MM	
18	90605-166-720	CIRCLIP, 7MM	3	3	3	3	PHE CÀI 7MM	
19	91002-GA7-701	BEARING, RADIAL BALL, 6902U (NTN)	1	1	1	1	VÒNG BI 6902U (NTN)	

E-17

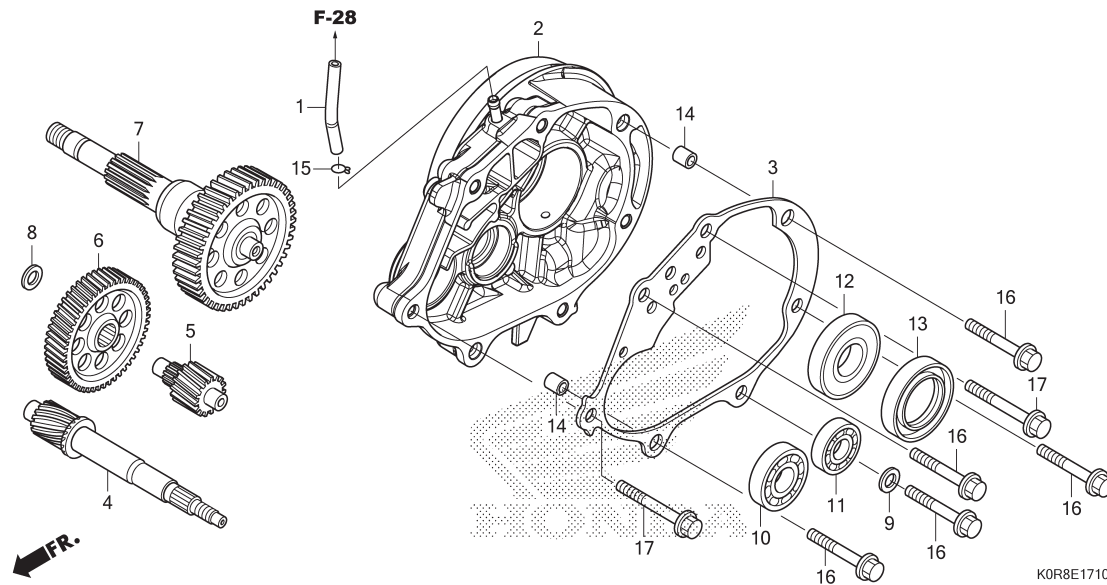
MẶT BỊ ĐỘNG



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
19)	91004-GGC-G01	BEARING, RADIAL BALL, 6902U (F.C.C.)	1	1	1	1		VÒNG BI 6902U (F.C.C.)
	91009-K93-T01	BEARING, RADIAL BALL, 6902U	1	1	1	1		VÒNG BI 6902U
	91009-KVY-961	BEARING, RADIAL BALL, 6902U (NSK)	1	1	1	1		VÒNG BI 6902U (NSK)
20	91002-KFG-003	BEARING, NEEDLE, 22X29X18	1	1	1	1		VÒNG BI KIM 22X29X18
21	91211-K81-N01	SEAL, DRIVEN FACE, 34X41X4 (F.C.C.)	2	2	2	2		PHỐT LÒ XO MẶT BỊ ĐỘNG 34X41X4 (F.C.C.)
22	91384-KVB-900	O-RING, 38.8X1.9	2	2	2	2		PHỐT O 38,8X1,9
23	94030-12200	NUT, HEX., 12MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC LỤC GIÁC 12MM

E-17-10

BỘ TRUYỀN ĐỘNG



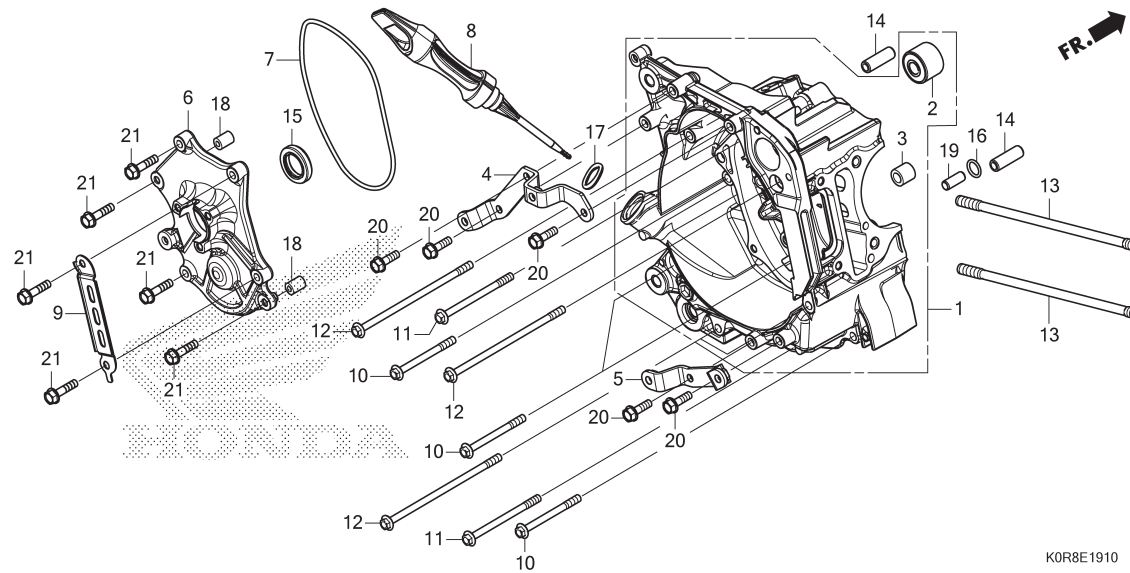
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	2101A2	NÁP TRUYỀN ĐỘNG.....	1,4
3	2101A3	GIOĂNG NÁP TRUYỀN ĐỘNG	1,0
4	2101E9	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG.....	1,3
5	210142	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG TRUNG GIAN	1,0
6	2101A5	BÁNH RĂNG TRUYỀN	1,0
7	210170	TRỤC BÁNH RĂNG TẢI SAU	1,0
10	2101F1	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG: BÊN PHẢI	1,2
	2101J1	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG: HAI BÊN.....	1,4
11	2101C8	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: BÊN PHẢI	1,2
	2101C9	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: HAI BÊN.....	1,3
12		(13)	
	2101E6	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG TẢI SAU : BÊN PHẢI.....	1,2
	2101J0	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG TẢI SAU : HAI BÊN	1,3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	11211-KOR-V00	TUBE, MISSION BREATHER	1	1	1	1	ÔNG THÔNG HƠI	
2	21200-KOR-V00	CASE COMP., MISSION	1	1	1	1	HỘP TRUYỀN ĐỘNG	
3	21395-KZR-600	GASKET, TRANSMISSION CASE ...	1	1	1	1	GIOĂNG NÁP TRUYỀN ĐỘNG	
4	23411-KOR-V00	DRIVESHAFT(16T)	1	1	-	-	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG (16 RĂNG)	
	23411-KOS-V00	DRIVESHAFT(17T)	-	-	1	1	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG (17 RĂNG)	
5	23421-KOR-V00	COUNTERSHAFT(17T)	1	1	1	1	TRỤC TRUNG GIAN (17 RĂNG)	
6	23422-KOR-V00	GEAR, COUNTER(54T)	1	1	-	-	BÁNH RĂNG TRỤC TRUNG GIAN (54 RĂNG)	
	23422-KOS-V00	GEAR, COUNTER(53T)	-	-	1	1	BÁNH RĂNG TRỤC TRUNG GIAN (53 RĂNG)	
7	23430-KOR-V00	GEAR COMP., FINAL(44T)	1	1	1	1	CỤM BÁNH RĂNG TẢI SAU (44 RĂNG)	
8	90452-KGH-900	WASHER, SPECIAL, 12MM	1	1	1	1	VÒNG ĐỆM ĐẶC BIỆT 12MM	
9	90495-MN5-000	WASHER, SEALING, 8MM	1	1	1	1	ĐỆM KÍN 8MM	
10	91005-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6301 (NTN)	1	1	1	1	VÒNG BI 6301 (NTN)	
11	91006-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6201 (NTN)	1	1	1	1	VÒNG BI 6201 (NTN)	
12	91009-KWN-901	BEARING, RADIAL BALL, 6205UU (NTN)	1	1	1	1	VÒNG BI 6205UU (NTN)	
13	91204-K35-J01	OIL SEAL, 34X52X7(ARAI)	1	1	1	1	PHỐT DẦU 34X52X7 (ARAI)	
14	94301-10120	DOWEL PIN, 10X12	2	2	2	2	CHÓT ĐỊNH VỊ 10X12	
15	95002-50000	CLIP, TUBE(C9)	1	1	1	1	KẸP ỐNG (C9)	
16	95701-08045-00	BOLT, FLANGE, 8X45	5	5	5	5	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X45	
17	95701-08055-00	BOLT, FLANGE, 8X55	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X55	



E-19-10

VÁCH MÁY PHẢI



KOR8E1910

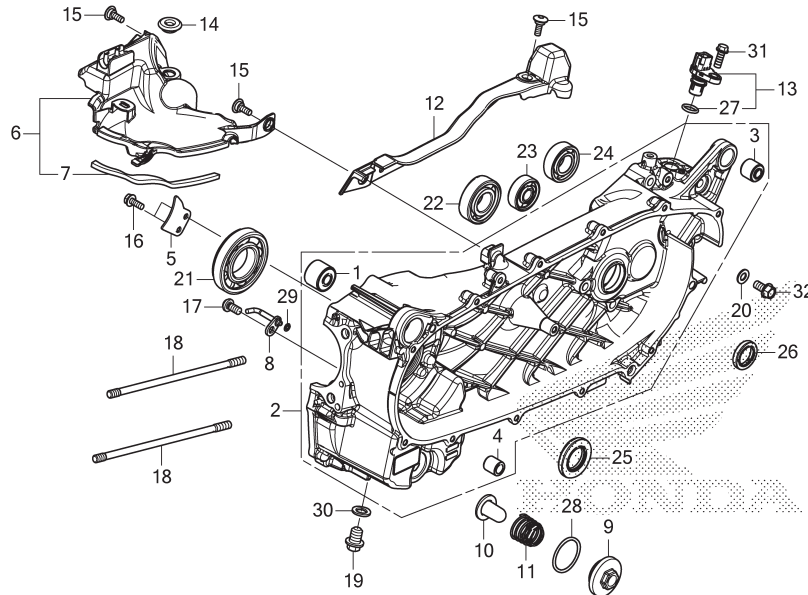
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	110120	VÁCH MÁY: PHẢIBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	4,9
	1101A2	VÁCH MÁY: HAI BÊNBAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	6,0
6	6131A4	ĐÉ STATO	1,8
7	6131B5	PHỚT O ĐÉ STATO	1,7
15	110132	PHỚT DẦU TRỤC CƠ: BÊN PHẢI	1,8
	1101H3	PHỚT DẦU TRỤC CƠ: HAI BÊN..... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	5,2



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	11100-KOR-V00	CRANKCASE COMP., R.	1	1	1	1		CỤM VÁCH MÁY PHẢI
2	11103-KVB-930	BUSH, ENGINE HANGER RUBBER ..	1	1	1	1		BẠC CAO SU GIÁ TREO ĐỘNG CƠ
3	11205-GBC-300	BUSH, MAIN STAND	1	1	1	1		BẠC CHÂN CHỐNG ĐỨNG
4	11320-KOR-V00	PLATE COMP., RIGIDITY UPPER ..	1	1	1	1		TẤM CỐ ĐỊNH TRÊN
5	11330-KOR-V00	PLATE COMP., RIGIDITY LOWER ..	1	1	1	1		TẤM CỐ ĐỊNH DƯỚI
6	11361-KOR-V00	BASE, STATOR	1	1	1	1		ĐÉ STATO
7	11363-KOR-V00	GASKET, STATOR BASE	1	1	1	1		GIOĂNG ĐÉ STATO
8	15651-KOR-V00	GAUGE, OIL LEVEL	1	1	1	1		QUE THĂM DẦU
9	32961-KOR-V00	CLAMPER, A.C. GENERATOR CORD	1	1	1	1		KẸP DÂY MÁY PHÁT ĐIỆN
10	90006-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 6X65(LNSH)	4	4	4	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X65 (LNSH)
11	90007-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 6X80(LNSH)	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X80 (LNSH)
12	90008-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 6X130(LNSH) ...	4	4	4	4		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X130 (LNSH)
13	90031-KOR-V00	BOLT A, STUD, 8X209.2	2	2	2	2		GU DÓNG A 8X209,2
14	90702-KWN-900	DOWEL PIN, SPECIAL, 6.3X10X30	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ ĐẶC BIỆT 6.3X10X30
15	91201-K35-J01	OIL SEAL, 20.8X32X6(ARAI) ...	1	1	1	1		PHỚT DẦU 20,8X32X6 (ARAI)
16	91303-001-010	O-RING, 8MM	1	1	1	1		PHỚT O 8MM
17	91307-035-000	O-RING, 18X3	1	1	1	1		PHỚT O 18X3
18	94301-08100	DOWEL PIN, 8X10	2	2	2	2		CHÓT ĐỊNH VỊ 8X10
19	94301-08200	DOWEL PIN, 8X20	1	1	1	1		CHÓT ĐỊNH VỊ 8X20
20	95701-06020-00	BOLT, FLANGE, 6X20	5	5	5	5		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X20
21	95701-06025-00	BOLT, FLANGE, 6X25	6	6	6	6		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25

E-19-20

VÁCH MÁY TRÁI



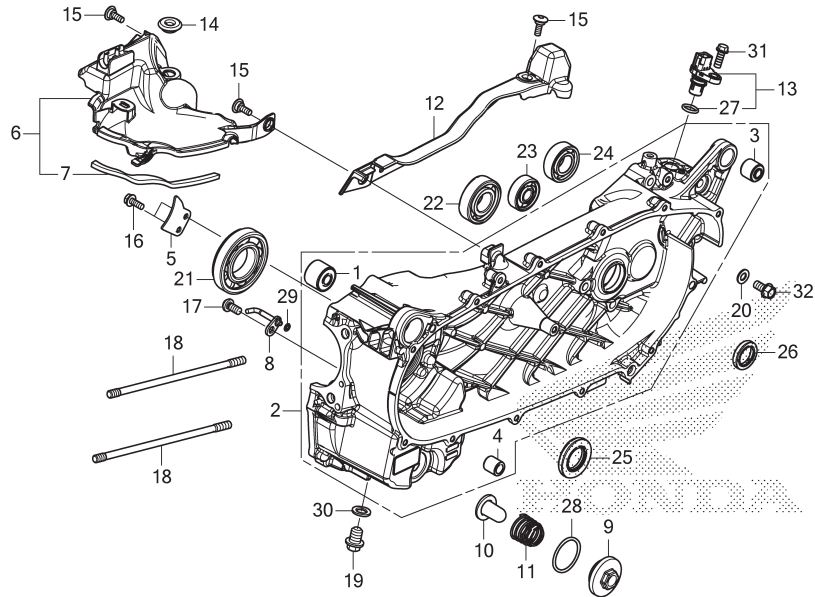
KOR8E1920

STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	110115	VÁCH MÁY: TRÁI.....	5,8
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
	1101A2	VÁCH MÁY: HAI BÊN	6,0
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
6	4131KS	ÓP ĐỘNG CƠ.....	0,4
10		(9,11,28)	
	1131B5	LƯỚI LỌC DẦU	0,2
13		(27)	
	617198	CẢM BIẾN ĐỒNG HỒ TỐC ĐỘ.....	0,5
21	1101B6	VÒNG BI TRỤC CƠ: BÊN TRÁI	5,1
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
22	2101F0	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG: BÊN TRÁI	1,3
	2101J1	VÒNG BI TRỤC TRUYỀN ĐỘNG: HAI BÊN.....	1,4
23	2101C7	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: BÊN TRÁI	1,2
	2101C9	VÒNG BI TRỤC TRUNG GIAN: HAI BÊN.....	1,3
24	2101E5	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG TÀI SAU	
		: BÊN TRÁI.....	1,2
	2101J0	VÒNG BI TRỤC BÁNH RĂNG TÀI SAU	
		: HAI BÊN	1,3
25	110131	PHỐT DẦU TRỤC CƠ: BÊN TRÁI	5,1
+		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	11103-KVB-930	BUSH, ENGINE HANGER RUBBER ..	1	1	1	1	BẠC CAO SU GIÁ TREO ĐỘNG CƠ	
2	11200-KOR-V00	CRANKCASE COMP., L.	1	-	-	-	CỤM VÁCH MÁY TRÁI	
	11200-KOR-V10	-	1	-	-		
	11200-KOS-V00	-	-	1	-		
	11200-KOS-V10	-	-	-	1		
3	11203-K35-J00	BUSH, RR. CUSHION UNDER RUBBER	1	1	1	1	BẠC CAO SU DƯỚI GIẢM CHÂN PHÍA SAU	
4	11205-GBC-300	BUSH, MAIN STAND	1	1	1	1	BẠC CHÂN CHỐNG ĐỨNG	
5	11208-K40-F00	PLATE, L. CRANKSHAFT BEARING SETTING	1	1	1	1	ĐĨA ĐỊNH VỊ VÒNG BI TRỤC CƠ TRÁI	
6	11410-KOR-V00	COVER ASSY., ENGINE TOP	1	1	1	1	CỤM ÓP TRÊN ĐỘNG CƠ	
7	11412-KOR-V00	SEAL, ENGINE TOP COVER	1	1	1	1	PHỐT ÓP TRÊN ĐỘNG CƠ	
8	15201-KOR-V00	JET COMP., PISTON	1	1	1	1	ĐẦU PHUN PISTON	
9	15411-KOR-V00	COVER, OIL FILTER	1	1	1	1	ÓP LỌC DẦU	
10	15421-KOR-V00	SCREEN, OIL FILTER	1	1	1	1	LƯỚI LỌC DẦU	
11	15426-KOR-V00	SPRING, OIL FILTER SCREEN ...	1	1	1	1	LÒ XO LƯỚI LỌC DẦU	
12	32112-KOR-V00	PROTECTOR, SPEED SENSOR	1	1	1	1	ÓP BẢO VỆ CẢM BIẾN TỐC ĐỘ	
13	37700-KOJ-N01	SENSOR ASSY., SPEED	1	-	1	-	CỤM CẢM BIẾN TỐC ĐỘ	
14	83551-376-000	GROMMET, SIDE COVER	1	1	1	1	VÒNG ĐỆM ÓP CẠNH	
15	90001-KWR-000	BOLT, SOCKET, 6X18	3	3	3	3	BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18	
16	90003-883-000	BOLT, FLANGE, 6X16	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16	
17	90003-KOJ-N00	BOLT, SPECIAL, 6X12	1	1	1	1	BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6X12	
18	90032-KOR-V00	BOLT B, STUD, 8X213.2	2	2	2	2	GU ĐỒNG B 8X213.2	
19	90131-883-000	BOLT, DRAIN PLUG, 12X15	1	1	1	1	BU LÔNG XÁ DẦU 12X15	
20	90495-MN5-000	WASHER, SEALING, 8MM	1	1	1	1	ĐỆM KÍN 8MM	
21	91002-K40-F01	BEARING, RADIAL BALL, 35X72X15	1	1	1	1	VÒNG BI 35X72X15	

E-19-20

VÁCH MÁY TRÁI



KOR8E1920

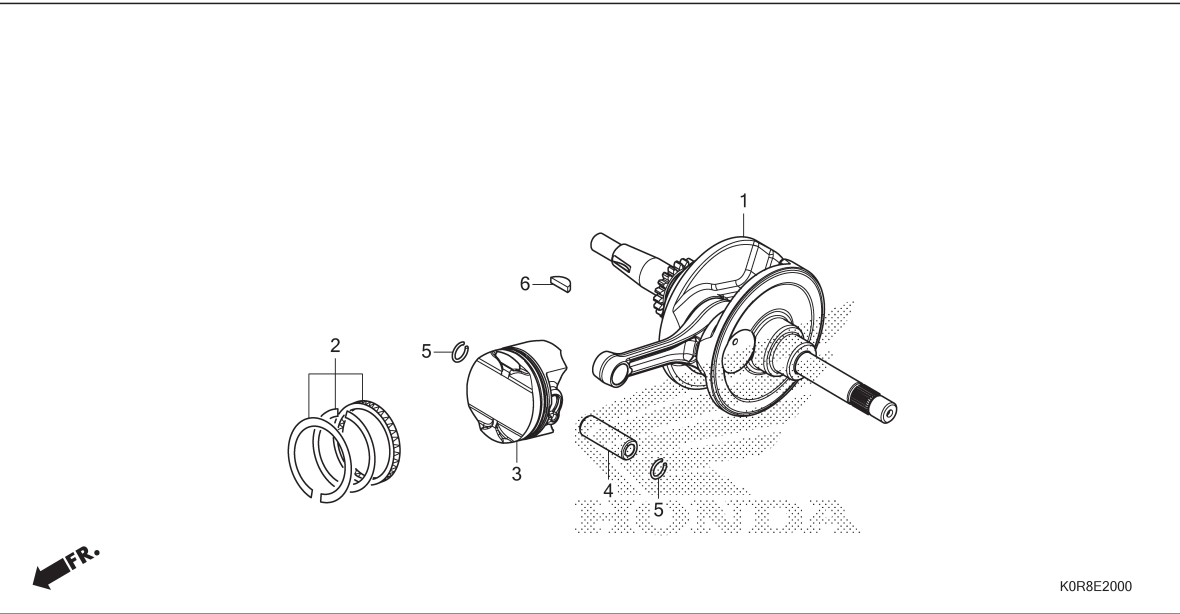
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
+ 25	1101H3	PHỚT DẦU TRỰC CƠ: HAI BÊN..... .BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	5,2
26	2101E7	PHỚT DẦU TRỰC TRUYỀN ĐỘNG.....	1,3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
22	91005-KS4-003	BEARING, RADIAL BALL, 62/22	1	1	1	1	VÒNG BI 62/22	
23	91005-KZR-601	BEARING, RADIAL BALL, 6301 (NTN)	1	1	1	1	VÒNG BI 6301 (NTN)	
24	91016-KBB-901	BEARING, RADIAL BALL, 6004	1	1	1	1	VÒNG BI 6004	
25	91202-K40-F01	OIL SEAL, 26X45X6	1	1	1	1	PHỚT DẦU 26X45X6	
26	91203-K40-F01	OIL SEAL, 22X32X6 (ARAI)	1	1	1	1	PHỚT DẦU 22X32X6 (ARAI)	
27	91303-KOJ-N01	O-RING, 11.4X2.1	1	-	1	-	PHỚT O 11,4X2,1	
28	91303-KOR-V01	O-RING, 31.2X2.4	1	1	1	1	PHỚT O 31,2X2,4	
29	91305-KOJ-N00	O-RING, 3.8X1.4	1	1	1	1	PHỚT O 3,8X1,4	
30	94109-12000	WASHER, DRAIN PLUG, 12MM	1	1	1	1	VÒNG ĐỆM NÚT XÁ 12MM	
31	95701-06016-00	BOLT, FLANGE, 6X16	1	-	1	-	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X16	
32	95701-08016-00	BOLT, FLANGE, 8X16	1	1	1	1	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X16	



E-20

TRỤC CƠ/PISTON



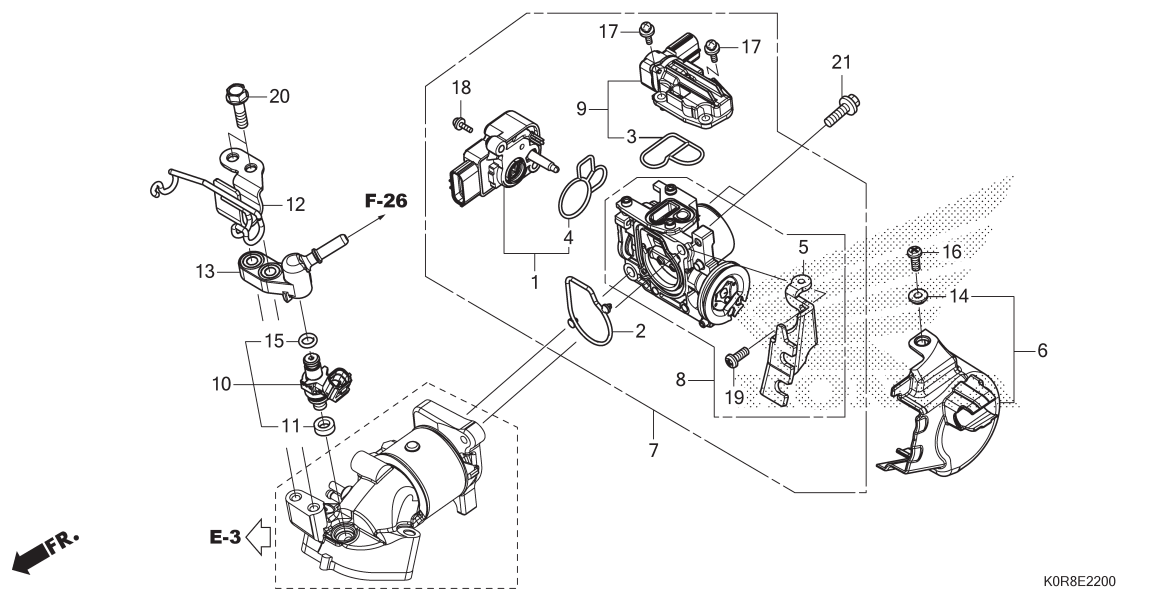
KOR8E2000

STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	1101B5	TRỤC CƠ.....	5,3
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ (2,4,5)	
3	111103	XÉC MĂNG VÀ/HOẶC PISTON (MỘT CHIẾC).....	4,0
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	13000-KOR-V00	CRANKSHAFT COMP.	1	1	-	-		CỤM TRỤC CƠ
	13000-KOS-V00	-	-	1	1		
2	13011-KOR-305	RING SET, PISTON(STD.)	1	1	-	-		BỘ XÉC MĂNG TIÊU CHUẨN
	13021-KOR-305	RING SET, PISTON(O.S. 0.25) -	(1)	(1)	-	-		BỘ XÉC MĂNG (O.S. 0,25)
	13031-KOR-305	RING SET, PISTON(O.S. 0.50) -	(1)	(1)	-	-		BỘ XÉC MĂNG (O.S. 0,50)
	13041-KOR-305	RING SET, PISTON(O.S. 0.75) -	(1)	(1)	-	-		BỘ XÉC MĂNG (O.S. 0,75)
	13051-KOR-305	RING SET, PISTON(O.S. 1.00) -	(1)	(1)	-	-		BỘ XÉC MĂNG (O.S. 1,00)
	13011-KOS-305	RING SET, PISTON(STD.)	-	-	1	1		BỘ XÉC MĂNG TIÊU CHUẨN
	13021-KOS-305	RING SET, PISTON(O.S. 0.25) -	-	-	(1)	(1)		BỘ XÉC MĂNG (O.S. 0,25)
	13031-KOS-305	RING SET, PISTON(O.S. 0.50) -	-	-	(1)	(1)		BỘ XÉC MĂNG (O.S. 0,50)
3	13104-KOR-305	PISTON(O.S. 0.75)	(1)	(1)	-	-		PISTON (O.S. 0,75)
	13105-KOR-305	PISTON(O.S. 1.00)	(1)	(1)	-	-		PISTON (O.S. 1,00)
	13101-KOR-V00	PISTON(STD.)	1	1	-	-		PISTON (TIÊU CHUẨN)
	13102-KOR-305	PISTON(O.S. 0.25)	(1)	(1)	-	-		PISTON (O.S. 0,25)
	13103-KOR-305	PISTON(O.S. 0.50)	(1)	(1)	-	-		PISTON (O.S. 0,50)
	13101-KOS-V00	PISTON(STD.)	-	-	1	1		PISTON (TIÊU CHUẨN)
	13102-KOS-305	PISTON(O.S. 0.25)	-	-	(1)	(1)		PISTON (O.S. 0,25)
	13103-KOS-305	PISTON(O.S. 0.50)	-	-	(1)	(1)		PISTON (O.S. 0,50)
4	13111-KOR-V00	PIN, PISTON	1	1	1	1		CHÓT PISTON
5	13115-KZY-700	CLIP, PISTON PIN, 14MM	2	2	2	2		KẸP CHÓT PISTON 14MM
6	90741-003-010	KEY, WOODRUFF, 4MM	1	1	1	1		THEN BÀN NGUYỆT 4MM

E-22

BỘ HỌNG GA/KIM PHUN XĂNG



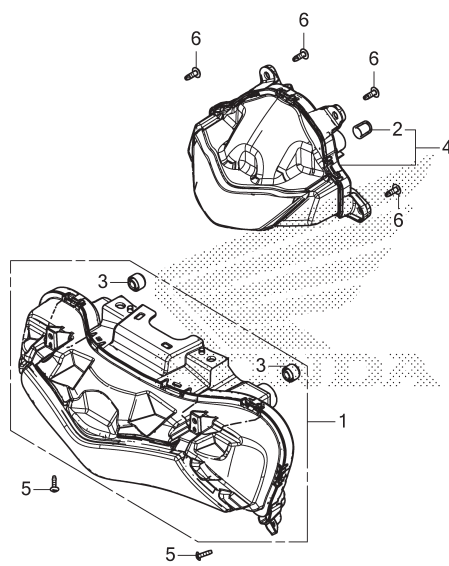
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(4)	
617115		CÂM BIẾN BỘ HỌNG GA.....	0,8
7		(2)	
311132		BỘ HỌNG GA.....	0,9
8		HỌNG GA.....	0,8
9		(3)	
3111N5		VAN ĐIỀU KHIỂN CÂM CHỪNG.....	0,3
10		(11,13,15)	
311145		KIM PHUN XĂNG.....	0,6



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	16060-KOR-V01	SENSOR SET	1	1	1	1	BỘ CÂM BIẾN	
2	16075-KOR-V01	O-RING, THROTTLE BODY	1	1	1	1	PHỚT O BỘ HỌNG GA	
3	16076-KOR-V01	O-RING	1	1	1	1	PHỚT O	
4	16077-KOR-V01	O-RING	1	1	1	1	PHỚT O	
5	16169-KOR-V01	STAY, WIRE	1	1	1	1	GIÃ GIỮ DÂY GA	
6	16305-KOR-V00	COVER COMP., THROTTLE BODY ..	1	1	1	1	BỘ ỐP HỌNG GA	
7	16400-KOR-V01	THROTTLE BODY ASSY.(GQPHA A)	1	1	1	1	CỤM HỌNG GA (GQPHA A)	
8	16410-KOR-V01	BODY SET	1	1	1	1	BỘ THÂN GA	
9	16430-KOR-V01	VALVE SET, IDLE AIR CONTROL ..	1	1	1	1	BỘ VAN ĐIỀU KHIỂN CÂM CHỪNG	
10	16450-KOR-V01	INJECTOR ASSY., FUEL	1	1	-	-	CỤM KIM PHUN XĂNG	
	16450-KOS-V01	-	-	1	1		
11	16472-KPC-D50	RING, SEAL	1	1	1	1	VÒNG BÍT	
12	17219-KOR-V00	CLAMPER, BREATHER TUBE	1	1	1	1	KẸP ỒNG THÔNG HƠI	
13	17560-KOR-V00	JOINT COMP., INJECTOR	1	1	1	1	CỤM KHỚP NỒI KIM PHUN XĂNG	
14	61106-K62-B00	COLLAR, THROTTLE BODY COVER ..	1	1	1	1	BẠC ỐP HỌNG GA	
15	91301-GGL-J01	O-RING, 6.3X2.2	1	1	1	1	PHỚT O 6,3X2,2	
16	93500-05012-OH	SCREW, PAN, 5X12	1	1	1	1	VÍT 5X12	
17	93891-04010-18	SCREW-WASHER, 4X10	3	3	3	3	VÍT CỐ ĐỆM 4X10	
18	93891-04016-18	SCREW-WASHER, 4X16	2	2	2	2	VÍT CỐ ĐỆM 4X16	
19	93892-05012-18	SCREW-WASHER, 5X12	1	1	1	1	VÍT CỐ ĐỆM 5X12	
20	95801-06022-00	BOLT, FLANGE, 6X22	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22	
21	96001-06020-00	BOLT, FLANGE, 6X20	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X20	

F-1

ĐÈN PHA



KOR8F0100

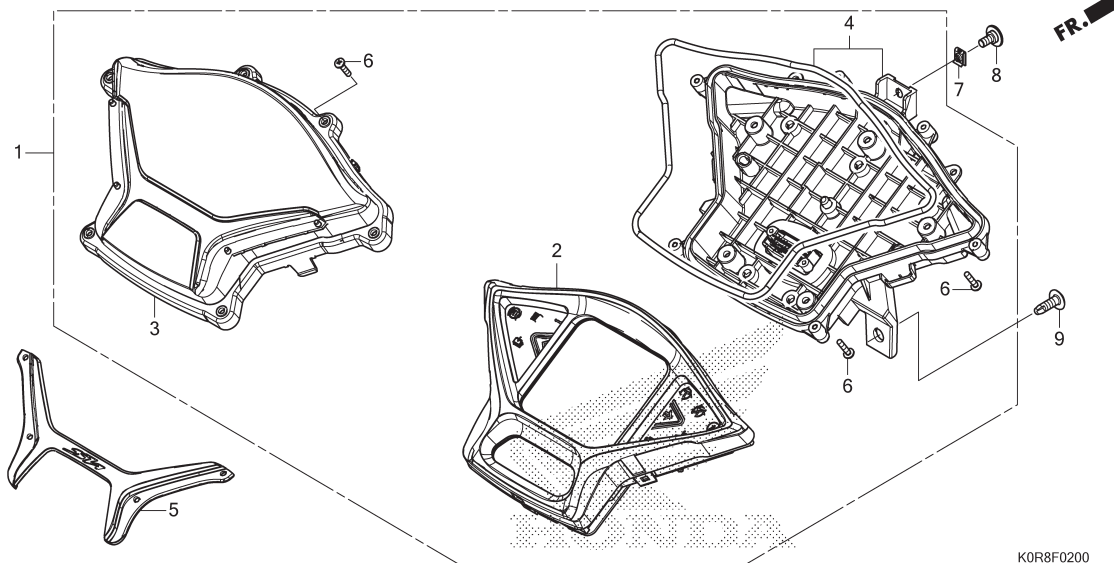
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6161A7	CỤM ĐÈN PHA	0,7
4	6161M0	CỤM ĐÈN VỊ TRÍ	0,4



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	33100-KOR-V01	HEADLIGHT ASSY.	1	1	1	1		CỤM ĐÈN PHA
2	33113-K07-M51	PIPE, CP	1	1	1	1		ỐNG CP
3	33113-MEE-D01	PIPE, CP	2	2	2	2		ỐNG CP
4	33180-KOR-V01	LIGHT ASSY., POSITION	1	1	1	1		CỤM ĐÈN VỊ TRÍ
5	93903-34480	SCREW, TAPPING, 4X16	2	2	2	2		VÍT TỰ REN 4X16
6	93903-35310	SCREW, TAPPING, 5X16	4	4	4	4		VÍT TỰ REN 5X16

F-2

ĐỒNG HỒ



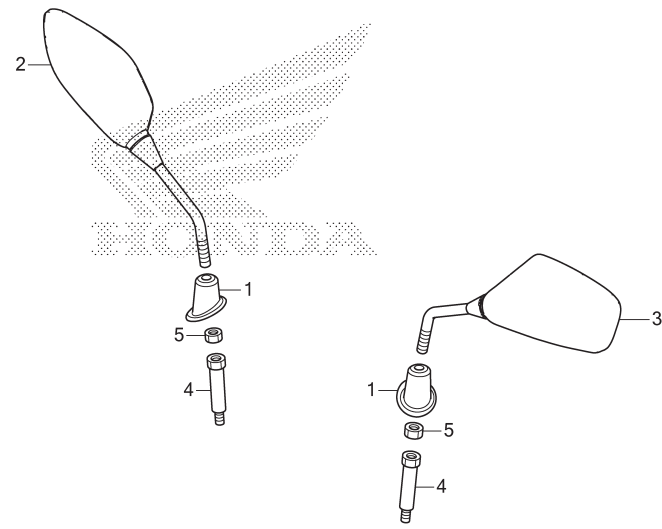
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	8121A1	BỘ ĐỒNG HỒ	0,4
2	8121A2	ĐỒNG HỒ	0,5
3	8121B7	NÁP TRÊN ĐỒNG HỒ	0,4
4	8121B3	VỎ ĐỒNG HỒ	0,4
5	8121E3	ÓP ĐỒNG HỒ	0,2

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	37100-KOR-V02	METER ASSY., COMBINATION	1	-	-	-		BỘ ĐỒNG HỒ
	37100-KOR-V12	-	1	-	-		
	37100-KOS-V02	-	-	1	-		
	37100-KOS-V12	-	-	-	1		
2	37110-KOR-V02	METER ASSY., COMBINATION	1	-	-	-		BỘ ĐỒNG HỒ
	37110-KOR-V12	-	1	-	-		
	37110-KOS-V02	-	-	1	-		
	37110-KOS-V12	-	-	-	1		
3	37111-KOR-V01	LENS	1	1	1	1		CHỤP ĐÈN
4	37620-KOR-V01	CASE ASSY., UNDER	1	1	1	1		CỤM NÁP DƯỚI
5	53207-KOR-V00	GARNISH, METER	1	1	1	1		ÓP TRANG TRÍ ĐỒNG HỒ
6	90314-KVS-F22	SCREW, TAPPING, 3X14	11	11	11	11		VÍT TỰ REN 3X14
7	90677-KAN-T00	NUT, CLIP, 5MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC KẸP 5MM
8	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5	1	1	1	1		VÍT 5X11,5
9	93903-35310	SCREW, TAPPING, 5X16	2	2	2	2		VÍT TỰ REN 5X16



F-3

GƯƠNG



KOR8F0300

STT L.O.N. (Số tham khảo liên quan) Thời gian
Mô tả định mức

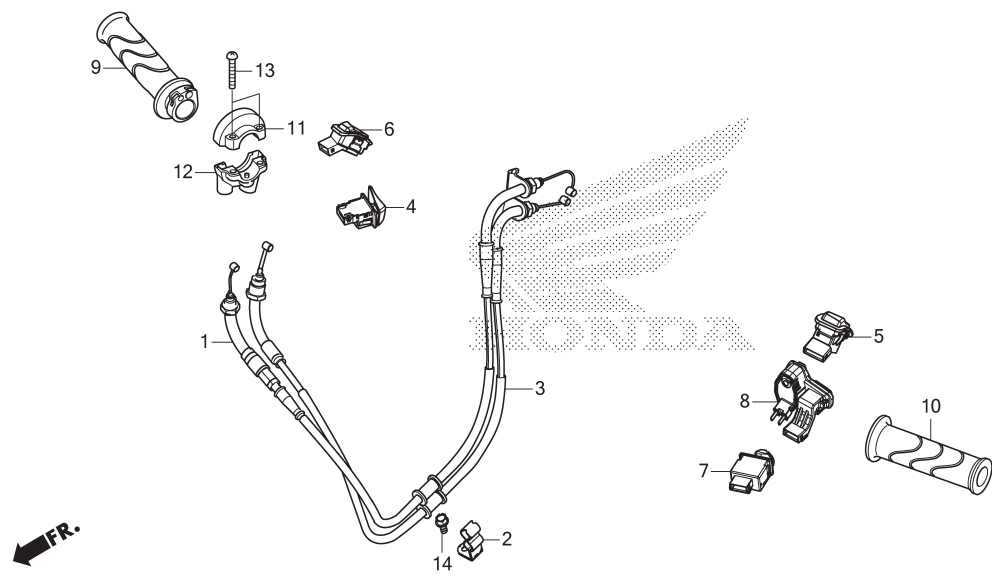
KHÔNG CÓ THÔNG TIN

3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	88114-K77-V00	BOOT, MIRROR LOWER	2	2	2	2	CHỤP CAO SU DƯỚI GƯƠNG	
2	88210-KOR-V01	MIRROR COMP., R.	1	1	1	1	CỤM GƯƠNG BÊN PHẢI	
3	88220-KOR-V01	MIRROR COMP., L.	1	1	1	1	CỤM GƯƠNG BÊN TRÁI	
4	90103-KOR-V00	BOLT, ADAPTER, 10MM	2	2	2	2	BU LÔNG CHỈNH GƯƠNG 10MM	
5	90201-MW3-620	NUT, HEX., 10MM (LEFT HAND THREAD)	2	2	2	2	ĐAI ỐC LỤC GIÁC 10MM (REN TRÁI)	

F-4

CÔNG TẮC/DÂY



KOR8F0400

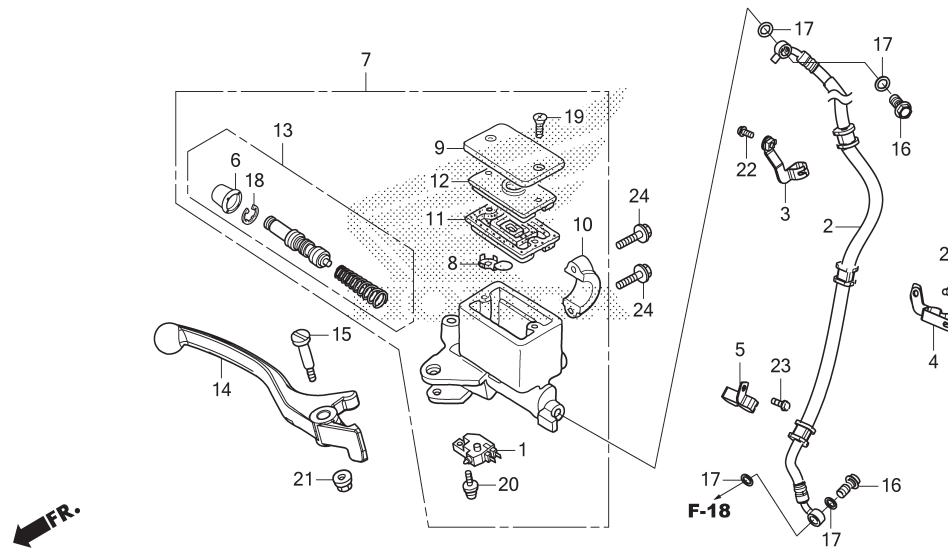
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	811100	DÂY GA.....	2,3
.LƯU Ý: Cùng thời gian với 2 chi tiết			
4	615116	CÔNG TẮC ĐÈ	0,6
5	615117	CÔNG TẮC PHA/CÓT.....	0,6
6	6151C4	CÔNG TẮC TỐC ĐỘ CÀM CHỪNG.....	0,6
7	615118	CÔNG TẮC ĐÈN BÁO RỄ.....	0,6
8	6151A3	CÔNG TẮC CÔI.....	0,6
9	810150	TAY GA.....	0,8
10	8101C0	TAY GA: BÊN TRÁI.....	0,1
12	810155	ÓP TAY GA.....	0,8

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	17910-KOR-V01	CABLE COMP. A, THROTTLE	1	1	1	1		CỤM DÂY BỘ HỌNG GAA
2	17913-KOR-V00	CLAMPER B, THROTTLE CABLE ...	1	1	1	1		KẸP B DÂY GA
3	17920-KOR-V01	CABLE COMP. B, THROTTLE	1	1	1	1		CỤM DÂY BỘ HỌNG GA B
4	35160-K27-V01	SWITCH UNIT, STARTER(ASAHI) -	1	1	1	1		CỤM CÔNG TẮC ĐÈ (ASAHI)
5	35170-KOR-V03	SWITCH UNIT, DIMMER & PASSING	1	1	1	1		CỤM CÔNG TẮC PHA/CÓT & ĐÈN VƯỢT
6	35190-K50-T01	SWITCH UNIT, IDLE(ASAHI)	1	1	1	1		CỤM CÔNG TẮC TỐC ĐỘ CÀM CHỪNG (ASAHI)
7	35200-KOR-V02	SWITCH UNIT, WINKER	1	1	1	1		CỤM CÔNG TẮC ĐÈN BÁO RỄ
8	35300-KOR-V02	SWITCH UNIT, MULTI	1	1	1	1		CỤM THIẾT BỊ CHUYỂN MẠCH
9	53140-K44-V00	GRIP COMP., THROTTLE	1	1	1	1		CỤM TAY NẮM GA
10	53166-KWB-600	GRIP, L. HANDLE	1	1	1	1		TAY NẮM GA TRÁI
11	53167-K66-V00	HOUSING, UPPER THROTTLE	1	1	1	1		ÓP TRÊN TAY GA
12	53168-K66-V00	HOUSING, UNDER THROTTLE	1	1	1	1		ÓP DƯỚI TAY GA
13	93500-05020-0A	SCREW, PAN, 5X20	2	2	2	2		VÍT 5X20
14	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12	1	1	1	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12



F-5

XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC (SH125D/SH150D)

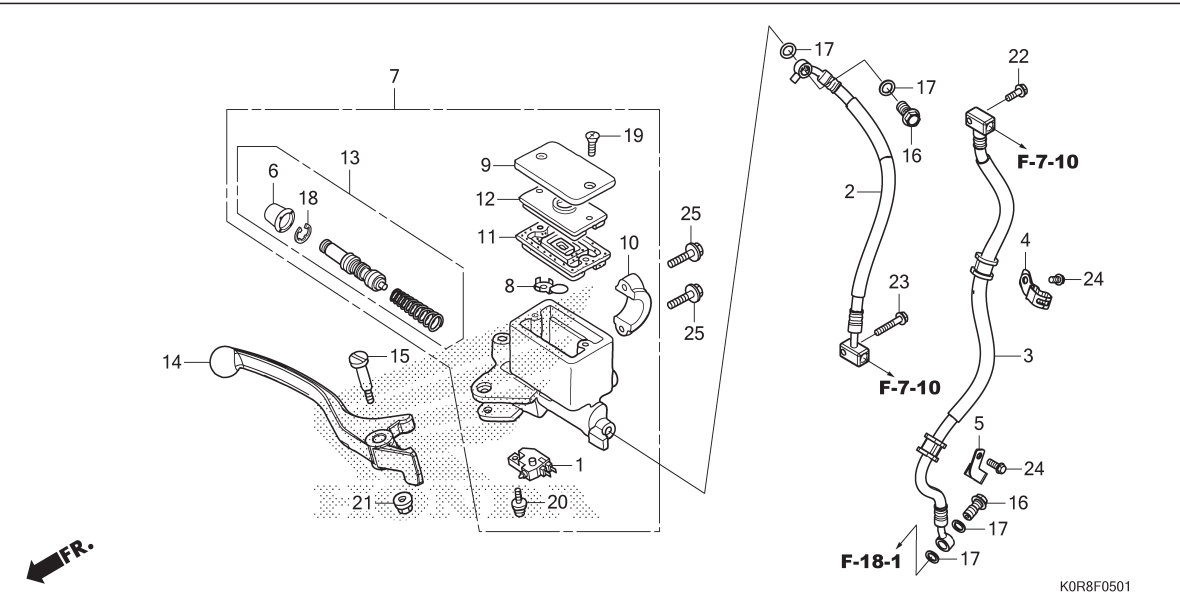


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6151B2	CÔNG TÁC PHANH TRƯỚC	0,6
	6151B6	CÔNG TÁC PHANH: HAI BÊN	0,7
2	7121A0	ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC.....	1,2
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
7	712105	XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC.....	0,9
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
11	7121G6	MÀNG CHÂN CAO SU XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC.....	0,3
13	7121G9	CỤM PISTON XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC ..	0,9
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
14	8101C7	TAY PHANH: BÊN PHẢI.....	0,3
	8101F5	TAY PHANH: HAI BÊN.....	0,4

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	35340-MGS-D31	SWITCH ASSY., FR. STOP	1	-	1	-		CỤM CÔNG TÁC PHANH TRƯỚC
2	45125-KOR-V01	HOSE COMP., FR. BRAKE	1	-	1	-		CỤM ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC
3	45155-KOR-V00	CLAMPER A, FR. BRAKE HOSE ...	1	-	1	-		KẸP ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC A
4	45156-KOR-V00	CLAMPER B, FR. BRAKE HOSE ...	1	-	1	-		KẸP ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC B
5	45157-K77-V00	CLAMPER C, FR. BRAKE HOSE ...	1	-	1	-		KẸP ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC C
6	45504-410-003	BOOT COMP.	1	-	1	-		CỤM ĐÉ
7	45510-KOR-V01	CYLINDER SUB ASSY., FR. BRAKE MASTER	1	-	1	-		CỤM XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC
8	45512-MA6-006	PROTECTOR	1	-	1	-		ÓP BẢO VỆ
9	45513-HA2-006	CAP, MASTER CYLINDER	1	-	1	-		NÁP XY LANH CHÍNH
10	45517-166-006	HOLDER, MASTER CYLINDER	1	-	1	-		GIÁ XY LANH CHÍNH
11	45520-MG7-006	DIAPHRAGM	1	-	1	-		MÀNG CAO SU
12	45521-HA2-006	PLATE, DIAPHRAGM	1	-	1	-		TẤM CHÂN MÀNG CAO SU
13	45530-KVS-M21	CYLINDER SET, FR. MASTER (NISSIN)	1	-	1	-		BỘ XY LANH CHÍNH PHÍA TRƯỚC (NISSIN)
14	53175-K04-931	LEVER, R. HANDLE	1	-	1	-		TAY PHANH BÊN PHẢI
15	90114-MA5-671	BOLT, HANDLE LEVER PIVOT	1	-	1	-		BU LÔNG CHÓT TAY PHANH
16	90145-KPH-B30	BOLT, OIL, 10X22(NISSIN)	2	-	2	-		BU LÔNG DẦU 10X22 (NISSIN)
17	90545-300-000	WASHER, OIL BOLT	4	-	4	-		VÒNG ĐỆM BU LÔNG DẦU
18	90651-K03-M61	CIRCLIP, INTERNAL, 18.8	1	-	1	-		PHE CẢI TRONG 18,8
19	93600-04012-1G	SCREW, FLAT, 4X12	2	-	2	-		VÍT DỆT 4X12
20	93893-04012-17	SCREW-WASHER, 4X12	1	-	1	-		VÍT CỎ ĐỆM 4X12
21	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM	1	-	1	-		ĐAI ỐC MẶT BÍCH 6MM
22	96001-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12	1	-	1	-		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
23	96001-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	2	-	2	-		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
24	96001-06022-07	BOLT, FLANGE, 6X22	2	-	2	-		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22

F-5-1

XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC (SH125AD/SH150AD)



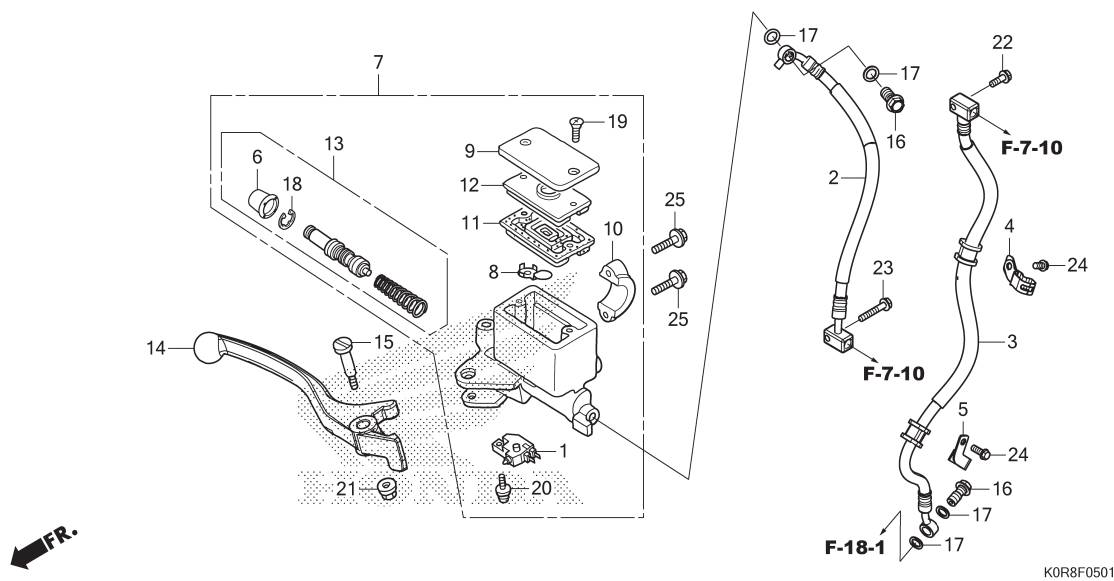
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6151B2	CÔNG TÁC PHANH TRƯỚC	0,6
	6151B6	CÔNG TÁC PHANH: HAI BÊN	0,7
2	712127	ỐNG DẦU A PHANH TRƯỚC.....	1,0
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
3	7121L5	ỐNG DẦU D PHANH TRƯỚC.....	1,0
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
7	712105	XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC.....	0,9
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
11	7121G6	MÀNG CHÂN CAO SU XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC.....	0,3
13	7121G9	CỤM PISTON XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC ..	0,9
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
14	8101C7	TAY PHANH: BÊN PHẢI.....	0,3
	8101F5	TAY PHANH: HAI BÊN.....	0,4

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	35340-MGS-D31	SWITCH ASSY., FR. STOP	-	1	-	1		CỤM CÔNG TÁC PHANH TRƯỚC
2	45125-KOR-V11	HOSE COMP. A, FR. BRAKE	-	1	-	1		CỤM ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC A
3	45128-KOR-V11	HOSE COMP. D, FR. BRAKE	-	1	-	1		CỤM ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC D
4	45156-KOR-V10	CLAMPER B, FR. BRAKE HOSE ...	-	1	-	1		KẸP ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC B
5	45157-KOR-V10	CLAMPER A, FR. BRAKE HOSE ...	-	1	-	1		KẸP ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC A
6	45504-410-003	BOOT COMP.	-	1	-	1		CỤM ĐÉ
7	45510-KOR-V01	CYLINDER SUB ASSY., FR. BRAKE MASTER	-	1	-	1		CỤM XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC
8	45512-MA6-006	PROTECTOR	-	1	-	1		ÓP BẢO VỆ
9	45513-HA2-006	CAP, MASTER CYLINDER	-	1	-	1		NÁP XY LANH CHÍNH
10	45517-166-006	HOLDER, MASTER CYLINDER	-	1	-	1		GIÁ XY LANH CHÍNH
11	45520-MG7-006	DIAPHRAGM	-	1	-	1		MÀNG CAO SU
12	45521-HA2-006	PLATE, DIAPHRAGM	-	1	-	1		TẤM CHÂN MÀNG CAO SU
13	45530-KVS-M21	CYLINDER SET, FR. MASTER (NISSIN)	-	1	-	1		BỘ XY LANH CHÍNH PHÍA TRƯỚC (NISSIN)
14	53175-K04-931	LEVER, R. HANDLE	-	1	-	1		TAY PHANH BÊN PHẢI
15	90114-MA5-671	BOLT, HANDLE LEVER PIVOT	-	1	-	1		BU LÔNG CHÓT TAY PHANH
16	90145-KPH-B30	BOLT, OIL, 10X22(NISSIN)	-	2	-	2		BU LÔNG DẦU 10X22 (NISSIN)
17	90545-300-000	WASHER, OIL BOLT	-	4	-	4		VÒNG ĐỆM BU LÔNG DẦU
18	90651-K03-M61	CIRCLIP, INTERNAL, 18.8	-	1	-	1		PHE CẢI TRONG 18,8
19	93600-04012-1G	SCREW, FLAT, 4X12	-	2	-	2		VÍT ĐỆT 4X12
20	93893-04012-17	SCREW-WASHER, 4X12	-	1	-	1		VÍT CỐ ĐỆM 4X12
21	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM	-	1	-	1		ĐAI ỐC MẶT BÍCH 6MM
22	95701-06018-00	BOLT, FLANGE, 6X18	-	1	-	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X18
23	95701-06035-00	BOLT, FLANGE, 6X35	-	1	-	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X35



F-5-1

XY LANH CHÍNH PHANH TRƯỚC (SH125AD/SH150AD)

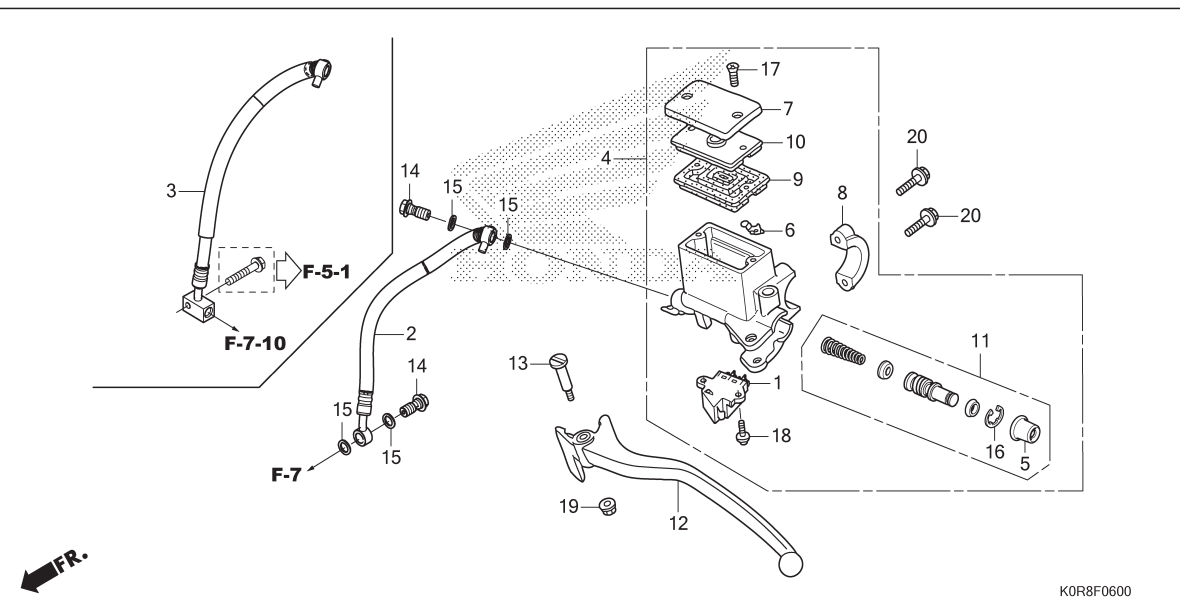


Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			D	AD	D	AD		
24	96001-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	-	2	-	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
25	96001-06022-07	BOLT, FLANGE, 6X22	-	2	-	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22



F-6

XI LANH CHÍNH PHANH SAU



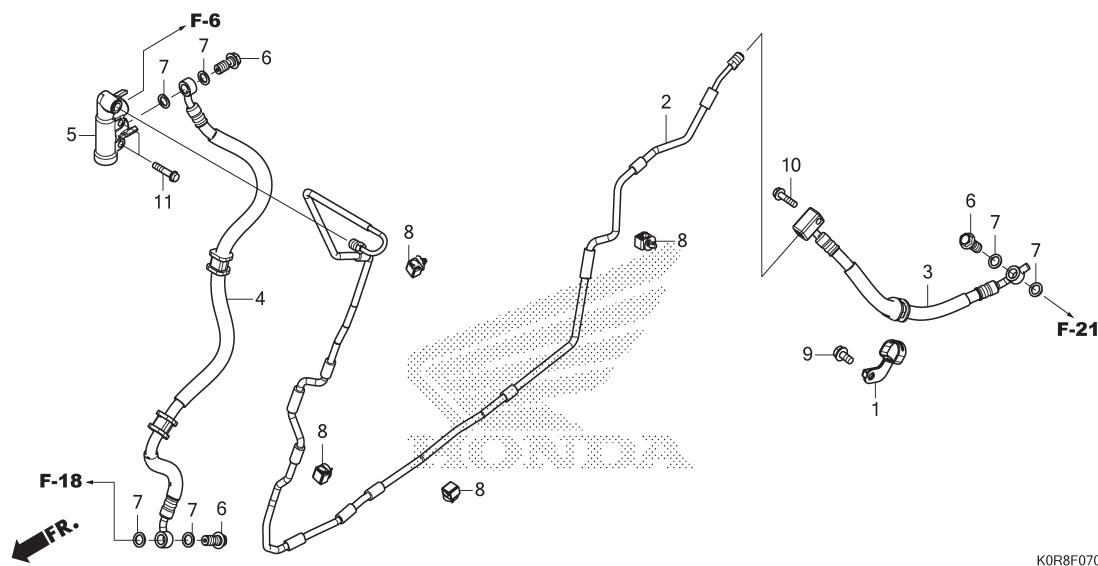
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6151B3	CÔNG TÁC ĐÈN PHANH SAU: PHÍA TAY PHANH	0.6
	6151B6	CÔNG TÁC PHANH: HAI BÊN	0.7
2	712180	ỐNG DẦU A PHANH SAU .BAO GỒM: Xả khí phanh	1.1
3	7121P0	ỐNG DẦU A PHANH SAU (A) .BAO GỒM: Xả khí phanh	1.0
4	712125	XY LANH CHÍNH PHANH SAU .BAO GỒM: Xả khí phanh	0.9
	712125C	.Bổ sung CBS	0.1
9	7121G7	MÀNG CHÂN CAO SU XY LANH CHÍNH PHANH SAU	0.3
11	7121H0	CỤM PISTON CHÍNH PHANH SAU .BAO GỒM: Xả khí phanh	0.9
	7121H0C	.Bổ sung CBS	0.1
12	8101C6	TAY PHANH: BÊN TRÁI	0.3
	8101F5	TAY PHANH: HAI BÊN	0.4

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	35340-K40-F01	SWITCH ASSY., L. HANDLE STOP (WATER PROOF)	1	1	1	1		CỤM CÔNG TÁC PHANH TAY LÁI BÊN TRÁI (CHỐNG THÂM NƯỚC)
2	43311-KOR-V01	HOSE COMP. A, RR. BRAKE	1	-	1	-		CỤM ỐNG DẦU PHANH SAU A
3	43311-KOR-V11	HOSE COMP. A, RR. BRAKE	-	1	-	1		CỤM ỐNG DẦU PHANH SAU A
4	43510-K97-N01	CYLINDER SUB ASSY., RR. MASTER	1	-	1	-		CỤM XY LANH CHÍNH PHANH SAU
	43510-KOR-V11		-	1	-	1		
5	45504-410-003	BOOT COMP.	1	1	1	1		CỤM ĐÉ
6	45512-MA6-006	PROTECTOR	1	1	1	1		ÓP BẢO VỆ
7	45513-HA2-006	CAP, MASTER CYLINDER	1	1	1	1		NÁP XY LANH CHÍNH
8	45517-166-006	HOLDER, MASTER CYLINDER	1	1	1	1		GIÁ XY LANH CHÍNH
9	45520-MG7-006	DIAPHRAGM	1	1	1	1		MÀNG CAO SU
10	45521-HA2-006	PLATE, DIAPHRAGM	1	1	1	1		TẤM CHÂN MÀNG CAO SU
11	45530-471-831	CYLINDER SET, MASTER	1	-	1	-		BỘ XY LANH CHÍNH
	45530-KVS-M21	CYLINDER SET, FR. MASTER (NISSIN)	-	1	-	1		BỘ XY LANH CHÍNH PHÍA TRƯỚC (NISSIN)
12	53178-K04-931	LEVER, L. HANDLE	1	1	1	1		TAY PHANH BÊN TRÁI
13	90114-MA5-671	BOLT, HANDLE LEVER PIVOT	1	1	1	1		BU LÔNG CHÓT TAY PHANH
14	90145-KPH-B30	BOLT, OIL, 10X22 (NISSIN)	2	1	2	1		BU LÔNG DẦU 10X22 (NISSIN)
15	90545-300-000	WASHER, OIL BOLT	4	2	4	2		VÒNG ĐỆM BU LÔNG DẦU
16	90651-MA5-671	CIRCLIP	1	-	1	-		PHE CÀI
	90651-K03-M61	CIRCLIP, INTERNAL, 18.8	-	1	-	1		PHE CÀI TRONG 18,8
17	93600-04012-1G	SCREW, FLAT, 4X12	2	2	2	2		VÍT DẸT 4X12
18	93893-04012-17	SCREW-WASHER, 4X12	2	2	2	2		VÍT CỐ ĐỆM 4X12
19	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC MẶT BÍCH 6MM
20	96001-06022-07	BOLT, FLANGE, 6X22	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X22



F-7

ỐNG DẦU PHANH SAU/ỐNG PHANH



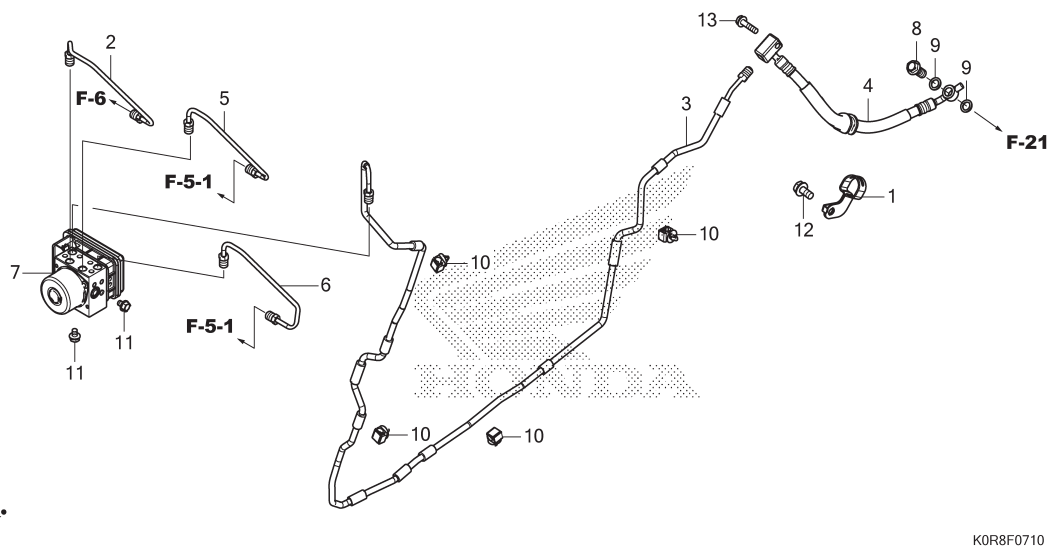
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	7121S8	ỐNG B PHANH SAU (A)BAO GỒM: Xả khí phanh	2,3
3	7121B1	ỐNG DẦU C PHANH SAUBAO GỒM: Xả khí phanh	0,7
4	7121B8	ỐNG DẦU A PHỤ PHANH SAUBAO GỒM: Xả khí phanh	1,1
5	712165	VAN TRỄBAO GỒM: Xả khí phanh	1,2



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	43156-KOR-V00	CLAMPER, RR. BRAKE HOSE	1	-	1	-		KẸP ỚNG DẦU PHANH SAU
2	43312-KOR-V00	PIPE COMP. B, RR. BRAKE	1	-	1	-		CỤM ỚNG B PHANH SAU
3	43313-KOR-V01	HOSE COMP. C, RR. BRAKE	1	-	1	-		CỤM ỚNG DẦU C PHANH SAU
4	43320-KOR-V01	HOSE COMP. A, BRAKE SUB	1	-	1	-		CỤM ỚNG DẦU A PHANH PHỤ
5	46300-K97-N01	VALVE ASSY., DELAY	1	-	1	-		CỤM VAN TRỄ
6	90145-KPH-B30	BOLT, OIL, 10X22(NISSIN)	3	-	3	-		BU LÔNG DẦU 10X22 (NISSIN)
7	90545-300-000	WASHER, OIL BOLT	6	-	6	-		VÒNG ĐỆM BU LÔNG DẦU
8	90661-MGS-D71	CLAMP, BRAKE PIPE(7.0)	4	-	4	-		KẸP ỚNG PHANH (7,0)
9	95701-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	1	-	1	-		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12
10	95701-06025-00	BOLT, FLANGE, 6X25	1	-	1	-		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25
11	96001-06028-00	BOLT, FLANGE, 6X28	2	-	2	-		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X28

F-7-10

BỘ ĐIỀU BIẾN ABS



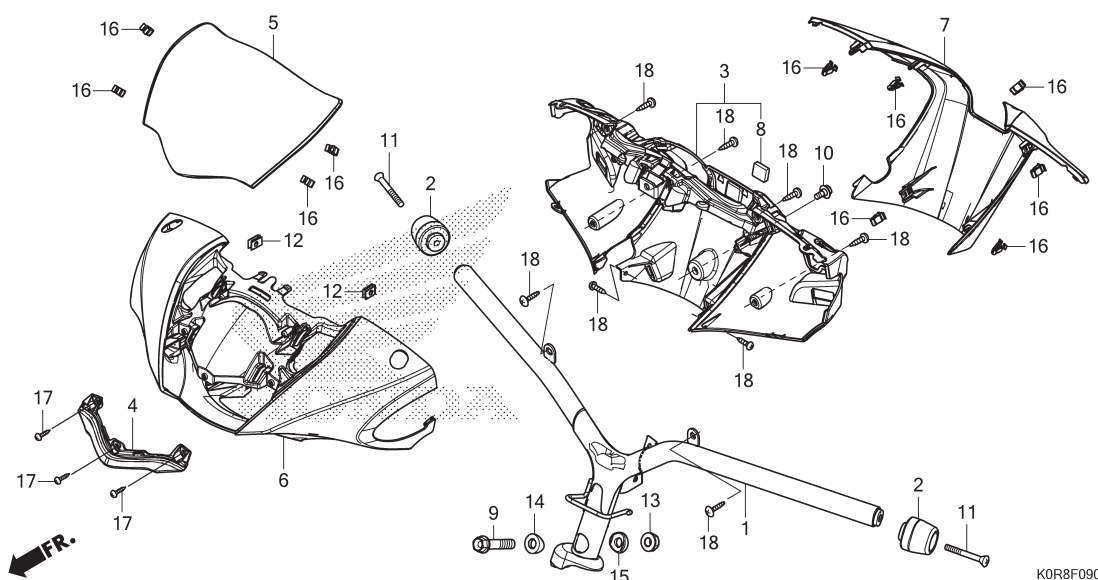
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	7121D8	ỐNG B PHANH SAUBAO GỒM: Xả khí phanh	1,0
3	7121D9	ỐNG C PHANH SAUBAO GỒM: Xả khí phanh	2,2
4	7121B2	ỐNG DẦU D PHANH SAUBAO GỒM: Xả khí phanh	0,6
5	7121C8	ỐNG B PHANH TRƯỚCBAO GỒM: Xả khí phanh	1,0
6	7121C9	ỐNG C PHANH TRƯỚCBAO GỒM: Xả khí phanh	1,0
7	7111H1	BỘ ĐIỀU BIẾN ABSBAO GỒM: Xả khí phanh	1,6

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	43156-KOR-V00	CLAMPER, RR. BRAKE HOSE	----	- 1	- 1		KẸP ÓNG DẦU PHANH SAU	
2	43312-KOR-V10	PIPE COMP. B, RR. BRAKE	----	- 1	- 1		CỤM ÓNG B PHANH SAU	
3	43313-KOR-V10	PIPE COMP. C, RR. BRAKE	----	- 1	- 1		CỤM ÓNG C PHANH SAU	
4	43314-KOR-V11	HOSE COMP. D, RR. BRAKE	----	- 1	- 1		CỤM ÓNG DẦU D PHANH SAU	
5	45126-KOR-V10	PIPE COMP. B, FR. BRAKE	----	- 1	- 1		CỤM ÓNG B PHANH TRƯỚC	
6	45127-KOR-V10	PIPE COMP. C, FR. BRAKE	----	- 1	- 1		CỤM ÓNG C PHANH TRƯỚC	
7	57110-KOR-V11	MODULATOR ASSY.	----	- 1	- 1		BỘ ĐIỀU BIẾN	
8	90145-KPH-B30	BOLT, OIL, 10X22 (NISSIN)	----	- 1	- 1		BU LÔNG DẦU 10X22 (NISSIN)	
9	90545-300-000	WASHER, OIL BOLT	----	- 2	- 2		VÒNG ĐỆM BU LÔNG DẦU	
10	90661-MGS-D71	CLAMP, BRAKE PIPE (7.0)	----	- 4	- 4		KẸP ÓNG PHANH (7,0)	
11	95701-06008-07	BOLT, FLANGE, 6X8	----	- 2	- 2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X8	
12	95701-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	----	- 1	- 1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12	
13	95701-06025-00	BOLT, FLANGE, 6X25	----	- 1	- 1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X25	



F-9

ÓP TAY LÁI/CỔ LÁI



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	810100	ÔNG TAY LÁI	1,5
3	4131B6	ÓP SAU TAY LÁI	0,5
4	4111U6	ÓP TRANG TRÍ.....	0,4
5	812102	ÓP LƯỚI TRAI ĐỒNG HỒ.....	0,3
6	4131B5	ÓP TRƯỚC TAY LÁI.....	0,4
	4131U1	ÓP TAY LÁI: HAI BÊN	0,7
7	413175	ÓP TAY LÁI.....	0,1

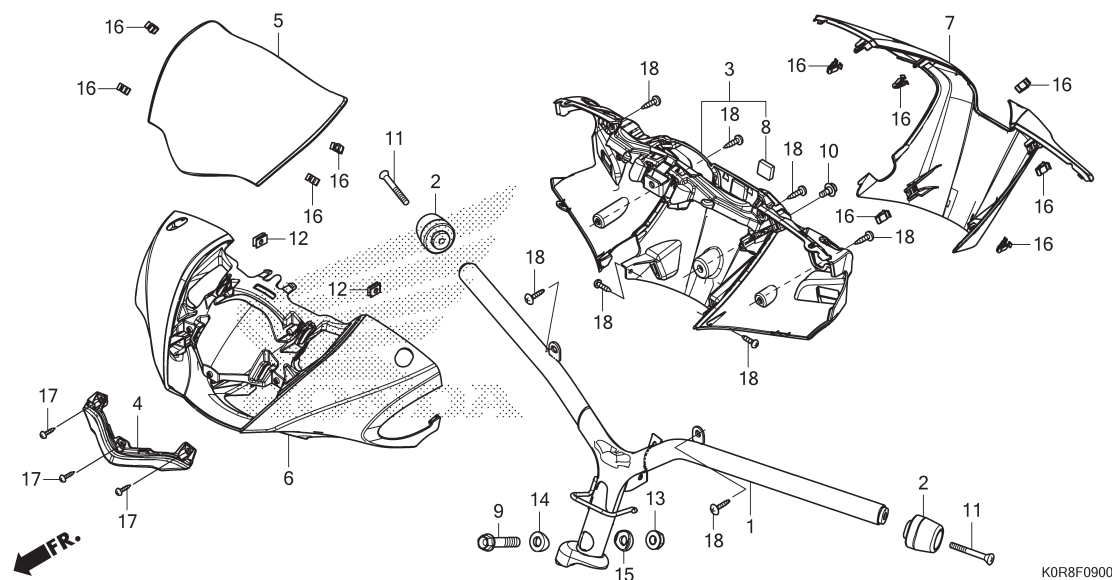


Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
1	53100-KOR-V00	HANDLE COMP., STEERING	1	1	1	1		CỤM TAY LÁI
2	53102-KOR-V00	WEIGHT A, HANDLE	2	2	2	2		ĐÓI TRỌNG A TAY LÁI
3	53160-KOR-V00ZA	COVER SET, RR. HANDLE *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		BỘ ÓP SAU TAY LÁI *NH1*
4	53203-KOR-V00	GARNISH, POSITION LIGHT	1	1	1	1		ÓP TRANG TRÍ ĐÈN VỊ TRÍ
5	53204-KOR-V00ZA	COVER, METER TOP *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP TRÊN ĐỒNG HỒ *NH1*
6	53205-KOR-V00ZA	COVER, FR. HANDLE *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP TRƯỚC TAY LÁI *R368C*
	53205-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	53205-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	53205-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	53205-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
7	53208-KOR-V00ZA	GARNISH, HANDLE COVER *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP TRANG TRÍ TAY LÁI *R368C*
	53208-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	53208-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	53208-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	53208-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
8	86150-KYS-940	EMBLEM, PRODUCT(SHINKO ASIA)	1	1	1	1		TEM SẴN PHẨM (SHINKO ASIA)
9	90106-GN5-900	BOLT, FLANGE, 10X50	1	1	1	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X50
10	90111-162-000	BOLT, FLANGE, 6MM	1	1	1	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6MM
11	90191-KWB-600	SCREW, OVAL, 6X45	2	2	2	2		VÍT Ô VAN 6X45

72

F-9

ÓP TAY LÁI/CỔ LÁI

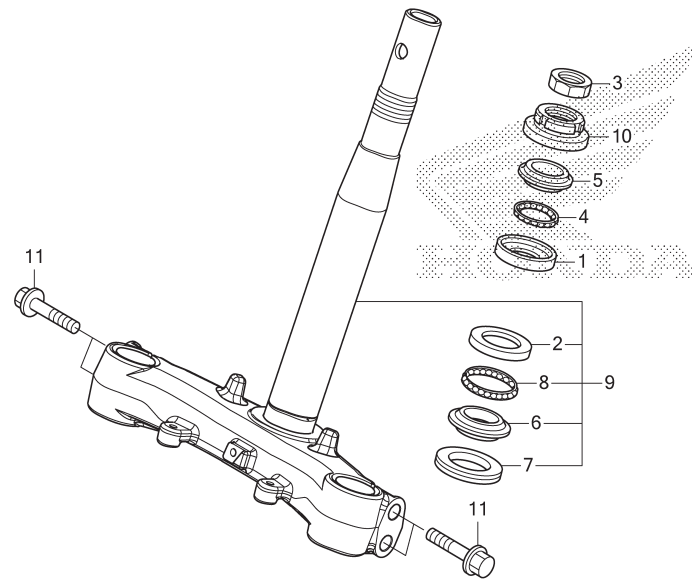


Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
12	90302-KWW-A00	NUT, SPRING, 4MM	2	2	2	2		ĐAI ỐC LỖ XO 4MM
13	90304-KGH-901	NUT, U, 10MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC U 10MM
14	90501-GBY-910	COLLAR A, HANDLE SETTING	1	1	1	1		BẠC A BẮT TAY LÁI
15	90502-GBY-910	COLLAR B, HANDLE SETTING	1	1	1	1		BẠC B BẮT TAY LÁI
16	90666-K59-A11	CLIP, SNAP FITTING(PO)	10	10	10	10		KẸP PHE CÀI (PO)
17	93903-34410	SCREW, TAPPING, 4X16	3	3	3	3		VÍT TỰ REN 4X16
18	93903-34480	SCREW, TAPPING, 4X16	8	8	8	8		VÍT TỰ REN 4X16



F-10

CỔ LÁI

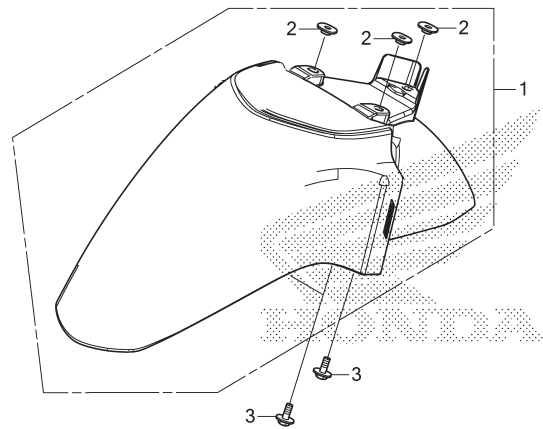


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(4)	
	5101A0	VÒNG BI PHÍA TRÊN CỔ LÁI.....	2,3
2	5101A1	VÒNG BI PHÍA DƯỚI CỔ LÁI.....	2,5
	5101C9	VÒNG BI CỔ LÁI: HAI BÊN	2,5
5	5101A9	BÁT CÔN PHÍA TRÊN CỔ LÁI.....	2,3
6		(7,8)	
	5101B0	BÁT CÔN PHÍA DƯỚI CỔ LÁI.....	2,5
9	510100	CỤM CỔ LÁI HOẶC TRỤC CỔ LÁI	2,3
10	5101B2	ỐC BÁT ĐẦU TRÊN CỔ LÁI	2,1

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	50301-GN5-901	RACE, STEERING TOP BALL	1	1	1	1	VÒNG BI PHÍA TRÊN CỔ LÁI	
2	50302-GN5-900	RACE, STEERING BOTTOM BALL ..	1	1	1	1	VÒNG BI PHÍA DƯỚI CỔ LÁI	
3	50306-GN5-900	NUT, STEERING STEM LOCK	1	1	1	1	ĐAI ỐC KHÓA CỔ LÁI	
4	53210-KVR-C00	BALL ASSY., STEERING STEEL, #6X21	1	1	1	1	CỤM BI THÉP CỔ LÁI #6X21	
5	53211-GN5-900	RACE, STEERING TOP CONE	1	1	1	1	BÁT CÔN PHÍA TRÊN CỔ LÁI	
6	53212-GN5-900	RACE, STEERING BOTTOM CONE ..	1	1	1	1	BÁT CÔN PHÍA DƯỚI CỔ LÁI	
7	53214-GN5-900	DUST SEAL, STEERING HEAD	1	1	1	1	PHÓT CHÂN BỤI CỔ LÁI	
8	53215-KVR-C00	BALL ASSY., STEERING STEEL, #6X26	1	1	1	1	CỤM BI THÉP CỔ LÁI #6X26	
9	53219-KOR-V00	STEM SUB ASSY., STEERING	1	1	1	1	CỤM CỔ LÁI	
10	53220-GN5-850	THREAD COMP., STEERING HEAD TOP	1	1	1	1	ỐC BÁT ĐẦU TRÊN CỔ LÁI	
11	90108-KTF-980	BOLT, FLANGE, 10X55	4	4	4	4	BU LÔNG MẶT BÍCH 10X55	

F-11

CHẮN BÙN TRƯỚC



KOR8F1100

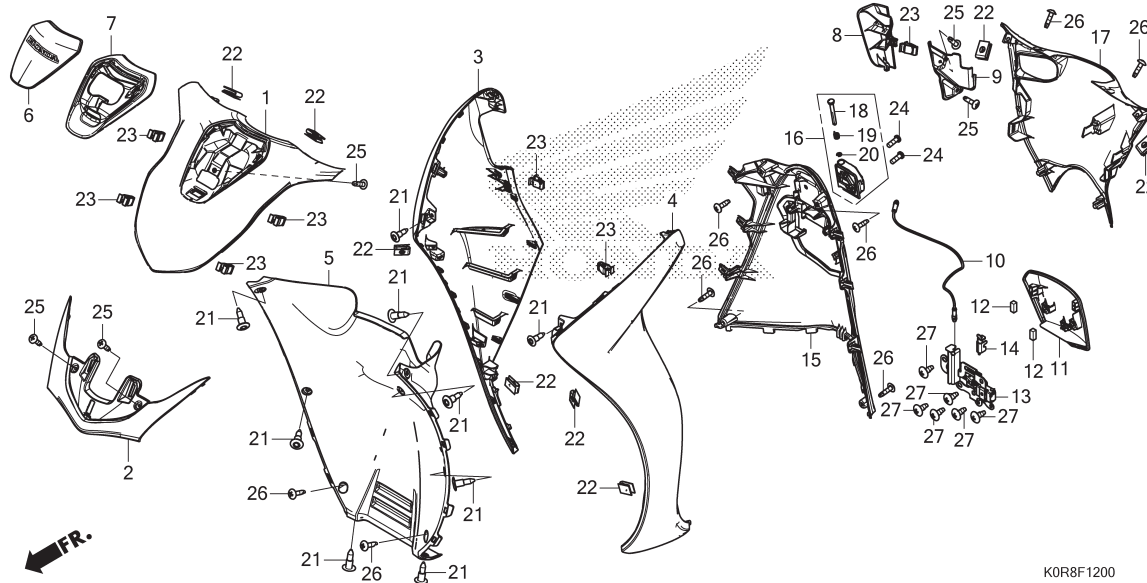
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	4131B7	CHẮN BÙN TRƯỚC	0,1

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	61200-KOR-V00ZA	FENDER SET, FR. (WL)					BỘ CHẮN BÙN TRƯỚC (CÓ TEM)	
		TYPE5	1	-	1	-	*LOẠI 5*	
	61200-KOR-V00ZB	*TYPE4*	1	-	1	-	*LOẠI 4*	
	61200-KOR-V00ZC	*TYPE3*	1	-	1	-	*LOẠI 3*	
	61200-KOR-V00ZD	*TYPE2*	1	-	1	-	*LOẠI 2*	
	61200-KOR-V00ZE	*TYPE1*	1	-	1	-	*LOẠI 1*	
	61200-KOR-V10ZB	*TYPE5*	-	1	-	1	*LOẠI 5*	
	61200-KOR-V10ZC	*TYPE4*	-	1	-	1	*LOẠI 4*	
	61200-KOR-V10ZD	*TYPE3*	-	1	-	1	*LOẠI 3*	
	61200-KOR-V10ZE	*TYPE2*	-	1	-	1	*LOẠI 2*	
	61200-KOR-V10ZF	*TYPE1*	-	1	-	1	*LOẠI 1*	
2	90512-K53-D00	COLLAR, FENDER C	3	3	3	3	BẠC CHẮN BÙN C	
3	93404-06016-00	BOLT-WASHER, 6X16	3	3	3	3	BU LÔNG CÓ ĐỆM 6X16	



F-12

ÓP TRƯỚC



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(7)	
1	4111E3	ÓP TRƯỚC.....	0,2
2	4111BE	ÓP TRANG TRÍ TRƯỚC.....	0,2
3	4131M2	ÓP CẠNH TRƯỚC: BÊN PHẢI.....	0,4
4	4131M3	ÓP CẠNH TRƯỚC: BÊN TRÁI.....	0,4
	4131V6	ÓP CẠNH TRƯỚC: HAI BÊN.....	0,6
5	413130	ÓP DƯỚI PHÍA TRƯỚC.....	0,5
6	3101B6	ÓP TRÊN TRƯỚC.....	0,2
10	8111B6	DÂY NÁP NHIÊN LIỆU.....	0,8
11	3101B8	NÁP NHIÊN LIỆU.....	0,8
13	4131V0	BẢN LÊ NÁP NHIÊN LIỆU.....	0,8
15	4111H6	ÓP TRONG: PHÍA DƯỚI.....	0,7
16	4101P2	MÓC ĐỰNG ĐÓ.....	0,1
17	4111H5	ÓP TRONG: PHÍA TRÊN.....	0,5
	4111E6	ÓP TRONG: CẢ HAI BÊN.....	0,7

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	64300-KOR-V00ZA	COVER, FR. TOP *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP TRÊN TRƯỚC *R368C*
	64300-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	64300-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	64300-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	64300-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
2	64301-KOR-V00	GARNISH, FR. LOWER	1	1	1	1		ÓP TRANG TRÍ DƯỚI PHÍA TRƯỚC
3	64302-KOR-V00ZA	COVER, R. FR. SIDE *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP CẠNH TRƯỚC BÊN PHẢI *R368C*
	64302-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	64302-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	64302-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	64302-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
4	64303-KOR-V00ZA	COVER, L. FR. SIDE *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP CẠNH TRƯỚC BÊN TRÁI *R368C*
	64303-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	64303-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	64303-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	64303-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
5	64304-KOR-V00	COVER, FR. LOWER	1	1	1	1		ÓP DƯỚI TRƯỚC
6	64305-KOR-V00ZA	GARNISH A SET, FR. UPPER(WL) *TYPE1*.....	1	1	1	1		BỘ ÓP TRANG TRÍ TRÊN TRƯỚC A (CÓ TEM) *LOẠI 1*



F-12

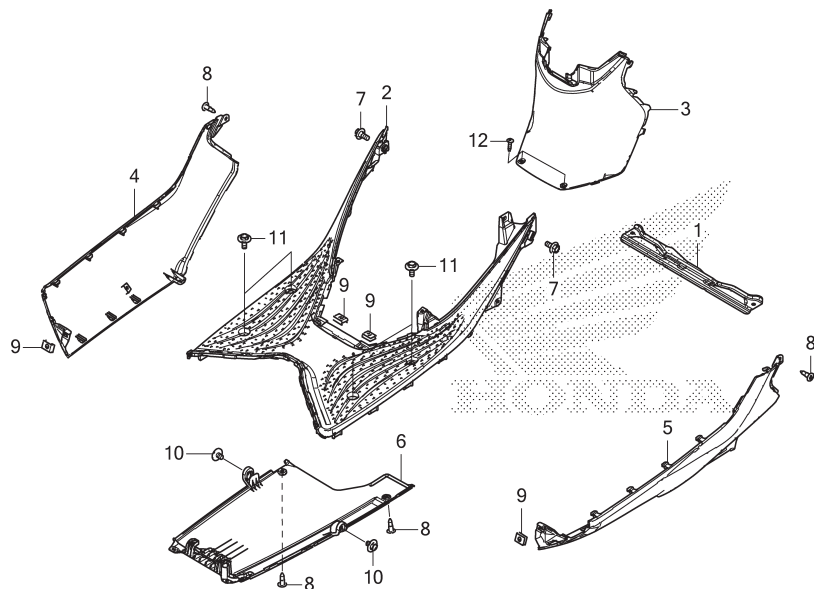
ỚP TRƯỚC

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
7	64307-KOR-V00	GARNISH B, FR. UPPER	1	1	1	1	ỚP TRANG TRÍ TRÊN TRƯỚC B	
8	64350-KOR-V00ZA	LID, SMART ENGINE					NÁP ĐỘNG CƠ THÔNG MINH	
	64350-KOR-V00ZB	*R368C*.....CANDY LUSTER RED *NHC27M*	1	1	1	1	*R368C* *NHC27M*	
	64350-KOR-V00ZC	DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		
	64350-KOR-V00ZD	*NHC26M*.CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1	*NHC26M*	
	64350-KOR-V00ZE	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1	*NHB35P*	
	64350-KOR-V00ZE	*NHB25M*					*NHB25M*	
9	64355-KOR-V00	POSEIDON BLACK METALLIC TRAY, MAIN SWITCH	1	1	1	1	KHAY CÔNG TẮC CHÍNH	
10	64455-KOR-V01	CABLE COMP., FUEL LID	1	1	1	1	CỤM DÂY NÁP NHIÊN LIỆU	
11	80160-KOR-V00ZA	LID, FUEL					NẮP NHIÊN LIỆU	
	80160-KOR-V00ZB	*NH1*.....BLACK	1	1	1	1	*NH1*	
12	80161-K12-V00	SEAL, FUEL LID	2	2	2	2	PHỐT NẮP NHIÊN LIỆU	
13	80165-KOR-V00	HINGE ASSY., FUEL LID	1	1	1	1	CỤM BÀN LỀ NẮP NHIÊN LIỆU	
14	80181-KOR-V00	PLATE, SLIDER	1	1	1	1	TÁM ĐỆM ĐỠ	
15	81131-KOR-V00ZA	COVER, INNER LOWER					ỚP TRONG PHÍA DƯỚI	
	81131-KOR-V00ZB	*NH1*.....BLACK	1	1	1	1	*NH1*	
16	81132-KTF-670	HOOK, LUGGAGE	1	1	1	1	MÓC ĐỰNG ĐỠ	
17	81134-KOR-V00ZA	COVER, INNER UPPER					ỚP TRONG PHÍA TRÊN	
	81134-KOR-V00ZB	*R368C*.....CANDY LUSTER RED *NHC27M*	1	1	1	1	*R368C* *NHC27M*	
	81134-KOR-V00ZC	DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		
	81134-KOR-V00ZD	*NHC26M*.CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1	*NHC26M*	
	81134-KOR-V00ZE	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1	*NHB35P*	
	81134-KOR-V00ZE	*NHB25M*					*NHB25M*	
	81134-KOR-V00ZE	POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		
18	81136-KTF-670	PIN, HOOK	1	1	1	1	CHỐT MÓC	
19	81137-KTF-670	SPRING, HOOK	1	1	1	1	LỖ XO MÓC	
20	81138-KTF-670	CIRCLIP	1	1	1	1	PHE CÀI	
21	90116-SP0-003	CLIP, BUMPER SEAL	9	9	9	9	KẸP PHỐT CẢN	
22	90302-KWW-A00	NUT, SPRING, 4MM	8	8	8	8	ĐAI ỐC LỖ XO 4MM	
23	90666-K59-A11	CLIP, SNAP FITTING(PO)	7	7	7	7	KẸP PHE CÀI (PO)	
24	93500-04012-0G	SCREW, PAN, 4X12	2	2	2	2	VÍT 4X12	
25	93903-34410	SCREW, TAPPING, 4X16	5	5	5	5	VÍT TỰ REN 4X16	
26	93903-34480	SCREW, TAPPING, 4X16	8	8	8	8	VÍT TỰ REN 4X16	
27	93903-35210	SCREW, TAPPING, 5X12	6	6	6	6	VÍT TỰ REN 5X12	



F-14

SÀN ĐÈ CHÂN



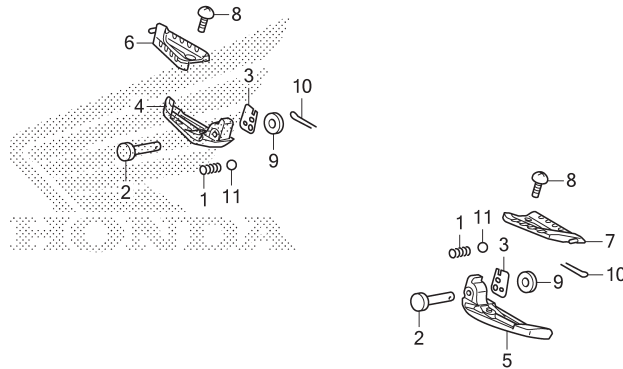
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	4131D2	SÀN ĐÈ CHÂN.....	1,6
3	4131Z7	ÓP GIỮA.....	0,1
4	4111A6	ÓP SÀN BÊN PHẢI.....	0,2
5	4111A5	ÓP SÀN BÊN TRÁI.....	0,2
	4111N5	ÓP SÀN BÊN TRÁI & PHẢI.....	0,3
6	4131B4	ÓP DƯỚI.....	0,6

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	50616-KOR-V00	STAY, FLOOR STEP	1	1	1	1		GIÁ GIỮ SÀN ĐÈ CHÂN
2	64311-KOR-V00ZA	STEP, FLOOR *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		SÀN ĐÈ CHÂN *NH1*
3	64312-KOR-V00ZA	COVER, CENTER *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP GIỮA *NH1*
4	64321-KOR-V00ZA	COVER, R. FLOOR SIDE *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP BÊN SÀN PHẢI *R368C*
	64321-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	64321-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	64321-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	64321-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
5	64322-KOR-V00ZA	COVER, L. FLOOR SIDE *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP BÊN SÀN TRÁI *R368C*
	64322-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	64322-KOR-V00ZC	*NHC26M*..CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	64322-KOR-V00ZD	*NHB35P*..PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	64322-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
6	64331-KOR-V00	COVER, UNDER	1	1	1	1		ÓP DƯỚI
7	90111-162-000	BOLT, FLANGE, 6MM	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6MM
8	90116-SPO-003	CLIP, BUMPER SEAL	4	4	4	4		KẸP PHỐT CÁN
9	90302-KWW-A00	NUT, SPRING, 4MM	4	4	4	4		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
10	93404-06010-00	BOLT-WASHER, 6X10	2	2	2	2		BU LÔNG CỐ ĐỆM 6X10
11	93404-06016-07	BOLT-WASHER, 6X16	4	4	4	4		BU LÔNG CỐ ĐỆM 6X16
12	93903-34480	SCREW, TAPPING, 4X16	2	2	2	2		VÍT TỰ REN 4X16

78

F-14-10

GÁC CHÂN SAU



KOR8F1410

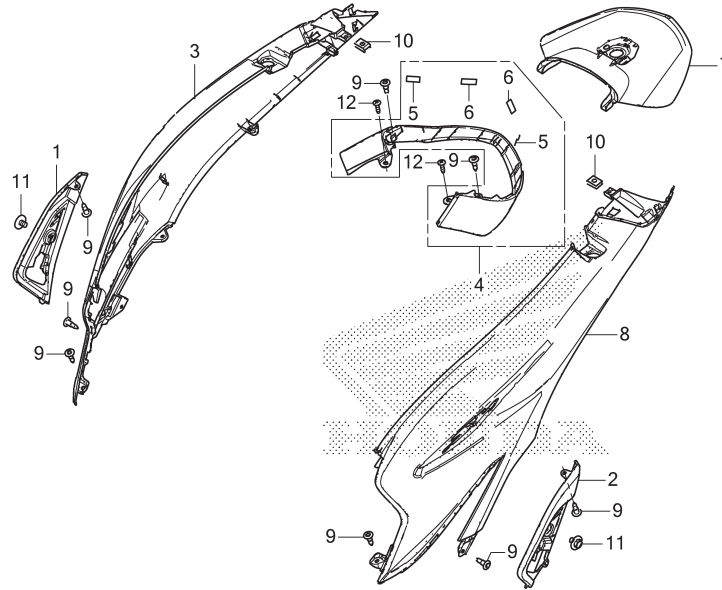
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
4	4101C8	THANH GÁC CHÂN SAU: BÊN PHẢI.....	0,2
5	4101C7	THANH GÁC CHÂN SAU: BÊN TRÁI.....	0,2
	4101P4	THANH GÁC CHÂN SAU: HAI BÊN.....	0,3
6	4131KQ	ÓP GÁC CHÂN SAU: BÊN PHẢI.....	0,1
7	4131KP	ÓP GÁC CHÂN SAU: BÊN TRÁI.....	0,1
	4131KR	ÓP GÁC CHÂN SAU: HAI BÊN.....	0,1

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	28333-300-000	SPRING, KICK STARTER STOPPER	2	2	2	2		LÒ XO HẮM CẢN KHỞI ĐỘNG
2	50714-K29-900	PIN, PILLION STEP	2	2	2	2		CHÓT GÁC CHÂN SAU
3	50718-K29-900	PLATE, PILLION STEP CLICK ...	2	2	2	2		TẤM CHÂN KẸP GÁC CHÂN SAU
4	50730-K01-900	ARM, R. PILLION STEP	1	1	1	1		CẢN GÁC CHÂN SAU BÊN PHẢI
5	50740-K01-900	ARM, L. PILLION STEP	1	1	1	1		CẢN GÁC CHÂN SAU BÊN TRÁI
6	83430-K01-900ZA	COVER, R. PILLION STEP ARM *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP CẢN GÁC CHÂN SAU BÊN PHẢI *NH1*
7	83440-K01-900ZA	COVER, L. PILLION STEP ARM *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP CẢN GÁC CHÂN SAU BÊN TRÁI *NH1*
8	90109-K01-900	SCREW, TRUSS, 5X6	2	2	2	2		VÍT KHUNG 5X6
9	94101-06000	WASHER, PLAIN, 6MM	2	2	2	2		VÒNG ĐỆM PHẪNG 6MM
10	94201-16120	PIN, SPLIT, 1.6X12	2	2	2	2		CHÓT CHÉ 1,6X12
11	96211-08000	BALL, STEEL, #8(1/4)	2	2	2	2		BI THÉP #8 (1/4)

3

F-15

ÓP THÂN



KOR8F1500

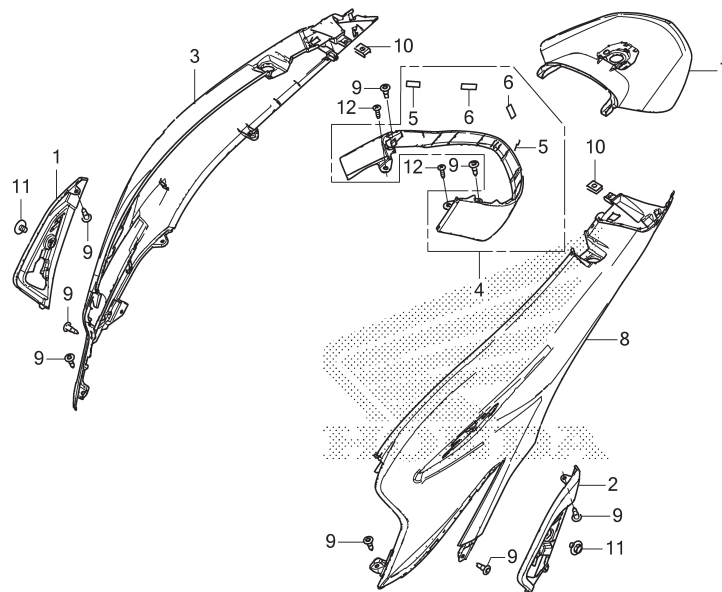
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	4101D6	ÓP GIÁ GIỮ GÁC CHÂN SAU : BÊN PHẢI.....	0,1
2	4101D5	ÓP GIÁ GIỮ GÁC CHÂN SAU : BÊN TRÁI.....	0,1
	4101M6	ÓP GIÁ GIỮ GÁC CHÂN SAU : HAI BÊN.....	0,1
3	4131J0	ÓP THÂN BÊN PHẢI.....	0,9
4	6161G8	ÓP ĐÈN HẬU.....	0,3
7	4131J8	ÓP GIỮA PHÍA SAU.....	0,3
8	4131H9	ÓP THÂN BÊN TRÁI.....	0,9
	4131J1	ÓP THÂN: HAI BÊN.....	0,9

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	83410-KOR-V00ZA	COVER, R. PILLION STEP *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP THANH GÁC CHÂN SAU BÊN PHẢI *NH1*
2	83420-KOR-V00ZA	COVER, L. PILLION STEP *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP THANH GÁC CHÂN SAU BÊN TRÁI *NH1*
3	83500-KOR-V00ZA	COVER SET, R. BODY(WL) *TYPE5*.....	1	1	-	-		BỘ ÓP THÂN BÊN PHẢI (CÓ TEM) *LOẠI 5*
	83500-KOR-V00ZB	*TYPE4*.....	1	1	-	-		*LOẠI 4*
	83500-KOR-V00ZC	*TYPE3*.....	1	1	-	-		*LOẠI 3*
	83500-KOR-V00ZD	*TYPE2*.....	1	1	-	-		*LOẠI 2*
	83500-KOR-V00ZE	*TYPE1*.....	1	1	-	-		*LOẠI 1*
	83500-KOS-V00ZA	*TYPE5*.....	-	-	1	1		*LOẠI 5*
	83500-KOS-V00ZB	*TYPE4*.....	-	-	1	1		*LOẠI 4*
	83500-KOS-V00ZC	*TYPE3*.....	-	-	1	1		*LOẠI 3*
	83500-KOS-V00ZD	*TYPE2*.....	-	-	1	1		*LOẠI 2*
	83500-KOS-V00ZE	*TYPE1*.....	-	-	1	1		*LOẠI 1*
4	83520-KOR-V00	GARNISH, RR. COMBINATION	1	1	1	1		ÓP TRANG TRÍ SAU
5	83522-KOR-V00	FASTENER, DUAL LOCK 10X25.4	2	2	2	2		CHÓT KHÓA ĐÔI 10X25,4
6	83523-KOR-V00	FASTENER, DUAL LOCK 10X30	2	2	2	2		CHÓT KHÓA ĐÔI 10x30
7	83530-KOR-V00ZA	COVER, RR. CENTER *R368C*.....CANDY LUSTER RED	1	1	1	1		ÓP GIỮA SAU *R368C*
	83530-KOR-V00ZB	*NHC27M* DECENT SILVER METALLIC	1	1	1	1		*NHC27M*
	83530-KOR-V00ZC	*NHC26M*.....CHRONO GRAY METALLIC	1	1	1	1		*NHC26M*
	83530-KOR-V00ZD	*NHB35P*.....PEARL JASMINE WHITE	1	1	1	1		*NHB35P*
	83530-KOR-V00ZE	*NHB25M* POSEIDON BLACK METALLIC	1	1	1	1		*NHB25M*
8	83600-KOR-V00ZA	COVER SET, L. BODY(WL) *TYPE5*.....	1	1	-	-		BỘ ÓP THÂN BÊN TRÁI (CÓ TEM) *LOẠI 5*

80

F-15

ÓP THÂN



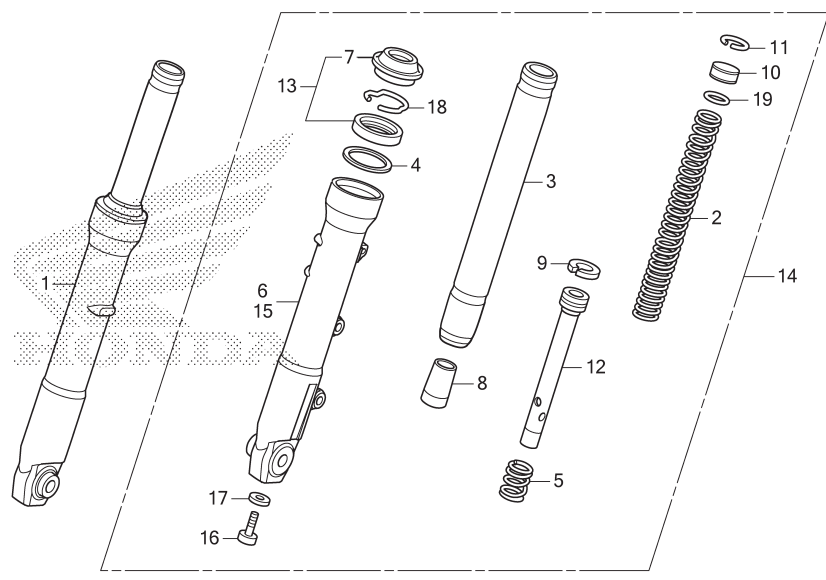
KOR8F1500

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
(8)	83600-KOR-V00ZB	COVER SET, L. BODY(WL)						BỘ ÓP THÂN BÊN TRÁI (CÓ TEM)
		TYPE4	1	1	-	-		*LOẠI 4*
	83600-KOR-V00ZC	*TYPE3*	1	1	-	-		*LOẠI 3*
	83600-KOR-V00ZD	*TYPE2*	1	1	-	-		*LOẠI 2*
	83600-KOR-V00ZE	*TYPE1*	1	1	-	-		*LOẠI 1*
	83600-KOS-V00ZA	*TYPE5*	-	-	1	1		*LOẠI 5*
	83600-KOS-V00ZB	*TYPE4*	-	-	1	1		*LOẠI 4*
	83600-KOS-V00ZC	*TYPE3*	-	-	1	1		*LOẠI 3*
	83600-KOS-V00ZD	*TYPE2*	-	-	1	1		*LOẠI 2*
	83600-KOS-V00ZE	*TYPE1*	-	-	1	1		*LOẠI 1*
9	90116-SPO-003	CLIP, BUMPER SEAL	8	8	8	8		KEP PHÓT CẢN
10	90302-KWW-A00	NUT, SPRING, 4MM	2	2	2	2		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
11	93404-06010-07	BOLT-WASHER, 6X10	2	2	2	2		BU LÔNG CỎ ĐỆM 6X10
12	93903-34410	SCREW, TAPPING, 4X16	2	2	2	2		VÍT TỰ REN 4X16



F-17

GIẢM XÓC TRƯỚC



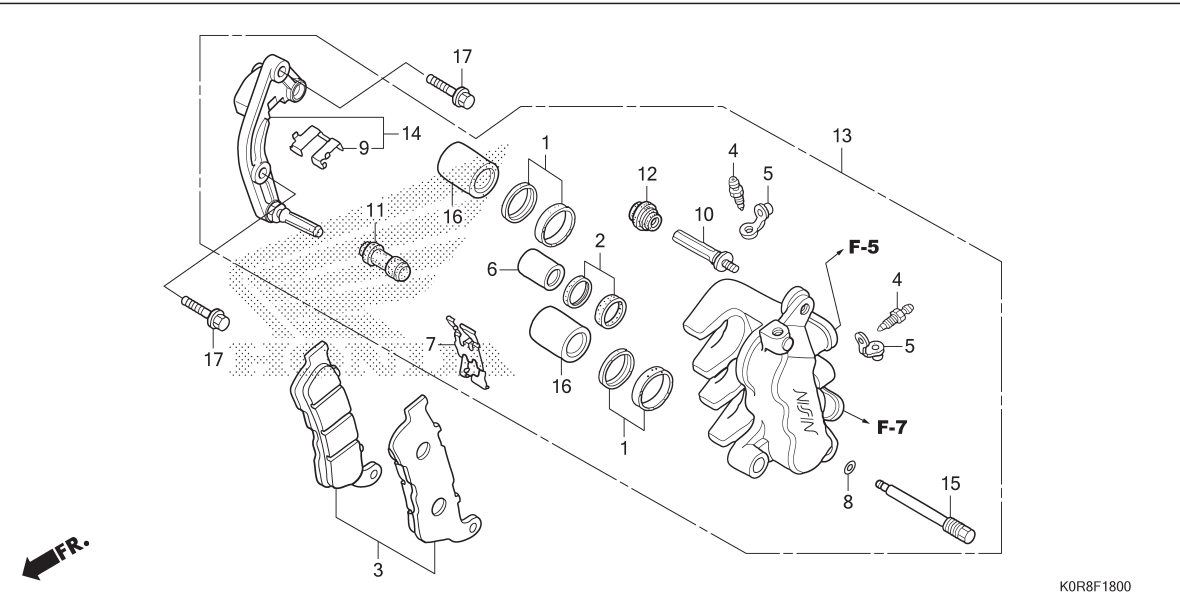
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	5111C3	CỤM GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN PHẢI	0,4
2	5111C5	LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI	0,6
	5111C6	LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN PHẢI	0,6
	5111C7	LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN	0,9
3		(5,8,9,12)	
	5111G2	ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI	0,8
	5111G3	ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN PHẢI	0,8
	5111G4	ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN	1,3
6	5111D2	ỐNG VỎ GIẢM XÓC: BÊN PHẢI	0,9
13	5111E7	BỘ PHỐT GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN TRÁI	0,9
	5111E8	BỘ PHỐT GIẢM XÓC TRƯỚC: BÊN PHẢI	0,9
	5111E9	BỘ PHỐT GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN	1,5
14	5111C2	CỤM GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI	0,4
	5111C4	CỤM GIẢM XÓC TRƯỚC: HAI BÊN	0,5
15	5111D1	ỐNG VỎ GIẢM XÓC: BÊN TRÁI	0,9
	5111D3	ỐNG VỎ GIẢM XÓC: HAI BÊN	1,5



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	51400-KOR-V01	FORK ASSY., R. FR.	1	1	1	1	CỤM GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN PHẢI	
2	51401-KOR-V01	SPRING, FR. FORK	2	2	2	2	LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC	
3	51410-KOR-V01	PIPE COMP., FR. FORK	2	2	2	2	CỤM ỐNG GIẢM XÓC TRƯỚC	
4	51412-GC4-731	RING, BACK UP	2	2	2	2	VÒNG CHÈN	
5	51412-KFG-003	SPRING, REBOUND	2	2	2	2	LÒ XO HÒI VỊ	
6	51420-KOR-V01	CASE COMP., R. FR. BOTTOM ...	1	1	1	1	CỤM ỐNG VỎ GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN PHẢI	
7	51425-KL8-901	SEAL, DUST	2	2	2	2	PHỐT CHẶN BỤI	
8	51432-KOR-V01	PIECE, OIL LOCK	2	2	2	2	NẮP KHÓA DẦU	
9	51437-KFG-003	RING, PISTON	2	2	2	2	XÉC MĂNG	
10	51454-KOR-V01	SEAT, SPRING UPPER	2	2	2	2	ĐÉ TRÊN LÒ XO	
11	51456-KFG-003	RING, STOPPER, 29.8X1.2	2	2	2	2	VÒNG HẮM 29,8X1,2	
12	51470-KTF-B21	PIPE, SEAT	2	2	2	2	TY CON GIẢM XÓC	
13	51490-KL8-900	SEAL SET, FR. FORK	2	2	2	2	BỘ PHỐT GIẢM XÓC TRƯỚC	
14	51500-KOR-V01	FORK ASSY., L. FR.	1	1	1	1	CỤM GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI	
15	51520-KOR-V01	CASE COMP., L. FR. BOTTOM ...	1	1	1	1	CỤM ỐNG VỎ GIẢM XÓC TRƯỚC BÊN TRÁI	
16	90116-383-721	BOLT, SOCKET, 8X27 (SHOWA) ...	2	2	2	2	BU LÔNG GIÁC CHÌM 8X27 (SHOWA)	
17	90544-283-000	WASHER, SPECIAL, 8MM (SHOWA) .	2	2	2	2	VÒNG ĐỆM ĐẶC BIỆT 8MM (SHOWA)	
18	90601-369-000	RING, OIL SEAL STOP	2	2	2	2	VÒNG HẮM PHỐT DẦU	
19	91356-KOR-V01	O RING, 21.7X3.5	2	2	2	2	PHỐT O 21,7X3,5	

F-18

NGÀM PHANH TRƯỚC (SH125D/SH150D)



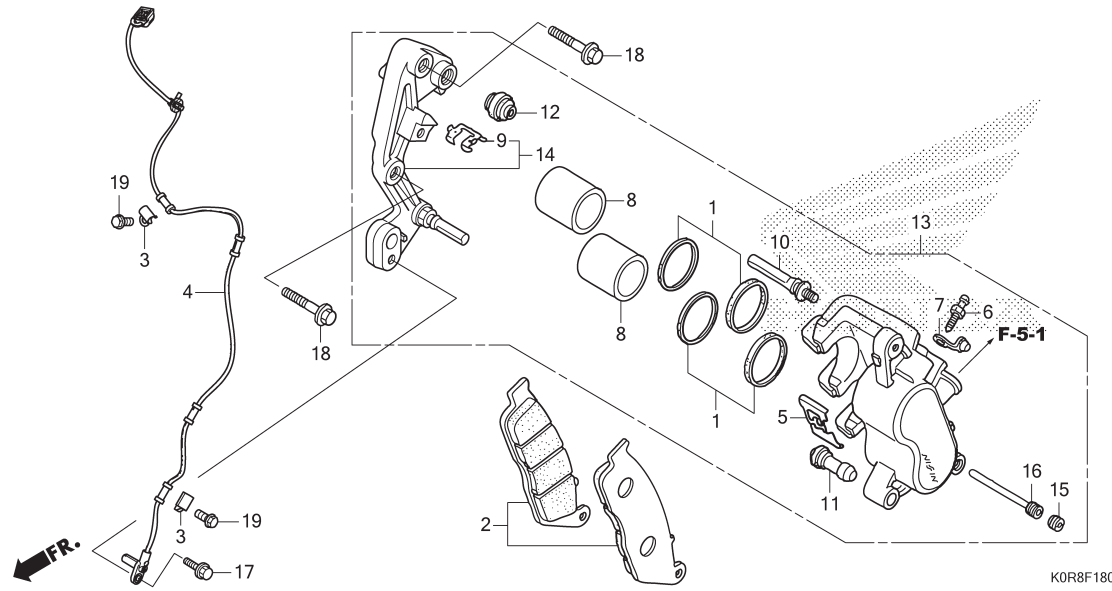
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
3	711115	BỘ GUỐC (MÁ) PHANH TRƯỚC.....	0,1
6	7111D1	PISTON NGÀM PHANH TRƯỚCBAO GỒM: Xả khí phanh .LƯU Ý: Cùng thời gian với 2 chi tiết hoặc hơn	1,2
13	711130	NGÀM PHANH TRƯỚC.....	1,0
14	7111G0	GIÁ NGÀM PHANH TRƯỚC	0,2

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
1	06451-GE2-405	SEAL SET, PISTON	2	-	2	-	BỘ XÉC MĂNG	
2	06451-MZ2-405	SEAL SET, PISTON	1	-	1	-	BỘ XÉC MĂNG	
3	06455-KOR-V01	PAD SET, FR.	1	-	1	-	BỘ MÁ PHANH TRƯỚC	
4	43352-568-003	SCREW, BLEEDER(NISSIN)	2	-	2	-	VÍT XẢ KHÍ (NISSIN)	
5	43353-461-771	CAP, BLEEDER	2	-	2	-	NÁP XẢ KHÍ	
6	45107-MAJ-G41	PISTON A, 22X27	1	-	1	-	PISTON A 22X27	
7	45108-MBT-D52	SPRING, PAD	1	-	1	-	LÒ XO MÁ PHANH	
8	45111-MAJ-G41	RING, STOPPER	1	-	1	-	VÒNG Hãm	
9	45112-MZ2-006	RETAINER, BRACKET	1	-	1	-	KẸP GIÁ GIỮ	
10	45131-ML7-921	BOLT A, PIN	1	-	1	-	BU LÔNG CHÓT A	
11	45132-166-016	BOOT, PIN BUSH(NISSIN)	1	-	1	-	CAO SU ĐẦY CHÓT (NISSIN)	
12	45133-MA3-006	BOOT B	1	-	1	-	ĐÉ B	
13	45150-KTW-901	CALIPER SUB ASSY., L. FR. (NISSIN)	1	-	1	-	CỤM NGÀM PHANH TRƯỚC BÊN TRÁI (NISSIN)	
14	45190-KSV-J01	BRACKET SUB ASSY., L. FR.	1	-	1	-	CỤM GIÁ PHỤ TRƯỚC BÊN TRÁI	
15	45215-MBT-D51	PIN, HANGER	1	-	1	-	CHÓT TREO	
16	45217-MAJ-G41	PISTON B, 25X35	2	-	2	-	PISTON B 25X35	
17	90131-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 8X32	2	-	2	-	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X32	



F-18-1

NGÀM PHANH TRƯỚC (SH125AD/SH150AD)



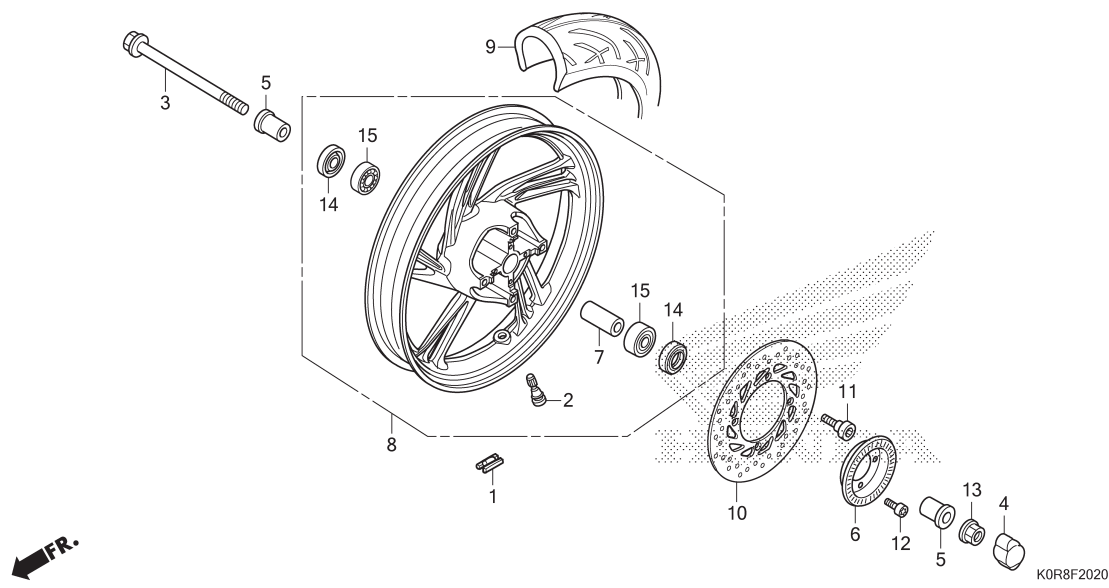
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	711115	BỘ GUỐC (MÁ) PHANH TRƯỚC.....	0,1
4	617196	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH XE: PHÍA TRƯỚC.....	0,7
8		(1)	
	7111Q2	PISTON NGÀM PHANH TRƯỚC (A)	0,8
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
		.LƯU Ý: Cùng thời gian với 2 chi tiết	
13	7111Q3	NGÀM PHANH TRƯỚC (A).....	0,7
		.BAO GỒM: Xả khí phanh	
14	7111G0	GIÁ NGÀM PHANH TRƯỚC	0,2



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
1	06451-GE2-405	SEAL SET, PISTON	-	2	-	2		BỘ XÉC MĂNG
2	06455-K31-901	PAD SET	-	1	-	1		BỘ MÁ PHANH
3	38515-K77-V10	GUIDE, SENSOR CORD	-	2	-	2		DẪN HƯỚNG DÂY CẢM BIẾN
4	38520-K0R-V11	SENSOR, FR. WHEEL SPEED	-	1	-	1		CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH TRƯỚC
5	43108-MCT-006	SPRING, PAD	-	1	-	1		LÒ XO MÁ PHANH
6	43352-568-003	SCREW, BLEEDER(NISSIN)	-	1	-	1		VÍT XẢ KHÍ (NISSIN)
7	43353-461-771	CAP, BLEEDER	-	1	-	1		NÁP XẢ KHÍ
8	45107-K01-D11	PISTON	-	2	-	2		PISTON
9	45112-ML7-921	RETAINER	-	1	-	1		KẸP GIỮ
10	45131-ML7-921	BOLT A, PIN	-	1	-	1		BU LÔNG CHÓT A
11	45132-166-016	BOOT, PIN BUSH(NISSIN)	-	1	-	1		CAO SU ĐẪY CHÓT (NISSIN)
12	45133-MA3-006	BOOT B	-	1	-	1		ĐÉ B
13	45150-K77-V11	CALIPER SUB ASSY., L. FR. (NISSIN)	-	1	-	1		CỤM NGÀM PHANH TRƯỚC BÊN TRÁI (NISSIN)
14	45190-K77-V11	BRACKET SUB ASSY., L. FR.	-	1	-	1		CỤM GIÁ PHANH TRƯỚC BÊN TRÁI
15	45203-MG3-016	PLUG, PIN	-	1	-	1		NÚT CHÓT
16	45215-ML7-922	PIN, HANGER	-	1	-	1		CHÓT TREO
17	90105-K77-V10	BOLT, FLANGE, 6X18	-	1	-	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X18
18	90131-K0R-V00	BOLT, FLANGE, 8X32	-	2	-	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 8X32
19	96001-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	-	2	-	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12

F-20-20

BÁNH TRƯỚC



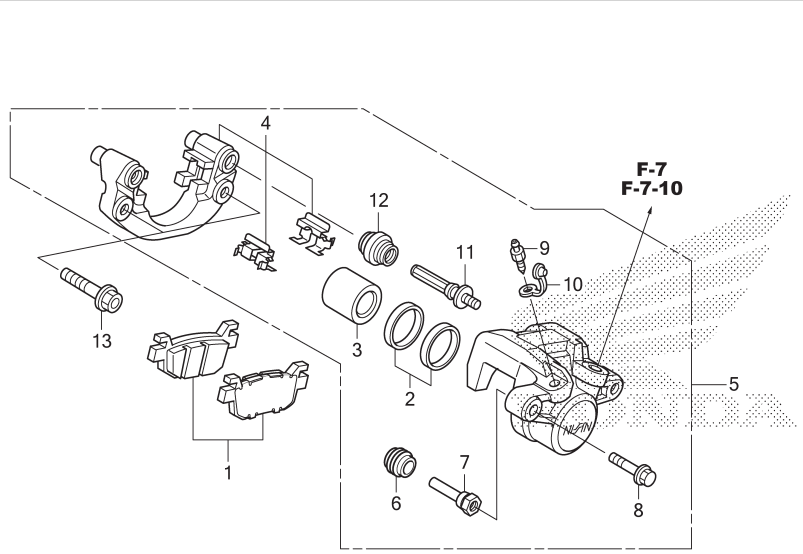
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	7101A6	ĐÓI TRỌNG: TRƯỚC.....	0,5
3		(14)	
	710151	TRỤC BÁNH TRƯỚC.....	0,2
6	7101B0	VÒNG PHÁT XUNG: PHÍA TRƯỚC.....	0,3
8	7101D4	BÁNH TRƯỚC.....	0,9
		.BAO GỒM: Cân bằng	
9	710139	LỚP TRƯỚC (MỘT CHIẾC).....	0,8
		.BAO GỒM: Cân bằng	
10	711120	ĐĨA PHANH TRƯỚC.....	0,3
15	710115	VÒNG BI BÁNH TRƯỚC (MỘT CHIẾC).....	0,4
	710115G	.Thay thế bổ sung 1 vòng bi.....	0,1

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	42704-MER-D00	WEIGHT, BALANCE (10G)	N	N	N	N	ĐÓI TRỌNG (10G)	
	42705-MER-D00	WEIGHT, BALANCE (20G)	N	N	N	N	ĐÓI TRỌNG (20G)	
	42706-MER-D00	WEIGHT, BALANCE (30G)	N	N	N	N	ĐÓI TRỌNG (30G)	
2	42753-GM9-743	VALVE, RIM(IRC)	1	1	1	1	VÁN VÀNH (IRC)	
3	44301-K01-900	AXLE, FR. WHEEL	1	1	1	1	TRỤC BÁNH TRƯỚC	
4	44302-KTT-950	CAP, AXLE NUT	1	1	1	1	NÁP CHỤP ỐC TRỤC	
5	44311-K01-900	COLLAR, FR. WHEEL SIDE	2	2	2	2	BẠC CẠNH BÁNH TRƯỚC	
6	44515-KRJ-760	RING, FR. PULSER	-	1	-	1	VÒNG PHÁT XUNG PHÍA TRƯỚC	
7	44620-K26-900	COLLAR, FR. AXLE DISTANCE ...	1	1	1	1	BẠC CÁCH TRỤC TRƯỚC	
	44620-KTF-670	1	1	1	1		
8	44650-KOR-V00ZA	WHEEL SUB ASSY., FR.					CỤM BÁNH TRƯỚC	
		NH146M					*NH146M*	
		ACCURATE SILVER METALLIC	1	-	1	-		
	44650-KOR-V10ZB	*NH146M*					*NH146M*	
		ACCURATE SILVER METALLIC	-	1	-	1		
9	44711-KOR-V01	TIRE, FR.(IRC)					LỚP TRƯỚC (IRC)	
		(100/80-16M/C 50P)	1	1	1	1	(100/80-16M/C 50P)	
10	45351-KOR-V11	DISK, FR. BRAKE	1	1	1	1	ĐĨA PHANH TRƯỚC	
11	90105-KGH-900	BOLT, BRAKE DISK, 8X24	4	4	4	4	BU LÔNG ĐĨA PHANH 8X24	
12	90131-K64-N10	BOLT, TORX, 5X10	-	4	-	4	BU LÔNG TORX 5X10	
13	90306-KGH-901	NUT, U, 12MM(FUJI SEIMITSU) ..	1	1	1	1	ĐAI ỐC U, 12MM (FUJI SEIMITSU)	
14	90754-GC8-003	DUST SEAL, 20X32X5 (ARAI)	2	2	2	2	PHỐT CHẶN BỤI 20X32X5 (ARAI)	
	90754-GC8-005	DUST SEAL, 20X32X5 (NOK)	2	2	2	2	PHỐT CHẶN BỤI 20X32X5 (NOK)	
15	91052-K44-V81	BEARING, RADIAL BALL, 6201U (TPI)	2	2	2	2	VÒNG BI 6201U (TPI)	



F-21

NGÀM PHANH SAU



K0R8F2100

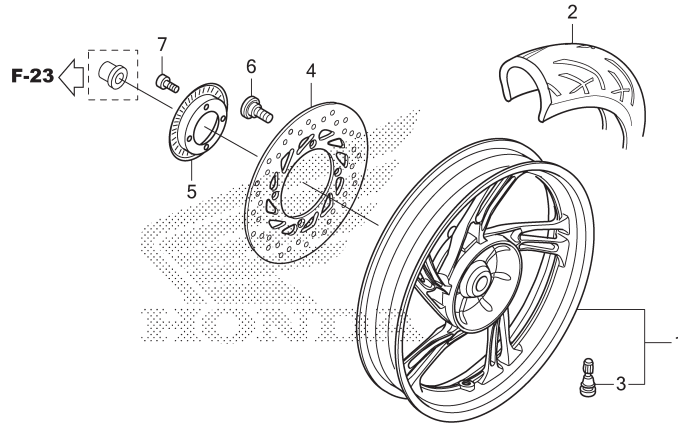
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	711140	CỤM GUỐC (MÁ) PHANH SAU.....	0,1
3	7111D5	PISTON NGÀM PHANH SAUBAO GỒM: Xả khí phanh	0,8
	7111D5F	.Bổ sung CBS.....	0,1
4	7111C1	GIÁ NGÀM PHANH SAU	0,2
5	711155	NGÀM PHANH SAU..... .BAO GỒM: Xả khí phanh	0,7
	711155F	.Bổ sung CBS.....	0,1



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	06435-K0R-V01	PAD SET, RR. BRAKE	1	1	1	1	BỘ MÁ PHANH SAU	
2	06451-443-405 06451-MA7-405	SEAL SET, PISTON	1	-	1	-	BỘ XÉC MĂNG	
3	43107-KT7-761 43107-K40-F11	PISTON	1	-	1	-	PISTON	
4	43110-KSV-J01	BRACKET COMP., RR.	1	1	1	1	CỤM GIÁ ĐỠ PHÍA SAU	
5	43150-KTW-901 43150-K40-F11	CALIPER SUB ASSY., RR.(NISSIN)	1	-	1	-	CỤM NGÀM SAU (NISSIN)	
6	43234-S04-003	COVER, DUST	1	1	1	1	ÓP CHÂN BỤI	
7	43235-HP1-006	PIN B	1	1	1	1	CHÓT B	
8	43240-KSV-J01	BOLT, FLANGE, 8X26	1	1	1	1	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X26	
9	43352-568-003	SCREW, BLEEDER(NISSIN)	1	1	1	1	VÍT XẢ KHÍ (NISSIN)	
10	43353-461-771	CAP, BLEEDER	1	1	1	1	NẮP XẢ KHÍ	
11	45131-ML7-921	BOLT A, PIN	1	1	1	1	BU LÔNG CHÓT A	
12	45133-MA3-006	BOOT B	1	1	1	1	ĐẾ B	
13	90132-K0R-V00	BOLT, FLANGE, 8X45	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X45	

F-22-10

BÁNH SAU



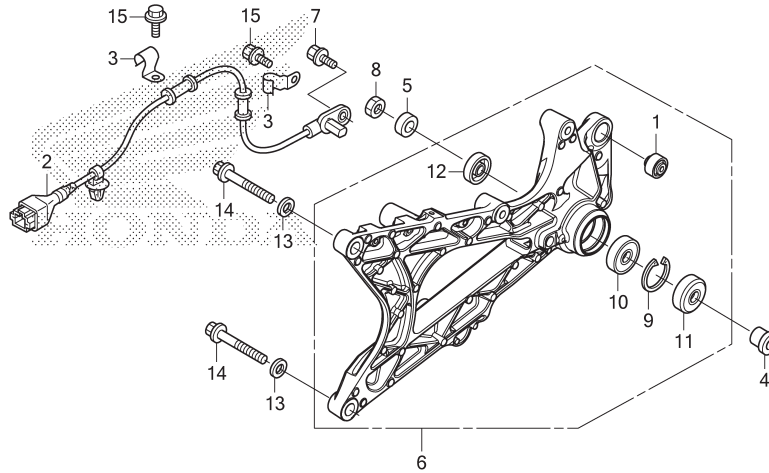
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	710118	BÁNH SAU	0,8
2	710142	LỚP SAU (MỘT CHIÉC)	0,7
4	711145	ĐĨA PHANH SAU	0,5
5	7101B1	VÒNG PHÁT XUNG: PHÍA SAU	0,5

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	42650-KOR-V00ZA	WHEEL SUB ASSY., RR. *NH146M*						CỤM BÁNH SAU *NH146M*
		ACCURATE SILVER METALLIC	1	-	1	-		
	42650-KOR-V10ZB	*NH146M*						*NH146M*
		ACCURATE SILVER METALLIC	-	1	-	1		
2	42711-KPR-903	TIRE, RR.(IRC) (120/80-16M/C 60P)	1	1	1	1		LỚP SAU (IRC) (120/80-16M/C 60P)
3	42753-GM9-743	VALVE, RIM(IRC)	1	1	1	1		VÁN VÀNH (IRC)
4	43251-KOR-V11	DISK, RR. BRAKE	1	1	1	1		ĐĨA PHANH SAU
5	44515-KRJ-760	RING, FR. PULSER						VÒNG PHÁT XUNG PHÍA TRƯỚC (PHÍA SAU)
		(RR.)	-	1	-	1		
6	90105-KGH-900	BOLT, BRAKE DISK, 8X24	4	4	4	4		BU LÔNG ĐĨA PHANH 8X24
7	90131-K64-N10	BOLT, TORX, 5X10	-	4	-	4		BU LÔNG TORX 5X10



F-23

CÀNG SAU



FR.

K0R8F2300

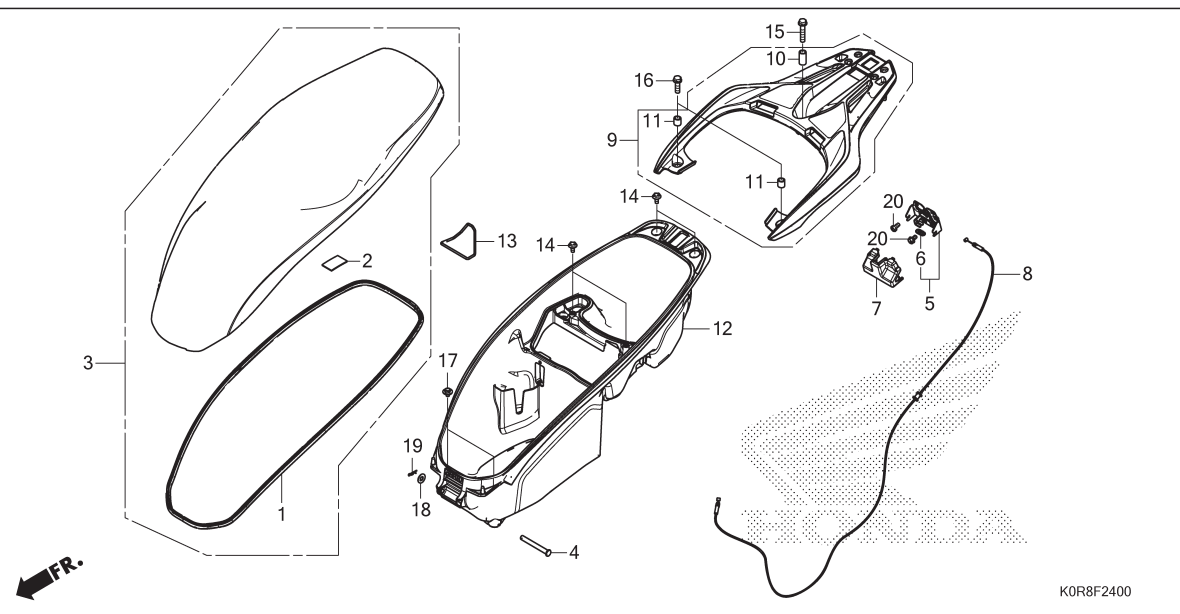
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	617197	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH XE: PHÍA SAU.....	0,3
6		(11,12)	
	5121B0	CỤM CÀNG SAU	0,4
10	710133	VÒNG BI BÁNH SAU (MỘT CHIẾC)	0,6



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
1	11203-K35-J00 11203-KVB-901	BUSH, RR. CUSHION UNDER RUBBER BUSH, RR. CUSHION UNDER RUBBER (HOKUSHIN)	1	1	1	1		BẠC CAO SU DƯỚI GIẢM CHẤN PHÍA SAU BẠC CAO SU DƯỚI GIẢM CHẤN PHÍA SAU (HOKUSHIN)
2	38510-K0R-V11	SENSOR, RR. WHEEL SPEED	-	1	-	1		CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH SAU
3	38515-K77-V10	GUIDE, SENSOR CORD	-	2	-	2		DẪN HƯỚNG DÂY CẢM BIẾN
4	42311-K77-V00	COLLAR, RR. WHEEL SIDE	1	1	1	1		BẠC CẠNH BÁNH SAU
5	42312-KVG-900	COLLAR B, RR. WHEEL SIDE	1	1	1	1		BẠC B CẠNH BÁNH SAU
6	52100-K0R-V00 52100-K0R-V10	SWINGARM ASSY., RR.	1	-	1	-		CỤM CÀNG SAU
7	90105-K77-V10	BOLT, FLANGE, 6X18	-	1	-	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X18
8	90305-KVB-901	NUT, U, 16MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC U 16MM
9	90651-KZR-601 94520-40000	CIRCLIP, INTERNAL, 40MM	1	1	1	1		PHE CẢI TRONG 40MM
10	91051-K0R-V01	BEARING, BALL RADIAL, 6203UU (TPI)	1	1	1	1		VÒNG BI 6203UU (TPI)
	91051-K35-V01	BEARING, RADIAL BALL, 6203UU (NSK)	1	1	1	1		VÒNG BI 6203UU (NSK)
	91051-K35-V02	BEARING, RADIAL BALL, 6203UU (NTN)	1	1	1	1		VÒNG BI 6203UU (NTN)
11	91252-KZR-601	DUST SEAL, 25X40X5	1	1	1	1		PHỚT CHẤN BỤI 25X40X5
12	91253-KZR-601	DUST SEAL, 25X35X6	1	1	1	1		PHỚT CHẤN BỤI 25X35X6
13	94101-10000	WASHER, PLAIN, 10MM	2	2	2	2		VÒNG ĐỆM PHẪNG 10MM
14	95701-10040-00	BOLT, FLANGE, 10X40	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X40
15	96001-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	-	2	-	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12

F-24

YÊN XE/HỘP ĐỰNG ĐỒ



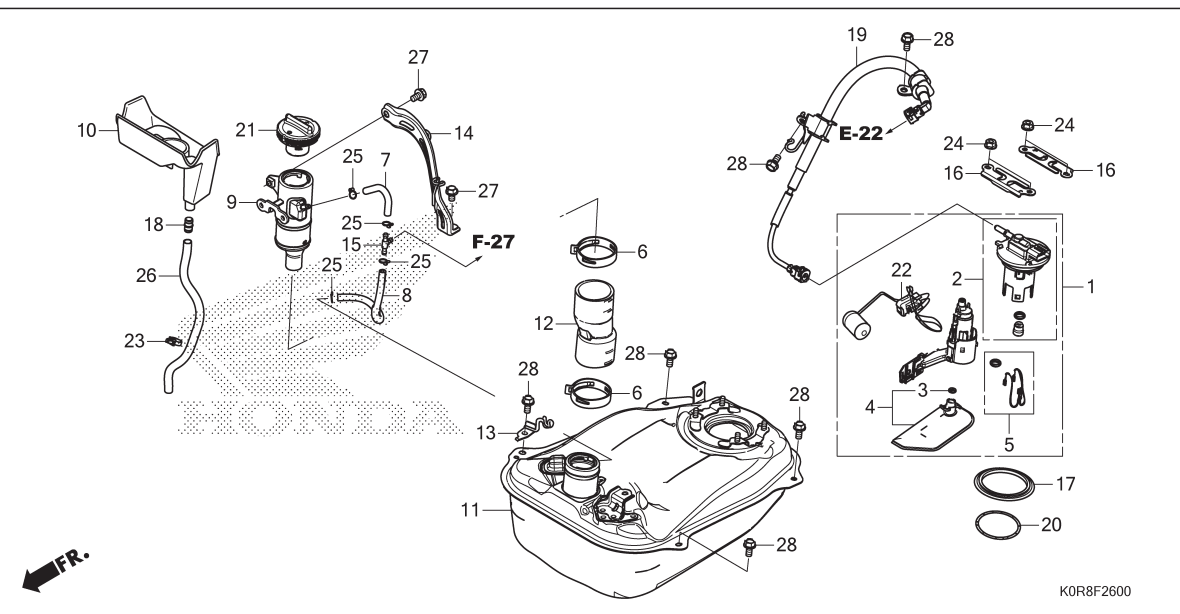
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
3	4131E4	YÊN ĐÔI.....	0,2
5	4131E8	NGÂM YÊN: PHÍA ĐUÔI XE	0,2
8	811175	DÂY KHÓA YÊN.....	1,7
9	410165	GIÁ ĐÉ ĐỒ.....	0,2
12	412102	HỘP ĐỰNG ĐỒ	0,3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	77115-KOR-V00	RUBBER, SEAL	1	1	1	1	PHÓT CAO SU	
2	77116-KOR-V00	CUSHION, HELMET	1	1	1	1	ĐỆM MŨ BẢO HIỂM	
3	77200-KOR-V00ZB	SEAT COMP., DOUBLE *TYPE1*.....	1	1	1	1	CỤM YÊN ĐÔI *LOẠI 1*	
4	77215-KZL-930	PIN, SEAT HINGE	1	1	1	1	CHÓT BẮN LÊ YÊN	
5	77230-K35-V00	CATCH COMP., SEAT	1	1	1	1	CỤM NGÂM YÊN	
6	77234-K35-V00	SPRING, SEAT LOCK	1	1	1	1	LÒ XO KHÓA YÊN	
7	77237-K35-V00	COVER, SEAT CATCH	1	1	1	1	ÓP NGÂM YÊN	
8	77240-KOR-V01	CABLE COMP., SEAT LOCK	1	1	1	1	CỤM DÂY KHÓA YÊN	
9	81200-KOR-V00ZA	CARRIER, LUGGAGE *NHB18M*	1	1	1	1	GIÁ ĐÉ ĐỒ *NHB18M*	
10	81202-KRJ-900	MAT TECHNO SILVER METALLIC COLLAR, CARRIER	1	1	1	1	BẠC GIÁ ĐÉ ĐỒ	
11	81203-KGF-900	COLLAR B, CARRIER	2	2	2	2	BẠC B GIÁ ĐÉ ĐỒ	
12	81250-KOR-V00	BOX, LUGGAGE	1	1	1	1	HỘP ĐỰNG ĐỒ	
13	89012-KZL-930	BAND, TOOL	1	1	1	1	ĐAI KẸP DỤNG CỤ	
14	90111-187-000	BOLT, FLANGE, 6MM	4	4	4	4	BU LÔNG MẶT BÍCH 6MM	
15	90122-MM2-000	BOLT, SPECIAL FLANGE, 8X40 ..	1	1	1	1	BU LÔNG MẶT BÍCH ĐẶC BIỆT 8X40	
16	90183-438-000	BOLT, SPECIAL FLANGE, 8X26 ..	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH ĐẶC BIỆT 8X26	
17	93404-06010-07	BOLT-WASHER, 6X10	2	2	2	2	BU LÔNG CỎ ĐỆM 6X10	
18	94101-08000	WASHER, PLAIN, 8MM	1	1	1	1	VÒNG ĐỆM PHẪNG 8MM	
19	94251-08000	PIN, LOCK, 8MM	1	1	1	1	CHÓT KHÓA 8MM	
20	95701-06010-00	BOLT, FLANGE, 6X10	2	2	2	2	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X10	



F-26

BÌNH XĂNG



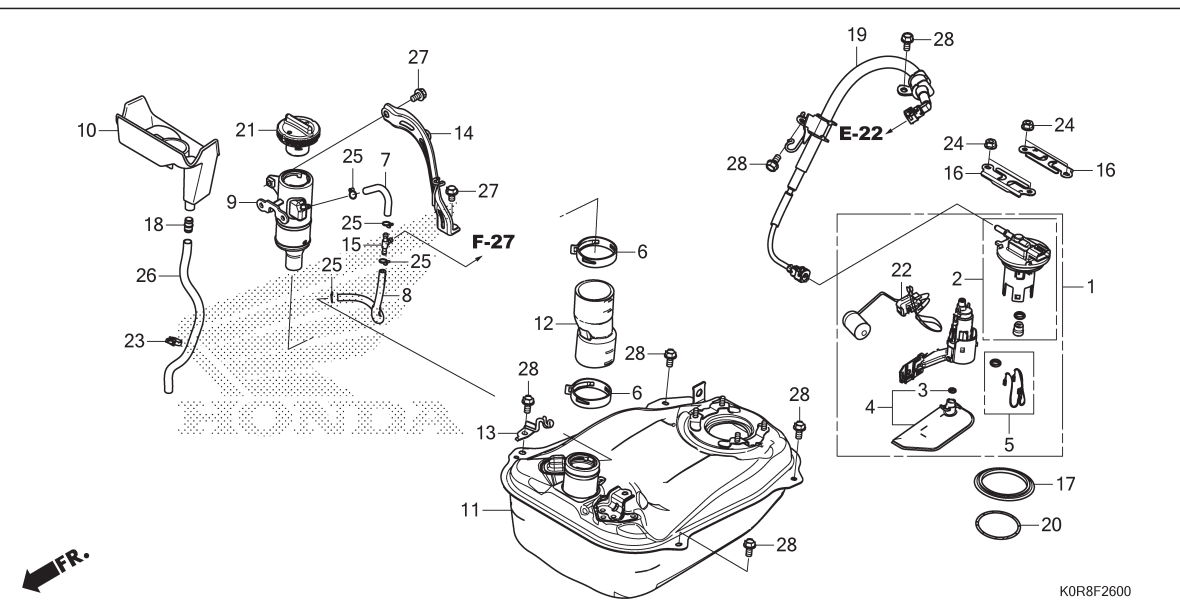
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(17,20)	
1	310120	CỤM BƠM XĂNG.....	1,9
4		(3)	
4	3101C7	LỌC XĂNG.....	2,0
9		(12)	
9	3101G6	MIỆNG ĐỖ XĂNG.....	1,0
10	3101A7	KHAY BÌNH XĂNG.....	0,8
11	310100	BÌNH XĂNG.....	2,2
19	310162	ỐNG NẠP XĂNG.....	0,5
22	617105	PHAO XĂNG.....	2,0



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	16700-KOR-V01	PUMP UNIT, FUEL	1	1	1	1		BỘ BƠM XĂNG
2	16701-K53-B01	FLANGE UNIT	1	1	1	1		CỤM MÉP BÌNH XĂNG
3	16706-KOJ-N01	O-RING(P5)	1	1	1	1		PHỚT O (P5)
4	16707-KOR-V01	FILTER SET	1	1	1	1		BỘ LỌC
5	16798-KOR-V01	O-RING SET	1	1	1	1		BỘ PHỚT O
6	17231-PFB-003	CLAMP, TUBE(D49)	2	2	2	2		KẸP ÓNG (D49)
7	17412-KOR-V00	TUBE A, FUEL TANK BREATHER ..	1	1	1	1		ỐNG A THÔNG HƠI BÌNH XĂNG
8	17416-KOR-V00	TUBE B, FUEL TANK BREATHER ..	1	1	1	1		ỐNG B THÔNG HƠI BÌNH XĂNG
9	17501-KOR-V00	METAL COMP., FUEL FILLER	1	1	1	1		CỤM KIM LOẠI ĐỖ XĂNG
10	17507-KOR-V00	TRAY, FUEL	1	1	1	1		KHAY XĂNG
11	17510-KOR-V00	TANK COMP., FUEL	1	1	1	1		CỤM BÌNH XĂNG
12	17511-KOR-V00	TUBE, FUEL JOINT	1	1	1	1		ỐNG NỐI NHIÊN LIỆU
13	17513-KOR-V00	STAY, CHARGE TUBE	1	1	1	1		GIÁ GIỮ ỐNG NẠP
14	17514-KOR-V00	STAY, FUEL FILLER	1	1	1	1		GIÁ GIỮ BÌNH XĂNG
15	17515-K12-900	JOINT, 3WAY	1	1	1	1		KHỚP 3 CHIỀU
16	17517-GGL-J00	RETAINER, FUEL PUMP	2	2	2	2		VÒNG GIỮ BƠM XĂNG
17	17518-GHB-603	SEAL, DUST (TSUANG HINE INDUSTRIAL)	1	1	1	1		PHỚT CHÂN BỤI (TSUANG HINE INDUSTRIAL)
18	17525-KBN-900	JOINT, FUEL TUBE	1	1	1	1		KHỚP ÓNG XĂNG
19	17570-KOR-V01	HOSE COMP., FUEL FEED	1	1	1	1		CỤM ỐNG NẠP XĂNG
20	17572-GHB-601	O-RING, FUEL PUMP(ARAI)	1	1	1	1		PHỚT O BƠM XĂNG (ARAI)
21	17620-KWN-981	CAP COMP., FUEL FILLER	1	1	1	1		CỤM NẮP MỠ BÌNH XĂNG
22	37800-KOR-V01	FUEL UNIT	1	1	1	1		CỤM XĂNG
23	90659-734-K51	CLIP, HARNESS(NIFCO)	1	1	1	1		KẸP BÓ DÂY (NIFCO)
24	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM	4	4	4	4		ĐAI ỐC MẶT BÍCH 6MM

F-26

BÌNH XĂNG

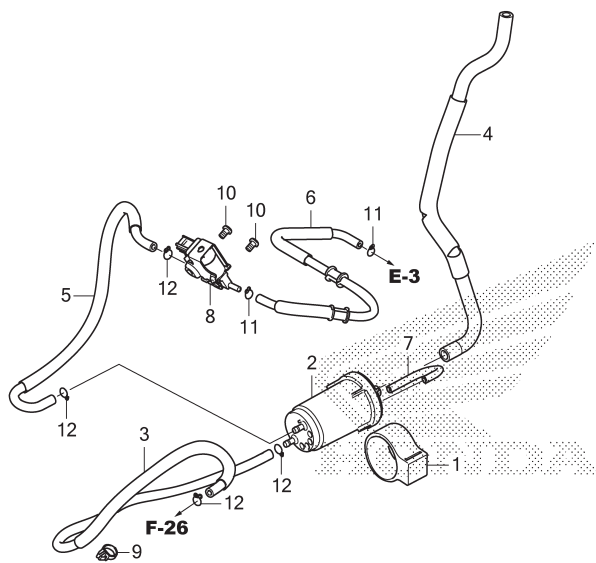


Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
25	95002-02080	CLIP, TUBE (B8)	4	4	4	4		KẸP ÓNG (B8)
26	95003-23025-31	TUBE, VINYL, 8X12X250 (95003-23001-60M)	1	1	1	1		ÓNG VINYL, 8X12X250 (95003-23001-60M)
27	95701-06010-00	BOLT, FLANGE, 6X10	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X10
28	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12	6	6	6	6		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12



F-27

HỘP LỌC KHÍ BÌNH XĂNG



KOR8F2700

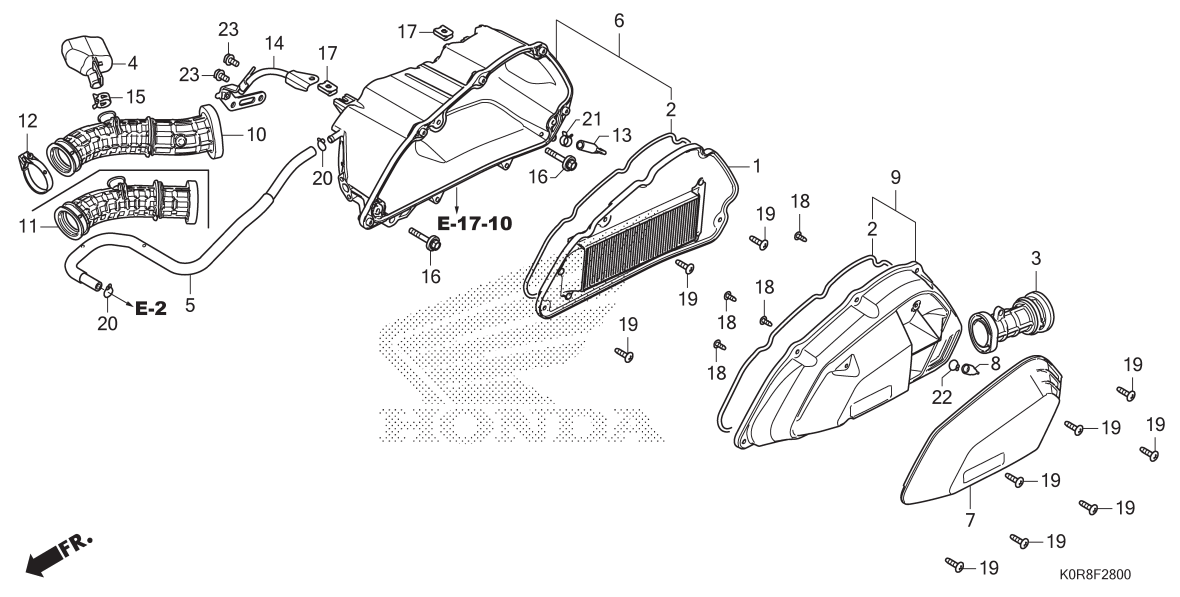
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	3141A4	HỘP LỌC KHÍ BÌNH XĂNG	1,7
8	3141A9	VAN KIỂM SOÁT BÌNH XĂNG	0,4



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	17311-GFM-K00	RUBBER, CANISTER MOUNTING ...	1	1	1	1		CAO SU BẮT HỘP LỌC KHÍ BÌNH XĂNG
2	17410-KOR-V01	CANISTER COMP.	1	1	1	1		CỤM HỘP LỌC KHÍ BÌNH XĂNG
3	17411-KOR-V00	TUBE, CHARGE	1	1	1	1		ỐNG NẠP KHÍ
4	17413-KOR-V00	TUBE, CANISTER AIR	1	1	1	1		ỐNG KHÍ HỘP LỌC KHÍ
5	17414-KOR-V00	TUBE A, PURGE	1	1	1	1		ỐNG LỌC KHÍ A
6	17415-KOR-V00	TUBE B, PURGE	1	1	1	1		ỐNG LỌC KHÍ B
7	17417-KOR-V00	TUBE, DRAIN	1	1	1	1		ỐNG XẢ
8	36162-KOR-V01	VALVE, PURGE CONTROL SOLENOID	1	1	1	1		VAN ĐIỆN TỬ KIỂM SOÁT BÌNH XĂNG
9	90659-734-K51	CLIP, HARNESS(NIFCO)	1	1	1	1		KẸP BÓ DÂY (NIFCO)
10	93500-05008-OH	SCREW, PAN, 5X8	2	2	2	2		VÍT 5X8
11	95002-02070	CLIP, TUBE(B7)	2	2	2	2		KẸP ỐNG (B7)
12	95002-02080	CLIP, TUBE(B8)	4	4	4	4		KẸP ỐNG (B8)

F-28

LỌC GIÓ



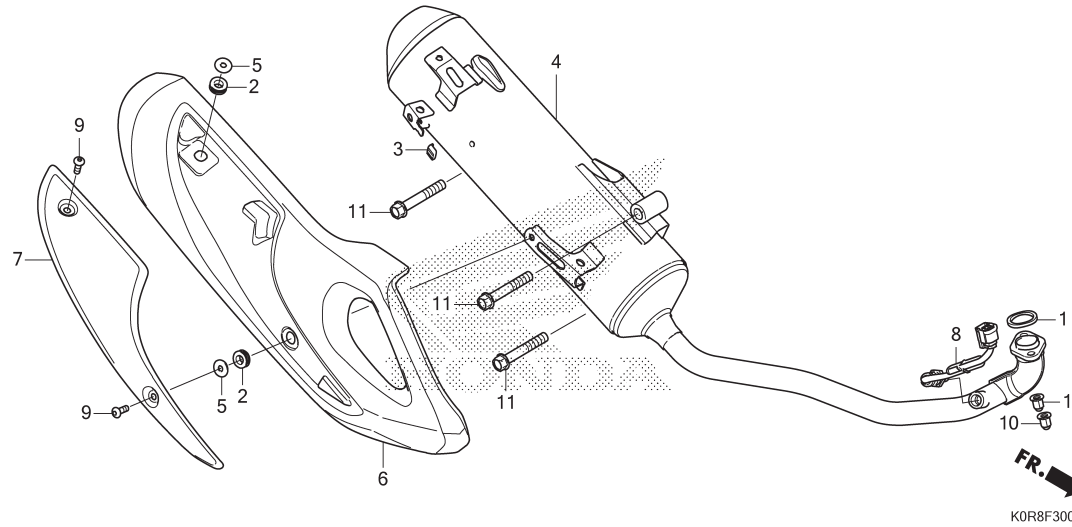
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1		(2)	
1	312105	TĂM LỌC GIÓ.....	0,2
4	3121C1	HỘP CỘNG HƯỞNG.....	0,2
6	3121A5	HỘP LỌC GIÓ.....	0,6
9		(3,7)	
312102		ỚP HỘP LỌC GIÓ.....	0,3
10		(11)	
3121B6		ÔNG NỘI LỌC GIÓ.....	0,6

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	17210-KOR-V00	ELEMENT COMP., AIR CLEANER ..	1	1	1	1		CỤM TĂM LỌC GIÓ
2	17213-K01-900	SEAL, AIR CLEANER	2	2	2	2		PHỐT LỌC GIÓ
3	17215-KOR-V00	DUCT, AIR CLEANER	1	1	1	1		ÔNG DẪN LỌC GIÓ
4	17216-KOR-V00	RESONATOR	1	1	1	1		HỘP CỘNG HƯỞNG
5	17218-KOR-V00	TUBE, BREATHER	1	1	1	1		ÔNG THÔNG HƠI
6	17225-KOR-V00	CASE SUB ASSY., AIR CLEANER -	1	1	1	1		CỤM HỘP LỌC GIÓ
7	17234-KOR-V00	COVER, AIR CLEANER DUCT	1	1	1	1		ỚP ỜNG LỌC GIÓ
8	17236-KVB-900	PLUG, AIR CLEANER DRAIN	1	1	1	1		NÚT XẢ LỌC GIÓ
9	17245-KOR-V00	COVER SUB ASSY., AIR CLEANER	1	1	1	1		CỤM ỚP LỌC GIÓ
10	17253-KOR-V00	TUBE, AIR CLEANER CONNECTING	1	1	-	-		ÔNG NỘI LỌC GIÓ
11	17253-KOS-V00	TUBE, AIR CLEANER CONNECTING	-	-	1	1		ÔNG NỘI LỌC GIÓ
12	17256-KOR-V00	BAND, AIR CLEANER CONNECTING TUBE(44)	1	1	1	1		ĐAI ỜNG NỘI LỌC GIÓ (44)
13	17261-K12-930	TUBE, DRAIN	1	1	1	1		ỜNG XẢ
14	17271-KOR-V00	STAY, AIR CLEANER	1	1	1	1		GIÁ GIỮ LỌC GIÓ
15	19509-KPH-900	CLAMP, TUBE(D19)	1	1	1	1		KỆP ỜNG (D19)
16	90141-KOR-V00	BOLT-WASHER, 6X40	2	2	2	2		BU LÔNG CỎ ĐỆM 6X40
17	90305-GEE-710	NUT, CLIP, 6MM	2	2	2	2		ĐAI ỜC KỆP 6MM
18	93903-24380	SCREW, TAPPING, 4X12	4	4	4	4		VÍT TỰ REN 4X12
19	93903-25480	SCREW, TAPPING, 5X20	10	10	10	10		VÍT TỰ REN 5X20
20	95002-02130	CLIP, TUBE(B12.5)	2	2	2	2		KỆP ỜNG (B12,5)
21	95002-41200-08	CLAMP, TUBE(D12)	1	1	1	1		KỆP ỜNG (D12)
22	95002-80000	CLIP, TUBE(C12)	1	1	1	1		KỆP ỜNG (C12)
23	95701-06012-07	BOLT, FLANGE, 6X12	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12



F-30

ỐNG XẢ



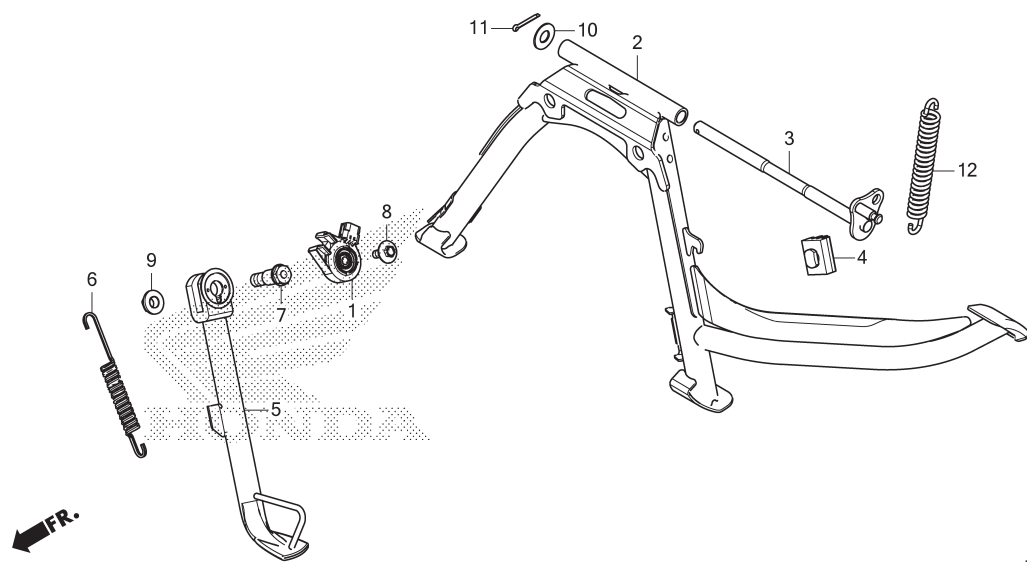
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	3131B4	GIOĂNG ỐNG XẢ.....	0,2
4	313120	ỐNG XẢ	0,4
6	3131N1	ÓP A BẢO VỆ ỐNG XẢ.....	0,1
7	3131N2	ÓP B BẢO VỆ ỐNG XẢ	0,1
8	617121	CẢM BIẾN OXY	0,3

3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	18291-GE2-921	GASKET, EX. PIPE	1	1	1	1		GIOĂNG ỐNG XẢ
2	18293-KSB-900	RUBBER, PROTECTOR PACKING ...	2	2	2	2		CAO SU BẮT GIOĂNG ÓP BẢO VỆ ỐNG
3	18293-MCA-A20	RUBBER, PROTECTOR PACKING ...	1	1	1	1		CAO SU BẮT GIOĂNG ÓP BẢO VỆ ỐNG
4	18300-K0R-V00	MUFFLER COMP., EX.	1	1	-	-		CỤM ỐNG XẢ
	18300-K0S-V00	-	-	1	1		
5	18316-K01-900	COLLAR, MUFFLER PROTECTOR ...	2	2	2	2		BẠC ÓP BẢO VỆ ỐNG XẢ
6	18318-K0R-V00	PROTECTOR A, MUFFLER	1	1	1	1		ÓP A BẢO VỆ ỐNG XẢ
7	18319-K0R-V00	PROTECTOR B, MUFFLER	1	1	1	1		ÓP B BẢO VỆ ỐNG XẢ
8	36531-K0R-V01	SENSOR, OXYGEN	1	1	1	1		CẢM BIẾN OXY
9	90132-MFJ-D00	BOLT, SPECIAL, 6X18(SUS)	2	2	2	2		BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6X18 (SUS)
10	90304-MJ0-920	NUT, CAP, 7MM	2	2	2	2		ĐAI ỐC CÓ MŨ 7MM
11	95701-10065-07	BOLT, FLANGE, 10X65	3	3	3	3		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X65

F-35

CHÂN CHỐNG



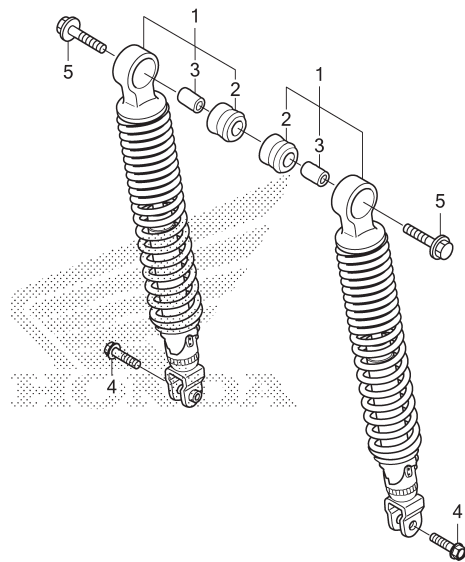
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	615195	CÔNG TÁC CHÂN CHỐNG NGHIÊNG	0,3
2		(3)	
	410175	CHÂN CHỐNG ĐỨNG	0,4
5	410180	THANH CHỐNG NGHIÊNG	0,3
6	410182	LÒ XO CHÂN CHỐNG NGHIÊNG	0,2
12	410176	LÒ XO CHÂN CHỐNG ĐỨNG	0,2

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	35700-K0J-N01	SWITCH ASSY., SIDE STAND	1	1	1	1		CỤM CÔNG TÁC CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
2	50500-K0R-V00	STAND COMP., MAIN	1	1	1	1		CỤM CHÂN CHỐNG ĐỨNG
3	50503-K0R-V00	SHAFT, MAIN STAND	1	1	1	1		TRỤC CHÂN CHỐNG ĐỨNG
4	50505-GR1-710	RUBBER, STAND STOPPER	1	1	1	1		CAO SU HÃM CHÂN CHỐNG
5	50530-K0R-V00	BAR COMP., SIDE STAND	1	1	1	1		THANH CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
6	50535-K12-900	SPRING, SIDE STAND	1	1	1	1		LÒ XO CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
7	90108-MK6-670	BOLT, SIDE STAND PIVOT	1	1	1	1		BU LÔNG CHÓT CHÂN CHỐNG NGHIÊNG
8	90147-KVB-900	BOLT, SPECIAL, 6X16	1	1	1	1		BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6X16
9	90307-K66-V01	NUT, FLANGE, 10MM(PT)	1	1	1	1		ĐAI ỐC MẶT BÍCH 10MM (PT)
10	94101-10800	WASHER, PLAIN, 10MM	1	1	1	1		VÒNG ĐỆM PHẪNG 10MM
11	94201-30200	PIN, SPLIT, 3.0X20	1	1	1	1		CHÓT CHẼ 3,0X20
12	95014-71202	SPRING B, MAIN STAND	1	1	1	1		LÒ XO B CHÂN CHỐNG ĐỨNG



F-36

GIẢM XÓC SAU



K0R8F3600

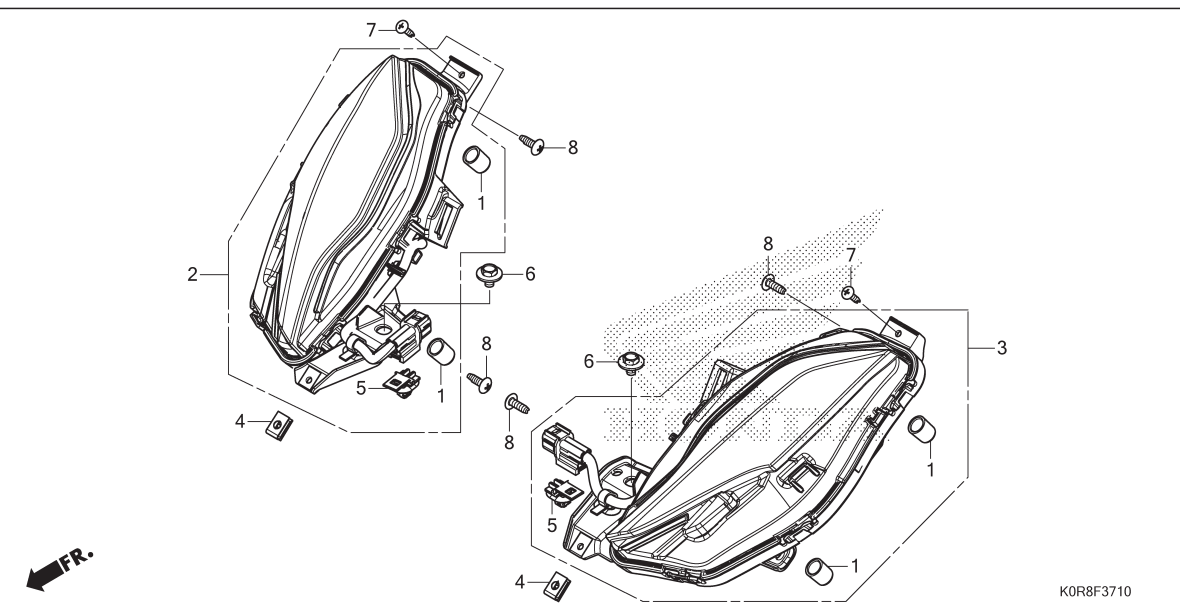
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	5121B6	CỤM GIẢM XÓC PHÍA SAU: BÊN TRÁI	1,0
	5121B7	CỤM GIẢM XÓC PHÍA SAU: BÊN PHẢI	1,0
	5121B8	CỤM GIẢM XÓC PHÍA SAU: HAI BÊN	1,1



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	52400-K77-V01	CUSHION ASSY., RR. (SHOWA) ...	2	2	2	2		CỤM GIẢM XÓC SAU (SHOWA)
2	52485-088-901	BUSH, RR. CUSHION RUBBER (SHOWA)	2	2	2	2		BẠC CAO SU GIẢM CHÂN PHÍA SAU (SHOWA)
3	52486-GA7-003	COLLAR, RUBBER BUSH (SHOWA) ..	2	2	2	2		BẠC LÓT CAO SU (SHOWA)
4	95801-08030-00	BOLT, FLANGE, 8X30	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 8X30
5	95801-10040-00	BOLT, FLANGE, 10X40	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X40

F-37-10

ĐÈN BÁO RẼ TRƯỚC



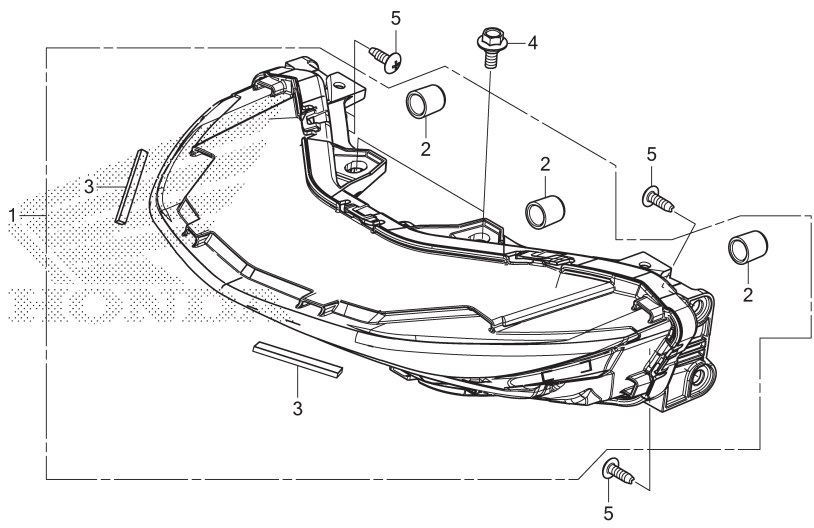
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
2	6161C4	ĐÈN BÁO RẼ: PHÍA TRƯỚC BÊN PHẢI.....	0,5
3	6161C3	ĐÈN BÁO RẼ: PHÍA TRƯỚC BÊN TRÁI.....	0,5
	6161C5	ĐÈN BÁO RẼ: PHÍA TRƯỚC CẢ HAI BÊN.....	0,8

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	33113-K07-M51	PIPE, CP	4	4	4	4		ỐNG CP
2	33400-KOR-V01	WINKER ASSY., R. FR.	1	1	1	1		CỤM ĐÈN BÁO RẼ TRƯỚC PHẢI
3	33450-KOR-V01	WINKER ASSY., L. FR.	1	1	1	1		CỤM ĐÈN BÁO RẼ TRƯỚC TRÁI
4	90302-KWW-A00	NUT, SPRING, 4MM	2	2	2	2		ĐẠI ỐC LÒ XO 4MM
5	91535-TAO-003	CLIP, COUPLER(DARK BROWN) ...	2	2	2	2		KẸP ĐẦU NỐI CHỖ (NẬU SẮM)
6	93404-06010-00	BOLT-WASHER, 6X10	2	2	2	2		BU LÔNG CÓ ĐỆM 6X10
7	93903-34480	SCREW, TAPPING, 4X16	2	2	2	2		VÍT TỰ REN 4X16
8	93903-35310	SCREW, TAPPING, 5X16	4	4	4	4		VÍT TỰ REN 5X16



F-38-10

CỤM ĐÈN HẬU



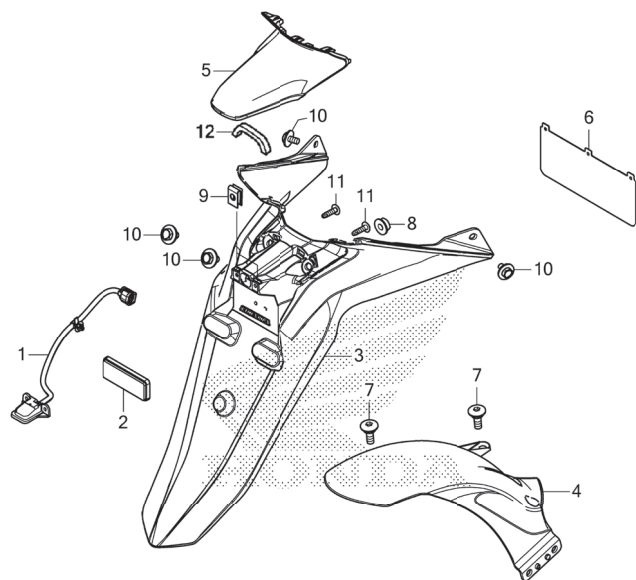
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6161D5	CỤM ĐÈN HẬU	1,0

3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	33070-KOR-V01	LIGHT SET, RR. COMBINATION ..	1	1	1	1		BỘ ĐÈN HẬU
2	33113-K07-M51	PIPE, CP	3	3	3	3		ỐNG CP
3	83524-KOR-V00	FASTENER, DUAL LOCK 10X35 ...	2	2	2	2		CHÓT KHÓA ĐÔI 10X35
4	90111-162-000	BOLT, FLANGE, 6MM	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6MM
5	93903-35310	SCREW, TAPPING, 5X16	4	4	4	4		VÍT TỰ REN 5X16

F-39

CHÂN BÙN SAU/ĐÈN SOI BIỂN SỐ



KOR8F3900

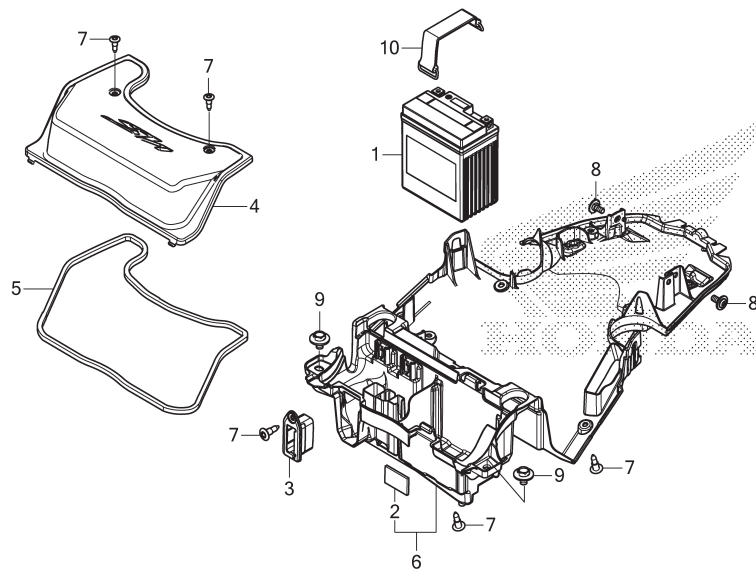
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	6161D8	ĐÈN SOI BIỂN SỐ	1,0
3	413102	CHÂN BÙN SAU	1,0
4	413111	CHÂN BÙN SAU C.....	0,1
5	6161P5	ÓP ĐÈN SOI BIỂN SỐ.....	0,1

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	33720-KOR-V01	LIGHT ASSY., LICENSE	1	1	1	1		CỤM ĐÈN SOI BIỂN SỐ
2	33741-K29-901	REFLECTOR, REFLEX	1	1	1	1		TẤM PHẢN QUANG REFLEX
3	80100-KOR-V00ZA	FENDER SET A, RR.(WL) *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		BỘ CHÂN BÙN SAU A (CÓ TEM) *NH1*
4	80102-KOR-V00	FENDER C, RR.	1	1	1	1		CHÂN BÙN SAU C
5	80105-KOR-V00ZA	COVER, LICENSE LIGHT *NH1*.....BLACK	1	1	1	1		ÓP ĐÈN SOI BIỂN SỐ *NH1*
6	80108-KOR-V00	PLATE, SPLASH GUARD	1	1	1	1		TẤM CHÂN BÙN
7	90101-K29-900	BOLT, SOCKET, 6X18	2	2	2	2		BU LÔNG GIÁC CHÌM 6X18
8	90301-KWN-901	NUT, U, 5MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC U 5MM
9	90302-KWW-A00	NUT, SPRING, 4MM	2	2	2	2		ĐAI ỐC LÒ XO 4MM
10	93404-06012-00	BOLT-WASHER, 6X12	4	4	4	4		BU LÔNG ĐỆM 6X12
11	93903-34480	SCREW, TAPPING, 4X16	2	2	2	2		VÍT TỰ REN 4X16
12	80106-KOR-V00	CUSHION.....	1	1	1	1		ĐỆM



F-40

BÌNH ĐIỆN



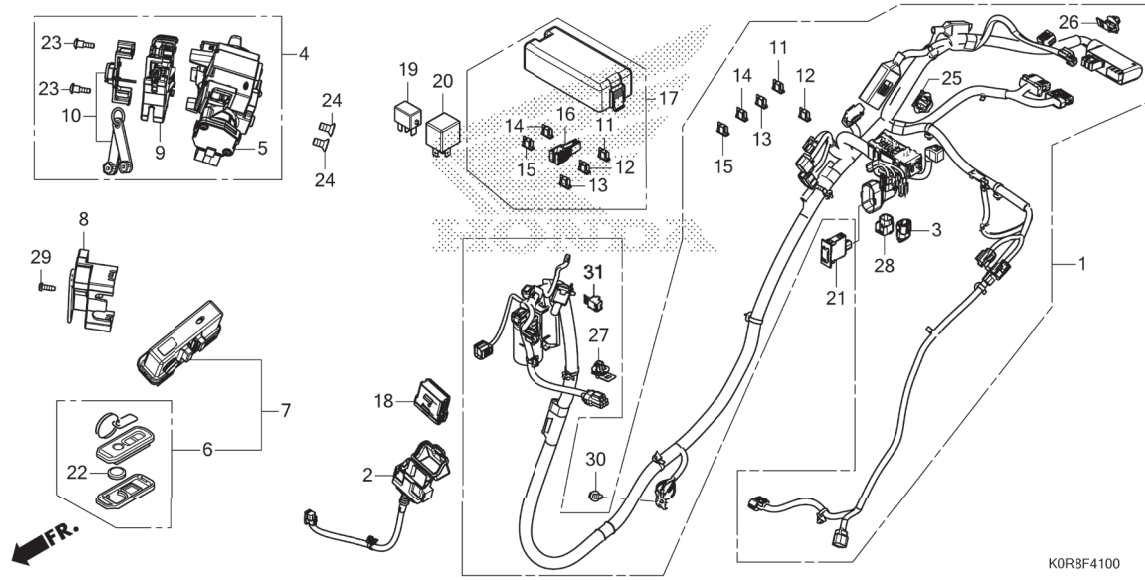
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	610100	BÌNH ĐIỆN	0,2
4	6101A1	ÓP BÌNH ĐIỆN	0,1
6	410185	HỘP BÌNH ĐIỆN	1,3

3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	31500-K01-901	BATTERY (GTZ6V) (GS YUASA)	1	1	1	1		BÌNH ĐIỆN (GTZ6V) (GS YUASA)
2	50327-KTW-900	CUSHION, BATTERY	1	1	1	1		GIẤM XÓC BÌNH ĐIỆN
3	81251-KOR-V00	LID, USB SOCKET	1	1	1	1		NÁP Ó CẮM USB
4	81300-KOR-V00	LID, BATTERY BOX	1	1	1	1		NÁP HỘP BÌNH ĐIỆN
5	81301-KOR-V00	SEAL, BATTERY BOX LID	1	1	1	1		PHỐT NÁP HỘP BÌNH ĐIỆN
6	81320-KOR-V00	BOX, BATTERY	1	1	1	1		HỘP BÌNH ĐIỆN
7	90116-SP0-003	CLIP, BUMPER SEAL	5	5	5	5		KẸP PHỐT CẢN
8	91509-GE2-760	SCREW, PAN, 5X11.5	2	2	2	2		VÍT 5X11,5
9	93404-06010-00	BOLT-WASHER, 6X10	2	2	2	2		BU LÔNG CÓ ĐỆM 6X10
10	95012-12001	BAND B1, BATTERY	1	1	1	1		ĐAI BÌNH ĐIỆN B1

F-41

BÓ DÂY



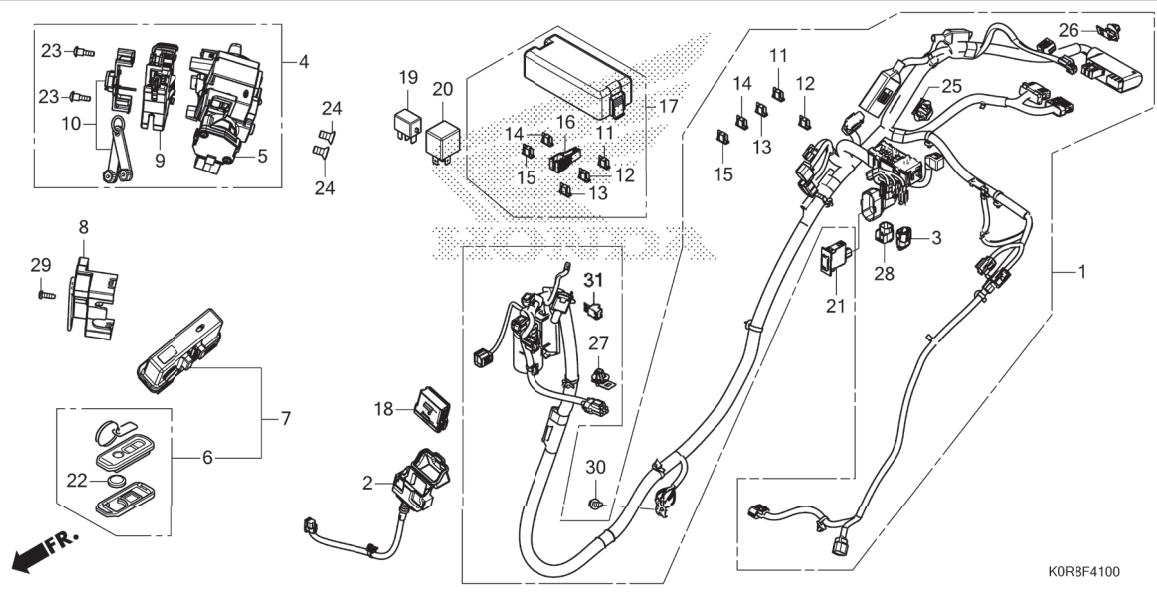
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	611100	BÓ DÂY	2,2
2	6111Z3	BÓ DÂY PHỤ BỘ BLUETOOTH	0,6
4		(5)	
	6151K9	CÔNG TÁC KHÓA TAY LÁI.....	1,7
7	6181D3	BỘ ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH	1,5
		.BAO GỒM: Xác thực Ghi nhớ số ID	
9		(10)	
	6151E8	CÔNG TÁC YÊN XE VÀ HỘP ĐỒ	0,4
18	6181E4	BỘ ĐIỀU KHIỂN BLUETOOTH.....	0,5
19	611155	RƠ LE CHÍNH	0,3
20	6111C5	RƠ LE ĐỂ	0,3
21	6111Z4	BỘ SẠC USB	0,2

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
1	32100-KOR-V02	HARNESS, WIRE	1	-	-	-	BÓ DÂY	
	32100-KOR-V12	-	1	-	-		
	32100-KOS-V02	-	-	1	-		
	32100-KOS-V12	-	-	-	1		
2	32103-KOS-V00	SUB HARNESS, BLUETOOTH UNIT	1	-	1	1	BÓ DÂY PHỤ BỘ BLUETOOTH	
3	32605-KCW-J91	CAP, DUMMY(2P)(BLUE)	1	1	1	1	NÁP CHỤP ĐẦU NỖI THỬ (2P) (XANH)	
4	35100-KOR-V01	SWITCH ASSY., HANDLE LOCK ...	1	1	1	1	CỤM CÔNG TÁC KHÓA TAY LÁI	
5	35101-KOR-V01	SWITCH COMP., HANDLE LOCK ...	1	1	1	1	BỘ CÔNG TÁC KHÓA TAY LÁI	
6	35121-KOR-V00	FOB ASSY.	1	1	1	1	CỤM THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN FOB	
7	35141-KOR-V00	CONTROL UNIT SET, SMART	1	1	1	1	BỘ ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH	
8	35191-K53-D01	COVER, CABLE	1	1	1	1	ÓP DÂY	
9	35193-KOR-V01	SWITCH ASSY., SEAT OPENER ...	1	1	1	1	CỤM CÔNG TÁC MỠ YÊN	
10	35194-KOR-V01	KEY SET, EMERGENCY	1	1	1	1	BỘ CHÌA KHẨN CẤP	
11	38221-SNA-A31	FUSE, BLADE(7.5A)	8	9	8	9	CẦU CHỈ (7,5A)	
12	38221-SNA-A41	FUSE, BLADE(10A)	2	2	2	2	CẦU CHỈ (10A)	
13	38221-SNA-A51	FUSE, BLADE(15A)	-	2	-	2	CẦU CHỈ (15A)	
14	38221-SNA-A61	FUSE, BLADE(20A)	2	2	2	2	CẦU CHỈ (20A)	
15	38221-SNA-A81	FUSE, BLADE(30A)	-	2	-	2	CẦU CHỈ (30A)	
16	38235-SNA-A01	PULLER, MINI FUSE	1	1	1	1	DỤNG CỤ THẢO CẦU CHỈ MINI	
17	38255-KOR-V01	COVER ASSY., POWER BOX	1	-	1	-	CỤM ÓP HỘP NGUỒN	
	38255-KOR-V11	-	1	-	1		
18	38350-KOS-V01	UNIT ASSY., BLUETOOTH(LE) ...	-	-	1	1	BỘ BLUETOOTH (LE)	
19	38501-KVZ-631	RELAY ASSY., POWER (MICRO ISO 4P)(MITSUBA)	1	1	1	1	CỤM RƠ LE CÔNG SUẤT (MICRO ISO 4P) (MITSUBA)	
20	38502-KWN-901	RELAY COMP., POWER(5P) (PANASONIC)	1	1	1	1	CỤM RƠ LE NGUỒN (5P) (PANASONIC)	



F-41

BỘ DÂY



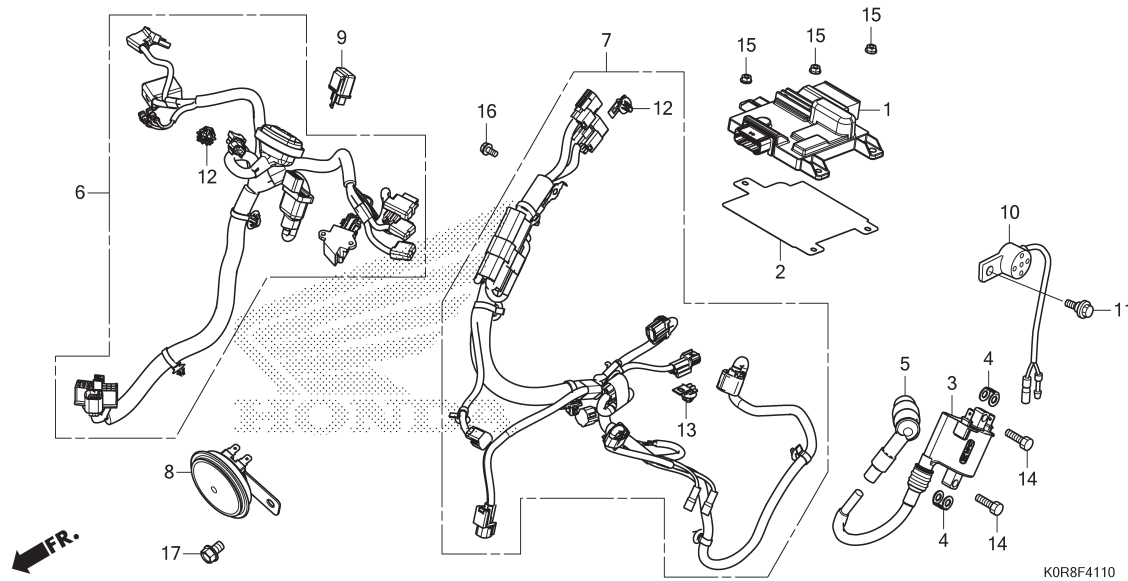
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
31	6131ED	ĐIỐT.....	0,7



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
21	38940-KOR-V01	CHARGER UNIT, USB (TYPE-A) ...	1	1	1	1	BỘ SẠC USB (LOẠI A)	
22	72148-S04-000	BATTERY (CR2032)	1	1	1	1	BÌNH ĐIỆN (CR2032)	
23	90104-K53-D01	SCREW, OPENER SET	2	2	2	2	VÍT BÁT MỠ YẾN	
24	90164-KZL-A00	SCREW, U-LOCK FLAT, 6X12	2	2	2	2	VÍT DỆT KHÓA U 6X12	
25	91533-S5A-003	CLIP, COUPLER (NATURAL)	1	1	1	1	KẸP ĐẦU NỐI CHỖ (NATURAL)	
26	91535-STK-003	CLIP, COUPLER (DARK BLUE)	1	1	1	1	KẸP ĐẦU NỐI CHỖ (XANH Sẫm)	
27	91535-TA0-003	CLIP, COUPLER (DARK BROWN) ...	-	-	1	1	KẸP ĐẦU NỐI CHỖ (NÀU Sẫm)	
28	91771-MKK-H11	CAP, DUMMY (6P) (RED)	1	1	1	1	NẮP CHỤP ĐẦU NỐI THỬ (6P) (ĐỎ)	
29	93901-24320	SCREW, TAPPING, 4X12	1	1	1	1	VÍT TỰ REN 4X12	
30	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12	1	1	1	1	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12	

F-41-10

BỘ DÂY PHỤ/CUỘN ĐÁNH LỬA

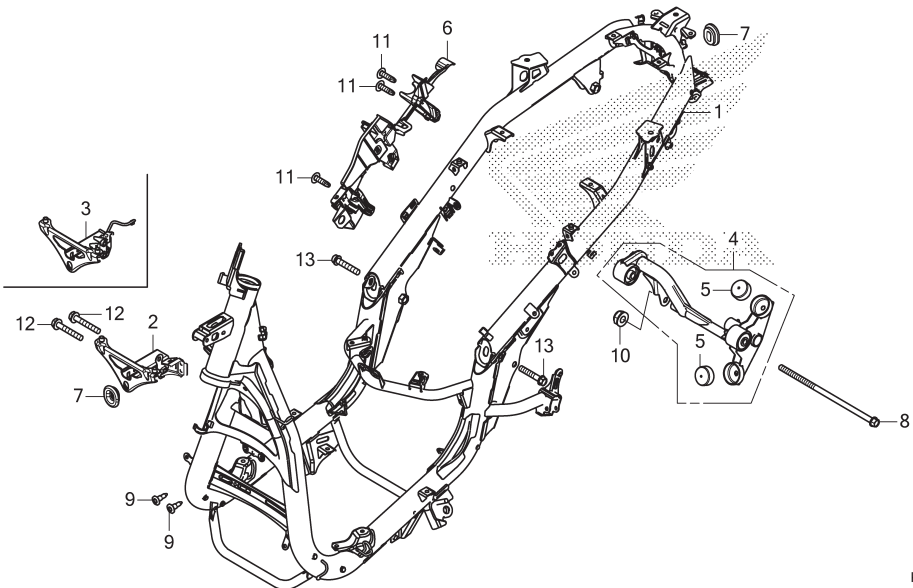


STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	618135	MÔ-ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECM)BAO GỒM: Xác thực Ghi nhớ số ID	1,6
3	614105	CUỘN ĐÁNH LỬA	0,6
5	6141E3	NẬP CHỤP BUGI	0,6
6	6111D7	BỘ DÂY PHỤ PHÍA TRƯỚC.....	1,0
7	611142	BỘ DÂY PHỤ ĐỘNG CƠ	1,6
	6111R9	BỘ DÂY PHỤ ĐỘNG CƠ (A)..... .LƯU Ý: Với cảm biến VS	1,8
8	616169	CÒI.....	0,4
9	6111C3	RƠ LE ĐÈN BÁO RẼ	0,6
10	6161AB	CÒI BÁO ĐIỆN TỬ.....	1,0

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	30400-K0R-V02	CONTROL UNIT, ENGINE	1	-	-	-	CỤM KIỂM SOÁT ĐỘNG CƠ	
	30400-K0R-V12	-	1	-	-		
	30400-K0S-V02	-	-	1	-		
	30400-K0S-V12	-	-	-	1		
2	30401-K0R-V00	COVER, ENGINE CONTROL UNIT ..	1	1	1	1	ÓP CỤM KIỂM SOÁT ĐỘNG CƠ	
3	30510-K0R-V01	COIL COMP., IGNITION	1	1	1	1	CUỘN ĐÁNH LỬA	
4	30520-GFM-900	SPACER, IGNITION COIL	2	2	2	2	MIẾNG ĐỆM CUỘN ĐÁNH LỬA	
5	30700-K0R-V01	CAP ASSY., NOISE SUPPRESSOR ..	1	1	1	1	NẬP CHỤP BUGI	
6	32101-K0R-V00	SUB HARNESS, FR.	1	-	-	-	BỘ DÂY PHỤ PHÍA TRƯỚC	
	32101-K0R-V10	-	1	-	-		
	32101-K0S-V00	-	-	1	-		
	32101-K0S-V10	-	-	-	1		
7	32104-K0R-V00	SUB HARNESS, ENGINE	1	-	1	-	BỘ DÂY PHỤ ĐỘNG CƠ	
	32104-K0R-V10	-	1	-	1		
8	38110-K0R-V01	HORN COMP.	1	1	1	1	CỤM CÒI	
9	38301-KZZ-J01	RELAY COMP., WINKER(LED)	1	1	1	1	CỤM RƠ LE ĐÈN NHÁY (LED)	
10	38720-K66-V11	BUZZER ASSY.	1	1	1	1	CỤM CÒI BÁO	
11	90107-KVB-900	BOLT, SPECIAL, 6MM	1	1	1	1	BU LÔNG ĐẶC BIỆT 6MM	
12	91535-STK-003	CLIP, COUPLER(DARK BLUE)	2	2	2	2	KẸP ĐẦU NỐI CHỖ (XANH SẼM)	
13	91565-SOX-003	CLIP, COUPLER(DARK GREEN)	-	1	-	1	KẸP ĐẦU NỐI CHỖ (LỤC ĐẬM)	
14	92101-06020-4J	BOLT, HEX., 6X20	2	2	2	2	BU LÔNG LỤC GIÁC 6X20	
15	94050-06000	NUT, FLANGE, 6MM	3	3	3	3	ĐAI ỐC MẶT BÍCH 6MM	
16	95701-06012-00	BOLT, FLANGE, 6X12	1	1	1	1	BU LÔNG MẶT BÍCH 6X12	
17	95701-08012-07	BOLT, FLANGE, 8X12	1	1	1	1	BU LÔNG MẶT BÍCH 8X12	

F-42

KHUNG XE



KOR8F4200

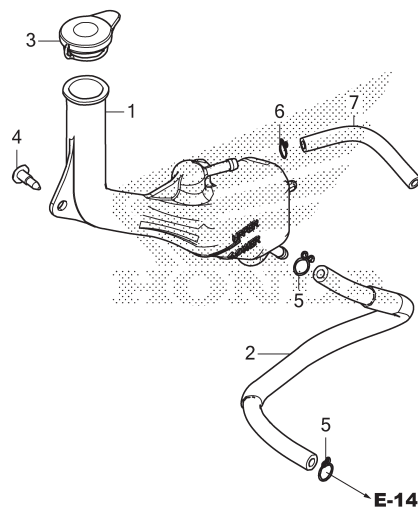
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	410100	KHUNG XE.....	5,2
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	
2	411105	GIÁ ÓP TRƯỚC.....	1,2
	411105C	.Bổ sung ABS	0,3
4	4101B5	LIÊN KẾT GIÁ TREO ĐỘNG CƠ.....	2,3
		.BAO GỒM: Tháo và lắp động cơ	



Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	50100-KOR-V00	BODY COMP., FRAME	1	1	1	1		CỤM KHUNG XE
2	50310-KOR-V00	STAY COMP., FR. COVER	1	-	1	-		CỤM GIÁ GIỮ ÓP TRƯỚC
3	50310-KOR-V10	STAY COMP., FR. COVER	-	1	-	1		CỤM GIÁ GIỮ ÓP TRƯỚC
4	50350-KOR-V00	LINK ASSY., ENGINE HANGER ...	1	1	1	1		CỤM LIÊN KẾT GIÁ TREO ĐỘNG CƠ
5	50352-KGF-900	RUBBER, STOPPER	2	2	2	2		CAO SU HÃM PHANH
6	50360-KOR-V00	HOLDER, HARNESS	1	1	1	1		GIÁ GIỮ BÓ DÂY
7	83551-GE2-000	GROMMET, AIR CLEANER CASE ...	2	2	2	2		VÒNG ĐỆM HỘP LỌC GIÓ
8	90105-KOR-V00	BOLT, FLANGE, 10X255	1	1	1	1		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X255
9	90116-SP0-003	CLIP, BUMPER SEAL	2	2	2	2		KẸP PHỐT CÁN
10	90304-KGH-901	NUT, U, 10MM	1	1	1	1		ĐAI ỐC U 10MM
11	93903-34410	SCREW, TAPPING, 4X16	3	3	3	3		VÍT TỰ REN 4X16
12	95801-06040-00	BOLT, FLANGE, 6X40	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 6X40
13	95801-10055-00	BOLT, FLANGE, 10X55	2	2	2	2		BU LÔNG MẶT BÍCH 10X55

F-43

BÌNH DỰ TRỮ



KOR8F4300

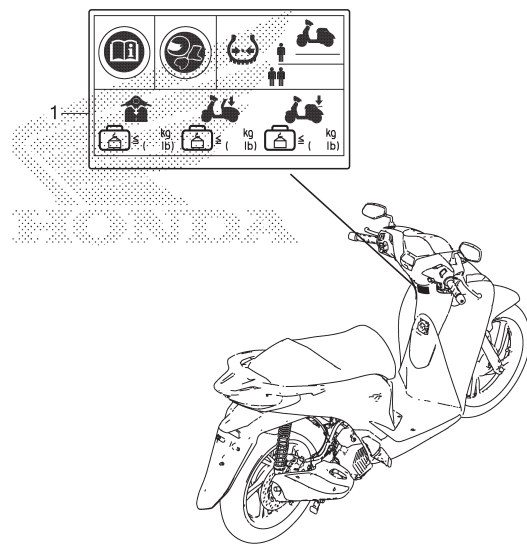
STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
1	115110	BÌNH DỰ TRỮ KẾT TẢN NHIỆT.....	0,4
2	1151E5	ỐNG BÌNH DỰ TRỮ KẾT TẢN NHIỆT	0,3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	19101-KOR-V00	TANK, RESERVE	1	1	1	1		BÌNH DỰ TRỮ
2	19108-KOR-V00	TUBE, RESERVE TANK	1	1	1	1		ỐNG BÌNH DỰ TRỮ
3	19109-KPC-640	CAP, RESERVE TANK	1	1	1	1		NÁP CHỤP BÌNH DỰ TRỮ
4	90116-SPO-003	CLIP, BUMPER SEAL	1	1	1	1		KẸP PHỐT CẢN
5	95002-02100	CLIP, TUBE (B10)	2	2	2	2		KẸP ÓNG (B10)
6	95002-50000	CLIP, TUBE (C9)	1	1	1	1		KẸP ÓNG (C9)
7	95005-50085-30	TUBE, 5X85 (95005-50001-30M) ..	1	1	1	1		ỐNG 5X85 (95005-50001-30M)



F-47

NHÃN CẢNH BÁO



KOR8F4700

STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
-----	--------	-----------------------------------	-----------------------

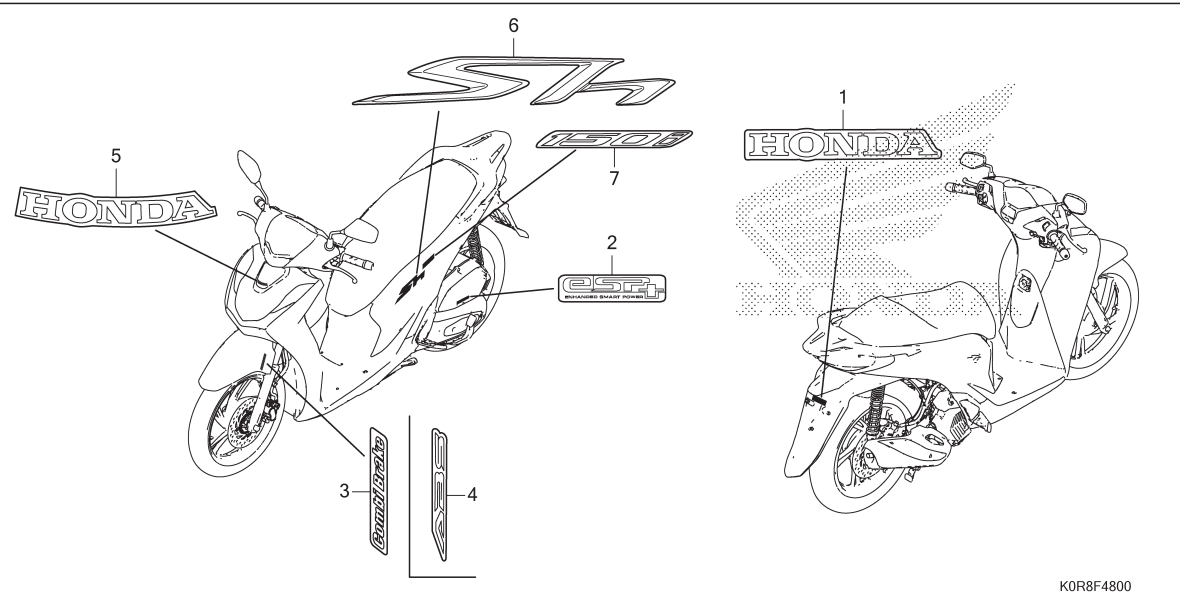
KHÔNG CÓ THÔNG TIN

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125 D L	AD L	SH150 D L	AD L		
1	87505-KOR-V00	LABEL, TIRE & DRIVE & CARGO	1	1	1	1	NHÃN LỚP XE & LÁI XE & HÀNG HÓA	

3

F-48

TEM



STT	L.O.N.	(Số tham khảo liên quan) Mô tả	Thời gian định mức
KHÔNG CÓ THÔNG TIN			

KOR8F4800

3

Stt	Mã số phụ tùng	Tên tiếng Anh	Số lượng yêu cầu				Số seri	Tên tiếng Việt
			SH125		SH150			
			D	AD	D	AD		
			L	L	L	L		
1	86102-K44-V00ZA	MARK, HONDA (60MM) *TYPE1*	1	1	1	1		TEM CHỮ HONDA (60MM) *LOẠI 1*
2	86170-KOR-V00	MARK, ENGINE	1	1	1	1		TEM ĐỘNG CƠ
3	86611-K01-900ZA	MARK (COMBI BRAKE) *TYPE2*	1	-	1	-		TEM (PHANH KẾT HỢP) *LOẠI 2*
	86611-K01-900ZB	*TYPE1*	1	-	1	-		*LOẠI 1*
4	86611-K01-D10ZA	MARK, ABS *TYPE2*	-	1	-	1		TEM CHỮ ABS *LOẠI 2*
	86611-K01-D10ZB	*TYPE1*	-	1	-	1		*LOẠI 1*
5	86641-K01-900ZA	MARK (HONDA) (65MM) *TYPE2*	1	1	1	1		TEM (HONDA) (65MM) *LOẠI 2*
6	86831-KOR-V00ZA	MARK (SH) *TYPE1*	2	2	2	2		TEM (SH) *LOẠI 1*
7	86833-K0S-V00ZB	MARK (150I) *TYPE2*	-	-	2	2		TEM (150I) *LOẠI 2*
	86833-K0S-V00ZC	*TYPE1*	-	-	2	2		*LOẠI 1*